

Tuổi thơ im lặng

Duy Khán

NÓI VỚI CÁC CON TÔI ĐÂY VỀ CUỐN SÁCH NÀY

Khánh, Khoa và Khải!

Năm nay là năm 1977

Bố bốn mươi mốt tuổi. Khánh mười lăm, Khoa mười ba. Còn Khải mới lên một. Nhìn vào khoảng cách tuổi các con cũng biết được sự biến đổi của đất nước, của đời bố mẹ trong những ngày qua.

Trải ba mươi năm chiến tranh, nay đất nước vẹn tròn.

Vào một đêm, rồi hai đêm, rồi ba đêm dưới ánh điện vàng vọt, bố có thì giờ ngồi kể chuyện. Nhưng một điều bố thấy: khi nghe đến chuyện tuổi thơ của bố thì Khánh chớp chớp mắt, rồi mắt đỏ lên; đang nói nhiều, trở thành im lặng, đang nghịch ngợm rong chơi trở thành hiền hậu chuyên cần; bài tập nham nhở trở thành chín chu; đang ăn mặc lôi thôi diêm dúa trở thành gọn gàng, giản dị... Còn Khoa, vốn đã học giỏi, nét tốt, khi nghe chuyện, đã im lặng lại im lặng hơn, miệng cắn móng tay, đôi mắt to hơi lồi nhìn chăm chăm vào khoảng không. Khoa ít nói, không nói dối, vùi đầu vào bài vở, xem sách và khi nói thì hùng hồn, khúc triết, hấp dẫn, trong sáng.

Còn Khải, nằm ngửa, miệng nhoẻn, chân đập xuống giường bành bịch, chả hiểu cậu ta có thích những chuyện này không? Chắc khi biết nghe chuyện, nó sẽ thích cũng nên.

Bố được đẻ ra ở một xóm nghèo, trong làng trại trường Bắc Ninh. Nơi ấy các con thường gọi là quê nội.

Các con sinh ra trong một thành phố lao động. Ấy thế mà vì sao các con lại đồng cảm đến mức vậy? Ví thử các con được sinh ra ở những làng quê lam lũ thì sao? Các con giục bố viết ra, viết nhanh để các con đọc lại nhiều lần.

Chao ơi! Các con của bố. Một yêu cầu chính đáng và da diết.

Trong khi một số nhà văn, nhà thơ ở Tạp chí Văn nghệ Quân đội, nơi bố ở, người ta sáng tác bằng máy rào rào. Bố đang viết dở cuốn sách về biển là một yêu cầu trong kế hoạch cũng không kém phần xúc động. Nhưng hể hờ giờ ra là bố nghĩ đến viết cho các con. Khi đặt bút thì bị lôi cuốn ngay. rưng rưng. Thế ra “đưa con ngoài kế hoạch” lại

có thể, rất có thể thông minh, tài giỏi lớn lao hơn đứa con nằm trong kế hoạch, được đón đỡ, được nuôi nấng hậu hĩ?

*Bố viết. Bố viết cho các con. Bố thương cuốn sách này lắm.
Tuổi thơ trong tập sách này tính từ bao giờ?*

*Bố tính theo lối tính của bố: từ khi biết nhận thức cho đến tuổi mười lăm. Tuổi mười lăm đúng bằng tuổi Khánh. Nhưng đẹp đẽ thay, cũng đúng là tuổi bố ra khỏi làng, đi xa, đi xa. Đi diệt quân thù, trong tay có súng.
Những chuyện trong cuốn sách này từ tuổi mười lăm của bố trở về trước. Bố sống trong truyện. Truyện trong một vùng bố ở mười lăm năm. Tất cả là người còn. người mất, cảnh còn, cảnh mất. Mỗi cảnh, mỗi người khoác vào tên mình một tên cúng cơm, tên tục, tên thật. Truyện không hề hư cấu, bịa đặt.*

*Những chuyện này bố nhớ và mang theo trong trí, nó từng đốt cháy tâm lòng suốt chặng đường bốn mươi một tuổi và hai mươi bảy năm cầm súng, làm Người đến suốt mai sau.
Hà Nội, tháng 11 năm 1977.*

Thế đất.

Đứng ở chỏm núi cao nhất nhìn xuống: núi hoàn toàn là một con rồng. Gọi chung là núi Dạm. Làng tôi ở giữa núi nên gọi là Sơn Trung hay Dạm Giữa. Tên “Dạm” hình như thuộc về tình yêu.

Quay mặt về hướng đông thị xã Lãm Dương bám vào các “chân rồng” bên trái, thoải thoải. Xã Sơn Trung bám vào bên phải.

Chỏm núi cao nhất, chả biết bao nhiêu thước, nhưng cao lắm. Tôi lên đến đỉnh rồi quay về mất một buổi sáng, mệt thừa. Dân làng, có người suốt đời chưa đặt chân đến đó. Ở làng, nhìn người trên ấy chỉ bằng cái tấm nhòe. Núi trọc. Đỉnh đầu rồng này có một phiến đá vuông vuông, nhẵn lì, bằng tám phần hai người nằm. Dân làng bảo đấy là “bàn cờ tiên”. Mỗi tháng, cứ đêm rằm, khi trăng lên đỉnh núi, thì có tám cô tiên bay xuống đánh cờ. Canh năm, gà gáy tiếng thứ nhất, trăng gác non Đoài, tám cô tiên bay về giới. Khi các cô xuống, đỉnh núi ửng lên một màu hồng hồng... Tôi cứ hình dung tám cô đẹp như các cô tiên người ta vẽ ở vỏ bánh pháo. Tôi mòn mắt đợi chờ mọi đêm rằm. Rồi một hôm, đoàn quân Nhật về tập. Chúng hốt hoảng, vội xúm đen xúm đỏ như đàn bọ, chúng hò hét inh ỏi và lật sập bàn cờ xuống. Các cụ già nghiêng răng kên két, cau mày: “Nó quý quýet thật! Nó yểm đất đấy. Nó sợ cái bàn cờ để ngựa thì vùng này sẽ có nhân tài đứng lên”. Bàn cờ bị lật sập, nhưng mãi mãi, dân làng vẫn gọi là “Núi bàn cờ tiên”. Bên cạnh cái bàn cờ có một hòn đá xanh, nhẵn lì, lúc nào cũng như mọng lên. Hai bên nổi hai gờ khum khum, ở giữa có một cái khe. Các cụ bảo đấy là “của tiên”. Mỗi khi trời mưa, nước đọng lại trong vắn vắt, nhìn thấy đã ngọt lừ. Khi vừa lên đỉnh núi khát bỏng,

ai múc được nước ấy mà uống thì khước quanh năm. Vì thế, dân làng còn gọi đây là núi “Cửa Tiên”. “Cửa Tiên” ấy sẽ đẻ ra những anh hùng hào kiệt văn nhân, thi sĩ. Mà lạ thật, ở xa xa như núi Và nhìn vào, từ Lim nhìn tới, ở Nhồi, ở Ó nhìn sang, núi lại biến thành người đàn bà nằm ngửa. Hai cái đùi mập mạp rạng hai bên, hai cái tay xải ra, có cả tóc dài, cái đầu là phía núi Lãm Dương. Cái núi “Cửa Tiên” hoàn toàn giống cái bụng chứa to lắm, sắp đẻ. Khi mưa to, nước trào từng dòng trắng xóa từ “ngực” cô Tiên như những dòng sữa tràn trề, no ấm, cả làng tha hồ mà bơi lội trong sữa. Anh hùng hào kiệt, thi sĩ văn nhân nhiều lắm. Nhưng tôi thấy các Người cứ im lặng hình như ản dật, buồn bã hoặc chờ thời đứng dậy

Dưới “đầu rồng” có cái thung lũng. Thung lũng có cái chùa của cả Tổng, nổi tiếng tỉnh Bắc Ninh. Ấy là chùa Hàm Long, gọi tắt là chùa Hàm. Giữa chùa có tượng Thích Ca cao chọc nóc chùa, đầu mười lăm thước thì phải, bằng đồng đỏ chói. Tôi ngẩng mặt nhìn ông. Tôi lột thỏm dưới áo cà sa của Ông. Chị Cún, cô Phan bảo tôi: “Đừng chỉ trỏ, cụt tay đấy”. Nhiều lần tôi chỉ trỏ mà chả thấy cụt tay, hay là sau này mới cụt? Cách xa mấy cánh đồng, có quả núi như quả thị bở đôi, úp xuống. Các cụ bảo đấy là núi Ngọc. Thôn Sơn Nam ở đây, núi Ngọc ở đúng phía Hàm Long hướng ra.

Lưng chừng đầu rồng có cái cột bằng đá sừng sững, mốc tha mốc thếch, rồng bay xung quanh, rêu đóng thành vẩy. Các cụ bảo đấy là cột cờ, cột cờ từ thời vua nhà Lý. Núi này còn được gọi là “núi Cột Cờ” nữa. Nghĩa là núi rất nhiều tên. Tên nào cũng hay quá.

Cạnh cột cờ lại có cái chùa. Chùa cao quá nên gọi là chùa Cao; chính nó là chùa Dạm. Nó có bao nhiêu là nền, xây toàn bằng đá mà khi tôi lớn lên mái đổ từ bao giờ. Mẹ bảo: “Trước nó rất nhiều mái, có những trăm gian trăm cửa. Cứ đêm mười tám, chập tối, chú tiểu đi đóng cửa chùa, đóng từ cửa thứ nhất tới cửa thứ một trăm thì ông giăng lên”. À ra câu ca ở vùng tôi: “Mười tám đóng cửa chùa Dạm” là như vậy. Không biết chùa thờ ai, nhưng chắc là được làm cùng với cột cờ.

Đứng ở cột cờ, một cái ngòi thẳng tắp đầy nước cất phăng đầu một quả núi. Quả núi hoàn toàn giống một con rùa. Quanh con rùa có bốn quả núi con, giống hệt bốn con rùa con. Từ cổ rùa mẹ thường chảy ra một luồng nước đỏ như máu, hòa vào ngòi nước thành hai dòng trắng, đỏ. Câu chuyện vẫn tắt như thế này:

... Ngày xưa, tướng Cao Biền nổi lên đánh quân Nam Chiếu. Vì dậy non, bị quân Nam Chiếu đánh chết như ngã rạ. Quân Cao Biền chết, biến thành rươi. Đời nói: “Lầy bầy như Cao Biền dậy non”. Tướng Cao Biền thua, rút về vùng Dạm, đứng đỉnh núi, Cao Biền nổi nóng, vừa rên xong cung tên, nhằm bắn thử một phát, đứt đôi cổ rùa. Đường tên bay rạch thành ngòi “Con Tên”. Đầu rùa bay thẳng mấy cánh đồng. Làng Hạ Lưu ở trên đầu con rùa. Làng này nghèo đến ngàn đời, nghèo nhất vùng này. Có nhẽ vì làng ở trên đầu rùa đã chết.

Một chiều, bố tôi bung cái mâm gỗ trong đó có đĩa trầu cau, đĩa xôi, nải chuối, bảo tôi cầm cút rượu đi theo, ngược lên núi xóm Trại. Ở lưng chừng núi có cái đền đá như cái ghé tựa, rêu mốc nặng mưa. Cây duối mọc chùm phả bóng vào đền. Bố thận trọng thấp hương, đặt mâm rồi vái khấn lẩm nhẩm. Bố bảo đấy là đền Bắc Đẩu, còn đền Nam Tào ở tít núi bên kia xóm Đông. Năm nào người ta cũng cúng hai cái đền ấy, mong cho số phận được tốt lành, được mùa được màng.

Phía trên đền Bắc Đẩu có một tảng đá khổng lồ. Ở chân núi nhìn lên, tảng đá hoàn toàn là một bà già ngồi còm lưng. Dân làng gọi đó là núi “Bà Còm”. Câu chuyện về bà thế này: Xưa có cô con gái đẹp nhất vùng này, đẹp người đẹp cả nét. Đến thời cập kê, cô chọn khắp vùng không chàng trai nào xứng làm chồng. Cô lên núi gặp Tiên. Tiên nữ bảo “ngồi đây mà nhìn khắp thiên hạ xem ai vừa ý”. Đến lưng chừng núi gặp thần Bắc Đẩu. Bắc Đẩu bảo: “con ngồi đây mà nhìn khắp thiên hạ, xem ai vừa ý”. Cô ngồi đó, tấm khăn mỏ quạ xòa ra rồi già bao giờ không biết? Lưng bà còm xuống.

Bà ngồi im, ở xa tít tắp vẫn nhìn thấy bà. Khi mưa to gió lớn, chúng tôi đi nhô cỏ, chặn bò thường sà vào lòng bà. Bà che mưa, che gió, che nắng cho bao nhiêu đời người? Bà còn ngồi đó đến bao giờ? Đi đâu xa, tôi cũng nhớ bà. Khi về từ xa tít bà đã ngoảnh nhìn tôi.

Muốn đi từ làng tôi sang làng Vân Hợp, làng Lâm Dương đều phải đi qua một cái đèo. Ấy là đèo Bểng. Đêm nào đèo Bểng cũng rực một màu sáng hơn các nơi khác. Các cụ bảo ở đấy có trâu bạc, lợn vàng. Có cụ đi ăn cỗ về khuya đã từng thấy một đàn lợn vàng chóc ụt ụt rồi biến mất. Bao lần mẹ sang bà ngoại về khuya. Mẹ bảo chả thấy gì. Mẹ gan thật! Bố đi cắt tóc rong thường về khuya. Bố cũng bảo chả thấy gì. Bố gan thật! Chỉ có lần bố nhìn thấy kẻ cướp, thấy bố chẳng có gì, họ tha.

Trước mặt xã tôi có ba cái “rừng”. Gọi là rừng nhưng thực ra mỗi khoảnh đất độ vài mẫu ruộng, cây cối um tùm. Rừng Đống Ngán, thuộc thôn Tự. Rừng Đống Tháp, thuộc thôn tôi. Rừng Đống Quốc, thuộc thôn Chiều. Ba thôn thờ ba anh em ông Hoàng. Thôn Tự là anh Cả. Thôn tôi, thôn Trung. Thôn Chiều em út ở phía mặt trời lặn. Ngày xưa ba ông Hoàng trấn giữ ba nơi, xây đồn ở ba cái “rừng” ấy thành thế chân vạc. Quân tướng ken đầy chân núi. Người ta bảo khu rừng giữa có thú dữ, có quỷ, có rắn thần. Chưa ai thấy. Khu rừng Đống Ngán có ma, nhiều người đã thấy nó lơ lửng xanh lè về đêm mưa dầm gió bắc. Còn rừng Đống Quốc, cứ về đêm có người con gái mặc áo trắng, tóc dài lắm, đội khăn trắng hét cười lại khóc, lại hát suốt đêm về sáng.

Còn tôi, cho đến ngày đi xa quê, chưa thấy có chuyện gì ở ba khu rừng này.

Tôi chỉ thấy núi hùng vĩ chọc trời. Ba khu rừng như ba tướng lĩnh đứng theo thế chân vạc gác, mong cho đời đời dân làng yên ả.

Vấn chỉ xây từ đời nào đời nào!

Ấy là một khu đất có ba cái đền lộ thiên, bằng đá, có những con rồng được chắp bằng mảnh bát hoa, cuộn cuộn bò trên tường đền. Có bao nhiêu là cây bàng xòe tán, giữa cánh đồng Chõ. Tôi thường theo anh Thả ra lấy lá bàng để nhuộm quần áo. Tôi không dám trèo lên đền. Anh Thả cứ nhảy tót lên đền như com bữa.

Hình như đây là đền thờ các quan văn. Bốn mùa phơi với gió trăng mưa nắng.

Sông dài tít tắp, người ta qua lại bằng cái đập.

Mùa cạn, cả làng ra đánh cá. Mùa ngập, chỉ còn hai vệt đê lúa thừa có môi. Sông chắn ngang như một cái hào. Có lần tôi lủi thủi đi thử và ước đi đến ngọn nó. Muốn tắm mát, lên ngọn sông đào ... Chắc ngọn nó ở tận chân trời. Bao người chết đuối ở đây. Bao trận nổi cướp ở đây. Bao trận đánh nhau kịch liệt giữa hai xã bên này bên kia. Bao nhiêu hội tát nước thì thum suốt những đêm trăng. Bao nhiêu tiếng hát bên sông đào...

Hai con voi quì trên bệ đá. Con nào cũng lớn và to bằng con trâu mộng. Trên lưng có bành và có bệ thờ.

Mười cây si lớn xòe từ bao giờ không biết, để chim về ríu rít khi mùa quả chín. Bốn cái đền lộ thiên. Chúng tôi gọi là nghề ông Voi. Cạnh đây có cái giếng Cầu Đường trong vắt. Gái trai tha hồ mà tắm, mà uống nước phả phê. Nghe nói giếng có thần.

Tháng hai xác pháo đỏ nghề, thơm lừng. Ở đây cũng là nơi thờ quan văn. Quan văn sao lại có voi phục? Câu chuyện về voi phục rắc rối lắm!

Đầu voi hướng đúng vào đình làng Hoa Hội. Cả làng Hoa Hội mấy đời toét mắt. Vì sao nhỉ? Vì hai con voi thôn Dạm hướng vào đầu đình. *Toét mắt là tại hướng đình. Cả làng toét mắt có mình gì tôi.*

Làng Hoa Hội cử người lên thưa với thôn Dạm, cho đầu voi quay hướng khác. Làng tôi không nghe vì cái thế của nó phải thế. Đêm, trai tráng Hoa Hội lên đập tan đầu voi. Thôn Dạm xây lại. Lại bị phá. Thôn Dạm tập trung trai tráng, tuần đình năm phục ở nghề. Trai Hoa Hội vừa lên, nửa đêm hai bên đánh nhau. Không ai chết. Trẻ con chặn trâu Hoa Hội dàn ngang bờ sông, bơi sang đánh trẻ con thôn Dạm. Thôn Dạm tràn sang, đuối trẻ con Hoa Hội đến giáp đình. Bùn lấm bê bết khắp mình mẩy, có đứa ngã xuống ao tù nước đọng, có đứa khát nước uống nước thum thum có đóng văng như gạch cua ở giếng Hoa Hội.

Những đứa ấy về bị đau mắt, đi lỏng, nói rằng, bệnh toét mắt từ Hoa Hội lây sang.

Đến một ngày, Hoa Hội sáng trưng. Ao nào cũng mát lạnh hương sen. Giếng nào cũng

trong vạt thấy cái kim dưới đáy. Bói không ra một người toét mắt. Ai cũng nhìn rõ hơn. Trai thôn Dạm xuống chơi mê tít vì đôi mắt gái Hoa Hội. Trai Hoa Hội lên chơi thôn Dạm cũng để cho gái mê, phải lòng nhau. Mây sông cũng lội, mây đèo cũng qua.

*Ước gì sông rộng một gang
Bắc cầu dài yếm cho chàng sang sông.*

Hai con voi vẫn phục nằm đó. Từ nay không ai hành hạ oan ức nó. Đầu vẫn quay hướng cũ. Cái thể của thôn Dạm phải như thể cơ mà!

Cổng chùa.

Chùa đã dỡ và chuyển đi từ đời nào đời nào, chẳng còn một dấu vết gì. Ấy thế mà cứ bảo “cổng chùa” cả xóm Trại biết.

- Ra cổng chùa chơi đi!
- Ra cổng chùa gọi nó về ăn cơm!
- Chắc lại đứng hóng ở cổng chùa!

Ấy là bãi đất bằng, toàn cát. Các ngõ đều qua đây rồi mới ra đồng. Cạnh đó là cái ao. Mùa mưa nước đầy đỏ ngầu ngầu màu đất sét. Ếnh ương kêu “ương ... ương ...” rồi để trứng bầy nhầy trắng xóa, lênh bênh. Chú Chàng thường lấy trứng về dán điều, dính như hồ. Ếch kêu “ộp ... ộp” như mở hội. Nhưng người ta bảo có nhiều “nam” lắm. Mỗi người chết đuối biến thành một con nam, có rút chân người. Trong bụi dừa dại, rần rần lại xác lột mọc thêch. Cáo bỏ lại lông gà, lông chim bẻ bộn. Ao như cái gì bí hiểm lắm. Xa một chút, có một cây đa rất cao. Gốc nó đầy những ông bình vôi sứt mẻ cả miệng. Mếu máo. Anh Thư trèo ngọn lên bắt con sáo con ở tổ nó. Anh bị rơi từ ngọn cây xuống ruộng. Hàm dưới bị vỡ ngang, máu chảy ròng ròng. Lạ thật, anh cứ nghiêng răng im thín thít... Đi rất xa vẫn “thấy cây đa chùa”. Cổng chùa thì không đâu mát bằng, không đâu sạch bằng. Gió nồm hắt từ đồng vào, những chiếc chong chóng lá dừa của chúng tôi quay tít. Chị Bạch, chị Xuyên ... má cứ đỏ au ngồi nghỉ mát buổi trưa. Đêm, chúng tôi đào thùng, đặt mâm gỗ, đóng cọc, căng dây làm trống quân. Giăng lọt qua lá tre rắc từng bãi hoa san sát, rắc cả vào mặt những chị con gái cũng sáng như ánh giăng. Bên nam, bên nữ hát đối nhau đến khi giăng đã nghiêng như cái điều bầu sắp đổ mới im tiếng hát và dỡ “trống”. Những đêm ấy, tiếng trống thì thùng vang vào khắp xóm, không ai có thể ngủ được. Tôi bé, mà có lần tôi hát hay đến nỗi người qua đường thường tiền cho tôi đây ...

*Trống quân, trống quýt, trống còi,
Ta chẳng lấy nó, nó đòi lấy ta ...*

Ôi, cái cổng chùa. Chùa đã chuyển từ đời nào đời nào mà xóm tôi vẫn gọi mãi mãi cái chỗ ấy là cổng chùa.

*Ngày ngày ra đứng cổng chùa
Trông ra Hàn Nội thấy vua đức tiền.*

Hàn Nội ra sao nhỉ? Vua ở đâu? Đêm, Hàn Nội có quầng sáng hắt lên giời.
Từ cái cổng chùa, từ nơi bắt đầu vào ngõ, tôi đi khắp nơi khắp ở cái nước Nam này.

Chỗ chôn rau

Hôm ấy là ngày nắng hanh. mẹ quật gánh rành rành xuống sân. Mẹ rên nằm vật vã.
Theo lời mẹ, cái Bảng chạy một mạch sang thôn Tụ, một lát sau, bà đỡ đã đến. Bà tên là Nguồn, đỡ nổi tiếng vùng này. Lưng bà đã còng, váy áo vá chằng vá đụp. Bà cầm cái liềm. Vừa vào đến cửa nhà bà đã nói: “Xem thằng cu hay cái dĩ nào ? Hay ăn chóng lớn nhá”. Tiếng oe ... oe ... Thằng bé đã lọt lòng.

Cái Bảng cầm cái nôi đất đập vung. Nó bảo đi chôn rau em bé. Tôi theo. Nó mang ra đặt giữa lối đi, đầu vườn cò ông Tuyên. Lối đi chính của xóm Trại, dưới bụi tre đầy muối. Bảng lấy dao rựa đào đất. Đào một lúc thấy cái nôi đất còn mới, nó bảo: “Nôi rau của anh đây. Bây giờ em chôn rau em bé ở cạnh anh. Thầy dặn thế”. Tôi trở mắt như thấy một vật rất lạ. Sao thầy lại dặn chôn rau ở đây? Thiếu gì góc vườn, góc trại. Bảng thì chả hiểu gì!

Tôi về, thầy bảo:

- Ngày xưa có tục, hễ đẻ con giai thì người bố lấy cành dâu làm cung, lấy cỏ bông làm tên, chạy ra giữa sân, bắn về bốn phương, để sau này lớn lên, người con giai sẽ có chí lớn, tung hoành. Con giai thường hay mắc nợ, gọi là nợ “tang bông”. Cho nên làm giai phải có chí đi khắp bốn phương trời mười phương đất mà giả cái nợ cho đời. Kẻ nào hèn nhát ru rú ở nhà thì suốt đời mắc nợ. Bây giờ bỏ tục ấy. Tao nghĩ ra cách là chôn rau chúng mày ở xa, giữa đường chính để lớn lên có chí làm giai.

Thảo nào, hai anh tôi mới tí tuổi đầu đã đi xa lắm.

Còn tôi và em giai này, chả biết lớn lên có đi xa hơn hai anh không? Mỗi lần đi qua chỗ chôn rau, tôi nhìn mãi rồi mới đi.

Vườn nhà

Cây mít sum sê bụi bậm, đầy cành và lá, ở ngay cạnh vại nước. Bóng nó soi xuống làm

cho vại nước suốt ngày thêm trong mát lừ. Khi mưa, hứng cái mo cau vào, nó cho đầy nước mưa. Chúng tôi ai cũng yêu nó. Nhưng mỗi một tội: Cái việc chính của nó, nó không làm. Ấy là ra quả. Phải ra quả!

U bảo:

- Nước cứ xô chỗ trũng. Nhà mình nghèo ở vào cái đất xấu. Mít nhà người ta ra quả lớn quả bé. Mai, thông buổi, thằng Thả leo lên, u lấy chày tay đập vào gốc. U hỏi: "Mùa này mày ra mấy quả?" Thả giả lời: "Hai quả" nhá!

Đến mùa, nó ra bao nhiêu quả. Cả nhà mừng. Nhưng rồi rụng, chỉ còn một quả. Quả rất chóng lớn. Nó chín thơm. Cả nhà được bữa thòm thềm! Mùa sau nó lại tịt ngóp. Mùa sau nữa nó lại tịt. Giữa lúc củi đất nhà lại đói, anh Thả hạ xuống, bỏ cây ra từng khúc. Gỗ đẹp thật, vàng như nghệ. Tôi cứ tiếc mãi. Nhưng không tiếc được!

Cây đu đủ cao vượt cái "tường hoa". Những tàu lá già, vàng, chúng tôi tha hồ cắt cuống mà thổi tu tu. Từng chùm quả. Quả nào cũng chỉ bằng cái chén rồi không nhón nữa ! Đói quá. Anh Thả và tôi cứ hái dần, bằm ra hết nhựa, gọt vỏ, cắt từng miếng, cho vào sanh luộc. Mỗi người ăn hai quả là no căng bụng. Hết nạc, vạc đến xương! Quả hết. Anh Thả chặt ngọn cây, nạo vỏ thân cây, tiện dần từng khúc. Anh lấy dao bài thái nhỏ như sợi nem, vo lẫn với gạo, nấu thành "cơm trộn thân cây đu đủ". Rau má ở trại, ở đồng hết nhẵn. Các thức độn không còn gì. Chỉ còn thân đu đủ ấy thế mà cũng ngon, cũng đậm hơn cơm củ chuối. Tôi sang ngoại mấy hôm, cây đu đủ đã bị tiện sát gốc.

Thầy nghĩ ra cách: Hễ sinh mỗi người con, thầy trồng một cây na. Thấm thoát đã được bốn cây. Cây anh Thử đứng chính giữa, cao nhất, tốt nhất. Rồi cứ lần lượt: cây anh Thả, cây Khán, cây Bảng... Bốn cây cùng tốt. Hè về, hoa thơm lừng rụng xuống sân. Ong, bướm, cánh quít về bay rợp đầu sân, nhưng nó cũng làm rụng oan nhiều hoa cái.

Những quả na nhắm nghiền mắt rồi mở mắt dần. Đêm thì dơi. Ngày thì chào mào tìm đến. Nếu không tinh thì nó ăn hót trước. Cây na của cái Bảng bé nhất bỗng cần cỗi, lại bị sâu. Sâu đục, thân cây chảy nhựa ròn ròn. Anh Thả khoét rất khéo mới lôi được sâu ra. Sâu trắng nõn, béo mẫm. Anh nướng lên, ăn béo ngậy. Cây tốt dần và mọc những cành tơ.

Một buổi sáng, u đi đâu về thấy một bà quảy hai rổ sề.

Thôi, u bán na rồi! Chúng tôi leo lên, chọn quả sắp chín, quả mở mắt, hái xuống để một đồng góc sân. Bà hàng ra chọn mua đầy hai rổ sề, còn có vài quả chín nứt nẻ "như đe thợ rào" và những quả còi kĩnh, chúng tôi chia nhau. U cũng ăn thử. Ngọt lắm.

Chỉ ít lâu sau, cái vườn nhà xác xơ. Anh Thử đi vắng, tôi và Bảng cũng vắng nhà, anh Thả mất, cây ử rũ, rồi chết dần chết mòn bằng hết.

Lao xao

Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở hoa trắng xóa. Hoa đẽ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụi bầm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.

Sớm. Chúng tôi tụ hội ở góc sân. Toàn chuyện trẻ con. Râm ran.

- Các... các... các...

Một con bồ các kêu văng lên. Cái con này bao giờ cũng vừa bay vừa kêu cứ như bị ai đuổi đánh.

Chị Điệp nhanh nhẩu:

- Bồ các là bác chim ri. Chim ri là di sáo sậu. Sáo sậu là cậu sáo đen. Sáo đen là em tu hú. Tu hú lại là chú bồ các...

Thế thì ra dây mơ, rễ má thế nào mà chúng đều có họ với nhau. Họ của chúng đều hiền cả. Chúng đều mang vui đến cho giời đất. Sáo sậu, sáo đen hót, đậu cả lên lưng trâu mà hót mừng được mùa. Nhà bác Vui có con sáo đen tọt tọt học nói. Nó bay đi ăn, chiều chiều lại về với chủ. Con tu hú to nhất họ, nó kêu "tu hú" là mùa tu hú chín; không sai một tọt nào. Cả làng có mỗi cây tu hú ở vườn ông Tấn. Tu hú đỗ ngọn cây tu hú mà kêu. Quả chín đỏ, đầy ụ như mâm xôi gấc. Tiếng tu hú hiem hoi; quả hết, nó bay đi đâu biệt.

Một đàn chim ngói sạt qua rồi vội vã kéo nhau về hướng mặt giời lặn. Nhận tha hồ vùng vẫy tít mây xanh "chéc chéc".

Khi con bìm bịp kêu "bịp bịp" tức là đã thông buổi. Nghe đâu trước đây có một ông sư dữ như hổ mang. Lúc ông ta chết, giời bắt ông ta hóa thân làm con bìm bịp. Ông ta phải tự nhận là bịp, mở miệng ra là "bịp bịp". Giời khoác cho nó bộ cánh nâu, suốt đêm ngày rúc trong bụi cây. Khi nó kêu thì một loạt chim ác, chim xấu mới ra mặt. Ít khi chúng ra mặt vào buổi sớm.

Kia kìa! Con điều hâu bay cao tít, nó có cái mũi khoằm, đánh hơi tinh lắm: Đâu có xác chết. Đâu có gà con... Khi tiếng nó rú lên, tất cả gà con chui vào cánh mẹ. Tôi đã nhìn tận mắt cuộc ẩu đả dưới gốc vối già nhà tôi: Con điều hâu lao như mũi tên xuống, gà mẹ xù cánh vừa kêu vừa mổ, vừa đập điều hâu. Tôi mãi ngẩn nên không cứu được gà. Điều hâu tha được con gà con, lại lao vụt lên mây xanh. Thường thì nó vừa lượn vừa ăn ngay.

Lần này nó chưa kịp ăn, những mũi tên đen, mang hình đuôi cá từ đâu tới tập bay đến. Ấy là những con chèo bẻo. Chúng lao vào đánh con điều hâu túi bụi. Lông điều hâu bay tung tứ linh, miệng kêu la "chéc, chéc", con mồi rời mỏ điều hâu rơi xuống như một quả rụng. Điều hâu biến mất. Con điều hâu được mề hú vía, lần sau cụ bảo cũng không dám đến. Nếu có đến lại là con khác! Người ta nói chèo bẻo là kẻ cắp. Kẻ cắp hôm nay gặp bà già! Nhưng từ đây tôi lại quý chèo bẻo. Ngày mùa, chúng thức suốt đêm. Mới tờ mờ đất nó đã cất tiếng gọi người: "chè cheo chét"... Chúng nó trị kẻ ác. Thì ra, người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm!

Cùng họ với điều hâu là quạ: Quạ đen, quạ khoang. Lia lia láu láu như quạ dòm chuồng lợn. Không bắt được gà con, không ăn trộm được trứng; nó vào chuồng lợn xục cứt. Quạ vừa bay lên, chèo bẻo vây tứ phía, đánh. Có con quạ chết đến rũ xương...

Chèo bẻo ơi, chèo bẻo!

Chèo bẻo chỉ sợ mỗi chim cắt. Chim cắt cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn. Bao nhiêu con bò câu của nhà chú Chàng đã bị chim cắt xia chết. Khi đánh nhau cắt chỉ xia bằng cánh. Chúng là loài quỷ đen, vụt đến, vụt biến... cho đến nay, chưa có loài chim nào trị được nó. Họ nhà chèo bẻo chắc là nhiều phen muốn trị tội cắt. Một cuộc trị tội đã diễn ra thật! Hai con chèo bẻo đang bay, một con cắt vụt lao ra. Nó xia cánh hụt. Lập tức một đàn chèo bẻo hàng chục con xông lên cứu bạn. Cuộc đánh nhau rất dữ. Trẻ con ở dưới reo ầm lên. Cắt hốt hoảng cho nên xia cánh đều trượt. Hàng chục chèo bẻo thi nhau vào mỏ. Cắt kiệt sức rồi, quay tròn xuống đồng Xóc như cái điều đứt dây. Chúng tôi ủa chạy ra, con cắt còn ngấp ngoài. Mỗi chúng tôi bồi tiếp cho nó hòn đất. Bây giờ tôi mới tận mắt nhìn thấy con cắt.

Chiều qua, nhìn ráng phía tây, u tôi đã đoán: Mỡ gà thì gió. Mỡ chó thì mưa. Ráng trắng màu mỡ chó. Đêm qua, nhìn giăng, u tôi đoán: Quàng cạn, tán mưa. Cái tán tròn xoe bằng cái nia.

Chiều nay, mây đen nổi lên như cồn, như núi từ phía đông ập đến. Người, trâu bò kêu gào chạy nháo nhác. Không kịp rồi! Nón, khăn bay rợp đồng. Mưa như hàng vạn tên bắn. Trận mưa kéo dài đến đêm thì tạnh hẳn. U tôi và bác Ký gái bị ngấm mưa. Bị cảm, bị sốt. Không biết làng này bao người bị như thế. Đêm đen bí. Mùi cám rang khét đến rợn người. U rên. Con cú đã đánh hơi người ốm. Nó nấp ở vườn bà Xã. Thỉnh thoảng nó lại "cú", một tiếng. Nghe nói: Cú và ma là đồng lõa. Cú kêu, mong cho người ốm chết để rửa xác. Nhà người chết phải cúng ma. "Cú kêu cho ma ăn" là thế! Trẻ nó không tha, già nó không thương!

Sớm, u tôi đã khỏi cảm. Và, hình như mọi người cũng khỏi cảm.

Giời đẹp hơn mọi sớm thường.

Chim mở hội ở rừng tre nhà tôi. Lũ chào mào đỏ đít cứ "quých quých, quao quao" trên các cành na. Chỉ tội là chưa có quả na nào chín. Chúng nó chỉ thích ăn na chín. Quả nào chúng nó ăn, y như là quả ấy ngon nhất nhì trong số quả chín.

Từ đầu mùa đến giờ hoàng anh mới đến. Lông nó vàng óng. Cứ suốt đời nó kêu "đứa nào kiếm củi nhà tao". Như người khách quý và hiếm hoi. Nó đậu một lát rồi bay đi không biết bao giờ nó mới đến lại.

Con chim gõ mõ khôn không kém gì người. Nó khôn ranh đến choắt lại. Cây tre già có một đoạn nứt. Kiến nằm kín ở trong thế mà nó biết. Nó ôm chặt lấy đoạn tre, nhìn phải, nhìn trái, nhìn trước, nhìn sau xem có kẻ nào hại nó. Tôi đứng im như bụt, nhìn nó. Nó bắt đầu lấy mỏ gõ vào đoạn tre "cốc cốc cốc". Từng dòng kiến bò ra. Nó ăn no nê rồi vụt bay mất.

Chỉ có hai con liều điều mà nặng xì cả bờ tre: "liều điều, liều điều".

Liều điều như kẻ lăm lòi.

Một loài chim chúng tôi thích nhất. Khi nó lên tiếng là giời đất bình yên. Không bao giờ chúng nó đánh nhau. Khi nó đi ở trên đất thì tha thân, nhàn nhã. Mỗi bước đi một cái gật đầu. Thường thì chúng bay đôi: đực và cái. Nó luôn ngơ ngác chẳng hiểu thế sự ra sao mà nó cũng chẳng cần biết thế sự. Nó ngơ ngác đến cái mức luôn bị mắc bẫy. Thật là hiền quá hóa ngu. Hai con rủ nhau đậu đỉnh ngọn tre. Nó cất tiếng "cúc cu cu", ngay trên đầu tôi mà tôi tưởng tiếng gáy của nó xa tít tắp. Chúng ngấm giời ngấm đất rồi sà xuống cái lồng mộc. Con chim mời hiếu khách. Nó đứng trong lồng gật gù mời khách vào ăn. Hai con chui tọt vào, cái cửa đã khép chặt mà ba con vẫn gật gù mời nhau ăn. Chú Chàng từ trong chùm lá móc, đàn hoàng ra xách lồng về. Vài hôm sau đã thấy chúng nó gáy ở mái hiên. Có khi đêm thức giấc, chúng cũng gáy. Chim gáy là loài vô tư nhất trong các loài chim.

Đến gần trưa, một con chim khoác bộ lông dễ đến bảy tám màu sắc sỡ. Nếu nó đi trên đất thì đuôi quét đất. Ai chưa biết về nó thì nó làm cho mọi người thêm thương muốn nuôi nó làm chim cảnh. Nhưng khi đã biết nó thì ai cũng tỏm lợm. Nó ngủ sớm, dậy muộn; lười chảy thây. Nó chẳng gây gỗ gì, nhưng các loài chim hiền đều tránh nó. Nó bần lăm. Khi nó bay qua là bọn chúng tôi phải bịt mũi:

Giẻ cùi tốt mã dài đuôi

Hay ăn củt chó - ai nuôi giẻ cùi.

Con gà mái cứ vào tầm này là nó đẻ xong. Nó bay khỏi ổ, chạy xuống đất tác ầm lên, cả xóm nghe tiếng: "Vừa đau vừa rát". Con gà sống đứng ngơ ngác một lúc, rồi mổ mỗi đồ gà mái. Nó vừa mổ mỗi nó vừa "cực... cực" ra về thương gà mái. Hai con vịt bầu thì

phốt lờ, vừa đùng đỉnh mang cái thân nặng nề, vừa toáng lên: "mặc, mặc....", rồi chúng nhảy xuống vũng bùn bên vại nước, vầy đục ngầu lên, không thấy mồi, chúng húc tung cả bãi húng giúi.

Giữa lúc đó, tiếng chim gào ở ngoài trại. Anh Thả rung hết cây này đến cây nọ để bắt chim con. Cả họ nhà chim kéo nhau đến vây anh Thả. Những con sáo, chào mào hiền đến thế mà cũng trở thành dữ tợn, biết giữ nhà mình, biết cứu con mình. Bắt được hai con sáo chuyền, anh Thả cúi đầu chạy về nhà. Những con chim mẹ bay chao chát theo anh Thả về tận nhà, gào thét mãi... thầy đã đi câu về:

- Thăng Thả lại đi bắt chim con rồi! Thả ngay chúng nó ra, nếu không thì âm ỉ đến đêm.

Anh Thả thả những con chim chuyền ra. Chim mẹ bay trước dẫn đường từng đoạn cho các con. Giời đất yên ả. Những cây mỏ anh Thả vừa rung xong, quả nó vỡ ra, những bông trắng như bông bay đầy giời, trắng đất, bay cả vào vại nước.

Thầy mở thúng câu ra, nhiều cá quả, cá chỡm quẫy tung tóe thúng nước. Thấy con chim chích bay qua, đậu vào cành tre: "chích, chích...". Bất ngờ thầy hỏi tôi:

- Cái chữ hôm nọ thầy dạy con, con đọc cho thầy nghe xem nào!

Tôi đọc lầu lầu:

- *Chim chích mà đậu cành tre,
Thập trên, tứ dưới, nhất đề chữ tâm.*

Đấy là chữ "đức" thầy ạ.

Thầy gật gù:

- Đúng lắm. Con còn bé, thỉnh thoảng thầy dạy cho một chữ. Biết được chữ "đức" là biết năm chữ. Nay mai, con biết khối chữ.

"Quẹt, quẹt, quẹt". Con dể quạt chuyền trên cành na, cái đuôi xòe ra y hệt cái quạt giấy.

Thầy mỉm cười: "Có khách rồi!".

Cái con chim này được người ta tặng cho cái tên vui đáo để "Chim khách". Nhiều lần nó báo sai, nhưng cũng rất nhiều lần nó báo có khách là đúng. Hôm nọ nó báo, đúng là chú Chấn sang thật. Hôm ấy cả nhà vui. Một sanh canh cua đặc, một niêu cá đầy; húng giúi húng láng, lá lốt, xương xông xanh mâm. Khách và chủ được bữa no nê.

Lần này, thầy tôi cứ đợi khách mãi đến gần tối; khi dàn nhạc ve ở vườn mít chú Chàng đồng thanh lên tiếng: Ve sầu "e ầu" "u oao" ; chàng chềng "chềng chềng"; ve thường "ve ve" cao vút. Chúng đã lột xác đầy vườn. Hết mùa hè thì "gầy xác ve" rồi chết hết, chết la chết liệt...

Anh em chúng tôi rủ nhau đi tắm ở suối sau nhà. Qua mấy vườn sắn xanh biếc là đến gần suối. Tiếng nước chảy ào ào. Nước từ núi Tiên giội như thác, trắng xóa, qua suối Cộc xóm Đông tràn sang suối xóm Tây rồi dồn về suối xóm Trại chúng tôi. Các chị im lặng mặc cả yếm, cả quần dài ngồi hiên lạnh kỳ hai cánh tay và cái lưng nồn nà. Trẻ con chúng tôi la ó, té nhau, reo hò. Ôi, con suối; con suối khi nó cạn, chúng tôi ngẩn ngơ. Chúng tôi tắm thỏa thuê khi ra về tiếng ào ào vọng mãi.

Tối, cái Bàng giải chiếu manh giữa sân. Cả nhà ngồi ăn cơm trong hương lúa đầu mùa từ đồng Chỗ thoáng về; trong tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; trong dàn nhạc ve; trong tiếng chó thung thảng sủa giăng...

Chúng tôi no nê, rủ nhau giải chiếu ở hiên nhà ngủ cho mát.

Ôi cái mùa hè hiếm hoi. Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai ngủ, cùng thức với giờ, với đất. Tôi khát khao thầm ước: Mùa hè nào cũng được như mùa hè này!

Bà nội

Cả họ đều nói: Nhà ông bà trước đây khá giả lắm. Có ao sâu trâu nái. Có ruộng cho cấy rẫy. Có năm gian nhà ngói, vườn mít núc ních quả. Chả thế mà bốn người con giai được dựng vợ; hai người con gái được gả chồng. Con giai có học, có nghề...

Từ độ ông mất, bà ở với con thứ ba: chú Chà, thím Chà. Rồi thím Chà ốm lẫn ốm lóc. Rồi chú Chà ốm lia ốm lịa. Chú thím chết đi để lại thằng Lĩnh mồ côi cả bố lẫn mẹ.

Bây giờ thì nhà bà ở cạnh ao Chùa.

Đúng là nhà lợp gianh ba gian. Vách bằng bùn nhào với trấu và rơm băm. Đến mùa gặt, các con đến lợp cho bà mái gianh như người mặc áo mới thơm tho vàng óng.

Cái vườn lạ thật, trước nó xanh tốt bao nhiêu, bây giờ nó tàn lụi bấy nhiêu. Dong riêng, hoàng tinh, bầu đất dễ nuôi đến thế mà cũng lụi. Mấy cây khế gầy guộc mà chịu khó ra quả. Bà bảo: các cháu chộc khế mà ăn. Cứ quả méo mó thì ngon. Hồng, cứ quả tròn mà ăn. Nó ít hạt. Thị cứ vẹo tròn thì ngọt ít hạt.

Người ta nói: đất lành chim đậu. Chim rủ nhau đi đâu cả! Cửa giả không có lối vào

thông thoáng. Gió tha hồ quấy phá. Những ống tre mái hiên vu vu... Bà và cháu cứ lủi thủi. Ai đi qua không biết có người ở nhà.

Ông giời ở đâu nhi? - ở tít mây xanh kia nên không nhìn thấy. Hằng năm chỉ nghe ông tảo ông công về tàu. Dương gian cho các ông ăn ngon thì các ông tàu tốt. Và ngược lại.

Ông bà có ác gì cho cam. Người ác càng ngày càng giàu thêm. Nhà ông xã Tăng, thóc đầy cái bịch. Cái bịch rộng bằng cái giường bốn người nằm, cao một đầu một với người lớn; trong ngoài trát xi-măng, kiến, mối, mọt chỉ có khóc. Thóc lại đầy bồ lớn bồ bé, tràn sang cả cái cót quây lưng lững chắm nóc nhà.

Bây giờ bao nhiêu cái nghèo đói, cái vất vả bà gánh chịu. Vai bà mỏng tanh...

Tôi ngẩng cao đầu mới thấy tuổi của bà; chứ cứ nhìn bà chặt củi, nhổ sắn, nhìn bà đứng; bà đi thì không ai biết bà đã gần bảy mươi. Bà làm nhanh, đi nhanh, lưng thẳng. Bà không hút thuốc Lào như u tôi không ăn giàu.

Bà như một chiếc bóng; lặng lẽ, đi không ai biết, về không ai hay. Bà tắt bật, khi đi giống sắn ở trại, lúc rầy ràng ràng, khi đi bắt cua bán, lúc cấy thuê. Có lần bà bỏ nhà bốn năm ngày. Tôi hỏi Linh, nó rớm nước mắt. Tuần phu đi rầm rập bắt thuế. Trống dồn sôi cả bụng, đập thành thạch vào cái ngực bé nhỏ của tôi.

Cả làng đã im ắng. Bà như chiếc bóng giở về. Ít khi tôi thấy bà nói chuyện nói trò với ai ngoài các cháu ra. Ít khi tôi thấy bà đôi co với ai. Dân làng bảo bà hiền như đất. Nói cho đúng, bà hiền như chiếc bóng. Nếu ai lành chanh lành chối bà rủ rỉ khuyên. Bà nói nhiều bằng ca dao, tục ngữ. Những chị mồm năm miệng mười, sau khi bà khuyên chỉ còn mồm một miệng hai.

Người ta bảo: "Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà". Bà như thế thì chúng tôi hư làm sao được. U tôi như thế, chúng tôi không nở hư nở hỏng. Câu ấy đúng với nhiều nhà. Như nhà thằng Tôi. Thầy u nó nhiều tiền lắm. Bà nó cũng có tiền vốn. Biết thế, nó cứ vùi bằng rỗng bao bà:

- Bà ơi cho cháu xin xu, cháu mua quà.

- Bà móc bao, đưa ba xu, nó không lấy; phải cho nó năm xu. Năm xu thì to lắm.

- Bà ơi, giời mưa, cháu không ra quán được bà phải đi mua cho cháu.

Bà như sợ nó, vội đội nón, khoác toi, run rẩy, liêu xiêu ra tận quán bà cả Tuệ. Bà cứ mồm bụng: Ba xu, ba cái kẹo vùng bằng ba cái chén tống, chắc thằng Tôi thích lắm đây...

Về đến nhà, vừa nhai giầu bồm bồm bà vừa đưa kẹo cho nó:

- Kẹo thì cháu thềm vào!

Nó cầm ba cái kẹo ném vào bà. Lần này bà giận ứ cổ. Bà đánh liều, phát vào đít nó một cái. Nó kêu, nó khóc từ thông buổi đến trưa. Bà nựng nó. Bà lại sợ nó, chiều nó rồi!

U nó đi chợ về, la từ cổng la vào:

- Đứa nào làm gì con tao đây!

- Bà đánh!

- Sao bà dám đánh nó?

Lên năm lên sáu tuổi, nó béo như con lợn ấy thế mà vẫn bú. Bây giờ thì nghe u nựng, nó nín. U nó nựng toàn tiếng nhin như nựng trẻ lên một lên hai. U nó bế nó lên. Nó chỉ ra quán.

- U cho quà này!

Nó sáng mắt lên, tưởng là quà gì ghê gớm lắm. Lại kẹo vùng. Nó vút ra sân, nhòai khỏi tay u nó; vừa khóc vừa lăn ra giẫy đành đạch như đĩa phải vôi. Không biết nó khóc đến bao giờ. Anh em tôi ù cả tai, kéo nhau về, tiếng om sòm giữa nòng dậu mẹ chồng và thằng bé hư nổi lên ầm xồm.

Nhiều nhà thường xảy ra đúng như câu ca. Nhưng đây là người mẹ thế nào, người bà ra sao?

Bà tôi có học hành gì đâu, một chữ cắn đôi không biết. Bà lặng lẽ; cứ tưởng bà không biết gì. Bà thuộc như cháo hàng trăm hàng nghìn câu ca. Bà nói những câu sao mà đúng thế. Bà bảo u tôi:

Dạy con từ thuở còn thơ

Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về

Người ta như cây. Uốn cây phải uốn từ non. Nếu để lớn lên mới uốn, nó gãy. Có khi nó còn bật vỡ mặt mình.

Một hôm thằng Lĩnh gánh nước, thổi cơm xong, chờ bà đổ mắt. Ông giời sai thần mưa đổ nước xuống từ sáng đến giờ.

Bà về. Bà đi lão đảo. áo xống ướt sũng. Cái khăn trên đầu không bao giờ bà vấn thành mỏ quạ mỏ cò gì cả. Nó ướt và giỏ nước rỗng rỗng, bà vuốt mặt không kịp. Bà thất lung con cón, cái giỏ cua bên sườn đầy ắp, nhộn nhạo. Con lớn giờ càng cấp con bé. Bà tháo giỏ cua rồi chạy vào giường, hai bàn chân xoa vào nhau rồi bà nằm xuống. Thằng Lĩnh đặt tay lên trán bà. Nó hốt hoảng đi tìm bác Ký gái, u tôi chị Điệp, cô Toàn, cô Nụ. Chỉ một lúc thôi, con cháu đầy nhà. Cô Toàn thay áo xống cho bà. Cô Nụ đốt chổi xể gầm giường. Cô Nụ hái lá bưởi, lá ruối, lá tre, hương nhu, đun nước xông. Bà trùm chăn xông lung bùng và có tiếng sục sục. Thầy tôi đánh gió cho bà bằng gừng nướng với rượu. Sau đó, thầy đổ rượu vào chén, lửa cháy xanh lè. Thầy úp chén, bốn cái chén nóng như nồi rang vào lưng bà. Khi lấy chén ra, bốn cái hình tròn tím bầm. Thầy lấy gai bưởi nhể ra. Những giọt máu đen sì. Thầy đã nhiều lần mười chết một sống, thầy thuốc đã dao cho thầy như thế. Có một sự lạ: Bà không rên nửa tiếng. Thầy gật đầu: "Khỏi, khỏi" - Bác Ký gái thì lắc đầu: "Những người không ốm bao giờ, khi đã ốm thì khó qua khỏi". Mọi người buồn ra mặt. Riêng thầy tôi cười nói như không. Lạ thật!

Tối nhọ mặt người, bà đã ngồi dậy được. Con cháu mừng quá. Bác Ký sai anh Liễn bụng cho bà bát miến gà. Bà không ăn. Cô Nụ cho bà nải chuối chín cây. Bà ăn hết bát chiết yêu cháo tía tô kinh giới. Bà ăn xong, mồ hôi trán vã ra. Thằng Lĩnh biết tính bà, nó mua đầu được con cá rô to tướng. Nó ra vườn bà hái hẹ về nấu canh. Đúng là rối như canh hẹ, nhưng bà thích ăn, bà giồng một luống xanh mướt.

Hôm sau bà đã đi lại được chung quanh nhà. Bà ốm cho nên rồi, không thể tham công tiếc việc. Đi mỗi, bà lại vào nằm. Chúng tôi xì xào với nhau một lúc rồi mới vào thăm bà, quây quanh giường bà. Nói là giường nhưng nó chỉ là cái chõng tre chú Chà để lại. Chỉ năm người là vây kín giường bà. Thấy con khúc vách kêu tắc tắc, bà bảo:

- Ngày xưa có một ông quan có tài, ngay thẳng. Bọn quan gian tức lắm. Nó đặt điều vu cho ông trăm tội, tâu lên vua. Tâu mười lần đến trăm lần, vua ra lệnh giết ông. Ông biến thành con khúc vách, cha truyền con nối đời này qua đời khác, khúc vách cứ tắc tắc lười và lắc đầu oán hận...

Cái Bạng thích nghe chuyện lắm. Nó định hỏi bà bao nhiêu chuyện. Tôi gạt đi, để bà nghỉ đã.

Thấy bà khỏi ho, giọng đã trong, tôi đánh bạo thưa với bà để bà hát ru cho nghe. Bà ngồi dậy như một người khỏe mạnh. Tóc bà xoa xuống. Bà cũng thích hát ru. Bà đã ru sáu người con, một cháu, và bây giờ bà ru cho các cháu hàng đồng hàng đàn nghe. Gió nồm từ ao chùa lùa vào, tóc bà rối tung. Bà ngồi bó gối, lưng dựa vào vách:

- *Trèo lên cây khế nửa ngày*

Ai làm chua xót (a...) lòng mày khế (à...) ời...

(ả, à, ời..., ả... à... ời...)

- *Con ời nghe lấy lời này*

Cuóp đêm là giặc (a...) cuóp ngày là (à...) quan...

(ả, à, ời..., ả... à... ời...)

- Cái bóng là cái bóng bình

Thối com gánh nước (a...) một mình bóng (à...) ời

(ả, à, ời..., ả... à... ời...)

- ...

Ru đến câu thứ ba thì Linh rơm rớm nước mắt, vì câu ấy vận vào đúng nó.

Thế thì ra bà ru hay hơn u tôi ru. Hay hơn ở cái chỗ là bông thật bông, trầm thật trầm. Bà ru thông thả, bà buồn theo lời ru. Tiếng à... ời... ở cuối câu kéo dài. Tôi cứ tưởng kiến trong tổ cũng phải bò ra mà nghe. Bà ru xong, chúng tôi im lặng và đứa nào cũng thương bà hơn trước.

Sớm ngày thứ ba, mặt trời độ một con sào nắng đỏ lựng cả sân. Chúng tôi riu ran chào bà. Bà ngồi giữa sân sưởi nắng. Bà chải đầu bằng lược bí để bắt chấy. Tôi đứng nhổ tóc bạc, tóc sâu cho bà. Nhưng tóc bà bạc trắng. Người ta cứ hay nói: cháu nhổ tóc bạc cho bà; nói như thế để tỏ ra thương bà mà thôi. Tôi không nhổ một sợi tóc nào. Hình như mỗi ngày tóc bà bạc đến mười sợi. Tôi ngậm ngùi. Bà tự khâu kim lầy, tôi lại vui: Giàu hai con mắt. Tay bà run run vá cái áo; tôi lại buồn: Khó hai bàn tay. Bác Ký thấy bà mặc vá, may cho bà cái váy, cái áo; cho thằng Linh bộ áo quần. Chưa lần nào bà nhận. Cứ gần Tết, bà mua mười vuông vải diêm bầu, vài thước vải trúc bầu. Bà sai thằng Linh đi hái lá bàng về nấu lên ruộm, rồi sau đó ruộm bằng nước củ nâu. Ruộm mãi vài chục nắng, nó thành màu cánh gián. Riêng mấy thước vải của bà, bà giải ra sân, trát kín bằng bùn ao Phủ, phơi mấy đêm ngày, nó đen nhấy. Đây là vải váy của bà. Bà mua láng đen về làm khăn. Thế là bà cháu mặc xanh xang ba ngày Tết và cả năm. Khi nó rách thì bà lại vá.

Mới mưa. Nước ao Chùa lênh láng, đục ngầu. Những loài ở nước được ngày mở hội.

Chả mấy khi bà được rảnh rang. Chúng tôi tha hồ hỏi bà.

Cái Bàng hay hỏi nhất; bà mà bắt chuyện trẻ con thì thâu đêm suốt sáng nó không chán:

- Bà ời, sao con ềnh ương ngắn cổ mà gào to thế?

- Nó phải gào lên để nó dọa những con hại nó.

- Bà ời, sao con chầu chuộc lại kêu "chuộc chuộc"?

- Ngày xưa có một ông nhà giàu, gặp lúc nạn, ông bán hết cả ruộng, cả nhà cho một ông giàu hơn. Đến khi tai qua nạn khỏi làm ăn khấm khá, ông đến xin chuộc lại cái gì mình đã bán, ông kia phản lời cam đoan. Ông này tức, về uống nước vôi mà chết. Ông thành con chầu chuộc. Đời này qua đời nọ, ông dặn con cháu phải chuộc, không chuộc được

thì cứ gào lên cho thâu đến bàn dân thiên hạ: "chuộc, chuộc..."

Tôi hỏi:

- Bà ơi. Con cóc có phải là cậu ông giời không?

Bà cười.

Cái Bả nhanh nhẩu:

- Chuyện này dì Dụ đã kể em nghe là: Con cóc là cậu ông giời - Đứa nào đánh nó, ông giời đánh cho - Trước khi mưa bao giờ ông giời cũng báo cho cậu biết, để báo khắp vùng bằng cách là nghiêng răng còn cọt.

Tôi cướp lời:

- Thế sao cậu Trang bắt hàng nghìn con cóc, chặt lấy đuôi lột da, xào cho thằng Trãi ăn chữa bệnh còi xương, sao ông giời không đánh cậu Trang? Thằng Trãi đã khỏi bệnh. Con rắn hổ thấy cóc nhái là bắt ăn. Ông giời có đánh rắn bao giờ.

Bả ta tâng hăng. Bà cười. Cái áo bà vá đã gần xong. Lĩnh chạy về áo quần lấm bê bết. Nó xách xâu cá đến chục con.

- Ba con cá to nhất nó nhảy từ ao lên bờ. Trưa nay bà tha hồ ăn canh hẹ nấu cá!

Bà ngẩng phắt lên nhìn Lĩnh.

- Chim sa, cá nhảy là đừng có bắt, phải tội. Nó gặp nạn phải cứu nó. Cháu thả ngay ba con cá ấy xuống ao Chùa!

Lĩnh đang vui, bây giờ nó tiu nghỉu lặng lẽ đi thả cá.

Bỗng nhiên con cóc ở đâu bay đến, lúi vào bụi ruồi sát mặt nước góp vui ngày hội ao chùa! "Luốc cuốc cuốc - già già già...". Nó kêu đến khàn cổ. Thế là dàn bát âm thêm được một giọng. Nghe tiếng cuốc, bà lắc đầu lẩm bầm:

- Rõ khổ. Nó hiền lắm. Nó kêu vì cái nổi nước mất nhà tan. Nó kêu suốt đêm suốt ngày, suốt mùa hè. Hết mùa hè nó chỉ còn một nắm xương khô. Trước lúc chết nó tìm chỗ kín để giấu xác, cho nên ít người tìm thấy xác nó...

Bà đã khỏi lại gần như trước. Bà lại lam lũ sớm tối.

Hơn một năm sau, vào một buổi trưa mùa đông, bà đi đâu về, bà bảo Linh mua bốn cái đậu nướng. Ngồi trên giường, bà bẻ hai cái đậu chấm muối ăn. Bà nhìn Linh lùn cùn ra sân, mỗi miếng nhai nước mắt bà ròn ròn. Bà gọi Linh cho nó hai cái. Bà sụt sịt như ăn phải gừng. Bà nằm xuống, phủ cái chăn đụp. Như linh tính của con trẻ, Linh ngờ ngác: Sao hôm nay bà ngủ trưa? Sao hôm nay bà ăn đậu? Nó áp mặt vào mũi bà, không thấy bà thở.

Nó sờ chân bà, lạnh như đồng ngâm: Nó gào lên. Chỉ một lúc con cháu đến chật nhà, hàng xóm đến đầy sân. Mọi người lay gọi bà. Bà Xích ra cổng gào đến mười lần :

- Ba hôn, chín vía bà Ngoạn ở đâu thì về với con với cháu, với xóm với làng...

- Bà ơi, bà chết thật rồi!

Chúng tôi vừa khóc vừa gào thét. Trong đám trẻ con, thằng Linh gào khản đặc cả cổ.

Chiều hôm sau con cháu, họ hàng, làng xóm đưa bà đi. Tiếng trống cái thì thùng, cái lệnh rè kêu phèng phèng. Giời mưa phùn gió bắc mà đám ma của bà đông quá. Nhẽ ra thì phải cúng tế, có kèn. Nhưng sao được! Mọi người đi chậm. Bát cơm và quả trứng luộc để bà ăn đường. Nó được đặt trên nóc quan tài. Đường xa, mới đắp gập ghềnh thê mà nó vẫn đứng im. ấy là do những người khiêng hết lòng và đi khéo. Bác Ký, thầy tôi và chú Xếp đội mũ rơm, mặc áo xô, chống gậy xoan cúi đầu đi sau quan tài. Các cô và những người con dâu chít khăn trắng dài, các cháu chít khăn ngang. Đường qua đồng trắng toái. Màu trắng buồn rợn người.

Đã đến huyết. Tiếng trống tiếng lệnh đồ dòn một hồi.

Những ai hôm qua khóc một thì lúc này khóc mười. Bà đã nằm sâu ba thước đất cách biệt cháu con một giời một vực. Mồ yên, mả đẹp rồi mà cô Toàn, cô Nụ, cái Bảng, thằng Linh còn cào cào vào mồ, lăn ra, quần áo đỏ những đất.

Những người ôm lâu rồi chết thì những người còn sống đau đớn một phần. Những người đang khỏe, bỗng chết thì cái đau đớn ấy tăng lên mười phần.

Linh được các Ký đem về nuôi. Ba gian nhà gianh gió lùa. Mấy cái ống tre ngoài hiên khóc vu vu cả ngày lẫn đêm.

Tôi đi qua có lần tưởng bà còn sống vì bà mất vội quá. Bà ơi! Bà! Bà vẫn hát đây:

Trèo lên cây khế nửa ngày...

Người nhà

Những ngón chân của bố khum khum, lúc nào cũng như bám vào đất để khỏi trơn ngã. Người ta nói "đây là bàn chân vất vả". Gan bàn chân bao giờ cũng xám xịt và lở rỗ, bao giờ cũng khuyết một miếng, không đầy đặn như gan bàn chân người khác. Mu bàn chân mốc trắng, bong da từng bãi, lại có nốt lấm tấm. Đêm nào bố cũng ngâm nước nóng hòa muối, gãi lấy gãi để rồi xỏ vào đôi guốc mộc. Khi ngủ bố rên, rên vì đau mình, nhưng cũng rên vì nhức chân. Rượu tề thấp không tài nào xoa bóp khỏi.

Bố đi chân đất. Bố đi ngang dọc đông tây đâu đâu con không hiểu. Con chỉ thấy ngày nào bố cũng ngâm chân xuống nước xuống bùn để câu quăng. Bố tắt bật đi từ khi sương còn ẩm ngọn cây ngọn cỏ. Khi bố về cũng là lúc cây cỏ ẩm sương đêm. Cái thúng câu bao lần chà đi xát lại bằng sắn thuyền. Cái ống câu nhẵn mòn, cái cần câu bóng dầu tay cầm.

Con chỉ biết cái hòm đồ nghề cắt tóc sực mùi dầu máy tra tông-đơ, cái ghế xếp bao lần thay vải, nó theo bố đi xa lắm.

Bố ơi! Bố chữa làm sao được lạnh lặn đôi bàn chân ấy: đôi bàn chân dầm sương dãi nắng đã thành bệnh.

Bố bảo: Bàn chân con phải giữ gìn để mà đi cho thật khỏe, thật xa!

Đôi vai của mẹ thành chai từ bao giờ con không biết.

Trên đôi vai ấy ai để chiếc bánh dày vào. Bánh dày màu nâu sẫm, có lúc nứt ra. Cái năm mẹ leo lên núi gánh "đá trảm" xuống thuyền cho người ta chở lên tỉnh, ấy là cái năm vai mẹ nứt to nhất, mất một lần da, rớm máu, dính cả vào đòn gánh. Con hỏi mẹ, mẹ bảo: "Không đau, nó ê ra rồi". Mẹ cởi trần, mặc yếm mà gánh. Lưng mẹ hoàn toàn là một bãi xém nôi. Mẹ gánh củi đi bán. Mẹ gánh thóc từ đâu về suốt đêm xay giã để bán, để lấy tấm mà ăn, lấy cám nuôi lợn. Tháng nào mẹ cũng gánh gạo đi một ngày đường rong rã đến nơi con trọ học.

Đôi vai ấy, con tin rằng suốt đời mẹ, không bao giờ trở lại lạnh lặn như đôi vai người thường đâu mẹ ạ.

Nhưng chính đôi vai xương xẩu, bé nhỏ, mỏng manh ấy lại gánh được bao thứ mà người thường không thể gánh nổi.

Bàn chân anh Thả không giống bàn chân bố, mà lại y hệt bàn chân mẹ. Nó xò ra từng ngón. Cứ nhìn dấu chân ở ngõ, ở bãi sắn, tôi đoán được là chân anh. Bàn chân anh rất mỏng, năm cái xương của năm ngón nổi hẳn lên mu. Mùa hanh, bàn chân anh nẻ chằng chịt, rớm máu, anh vẫn phớt lờ. Khi nào đau lắm anh mới chịu trát gio vào, để khô, ra ao

lấy rơm vò nát rồi kỳ. Vết nẻ liền vào được nửa ngày. Anh chạy như bay, hết đánh giậm lại bắt cá. Hết gánh đá lại gánh củi. Hết leo núi lại lội đồng. Anh đá chó dữ bằng đôi bàn chân ấy. Chó chạy bạt vía.

Một chiều, anh pha tre non để chẻ lạt, nhờ tay, con dao bập một nhát chéo qua bàn chân phải, máu chảy đầm đìa. Anh vẫn phớt tỉnh đi vào nhà rịt thuốc lào, mạng nhện, rồi xé vải đụp để băng. Dấu bàn chân đỏ lôm từ sân vào nhà.

Từ đấy, bàn chân anh có vết dao chéo giẫm lên các nẻo đường. Anh đi đánh giặc. Chân đất mà coi thường cả chông, coi khinh cả gai.

Lạ thật, làng tôi mỗi nhà gọi cha mẹ một kiểu. Anh em tôi gọi cha là "chú", mẹ là "u". Con nhà bác Tuyên cũng gọi như vậy. Nhà thằng Diễm, trẻ con lại gọi cha mẹ là "chú, thím". Tôi thấy hình như gọi như vậy không đúng đâu. Gọi cha mẹ là "giời" cũng chưa xứng. Đã đành là "chú như cha, thím như mẹ". "Sảy cha còn chú". Nhưng cha mẹ phải là cha mẹ chứ. Mấy thằng ở tỉnh theo cha mẹ về làng tôi chơi. Tôi rất lạ: Nó gọi cha mẹ là "cậu, mợ". Nghe rất sang trọng nhưng mà tôi vẫn thấy không thể được!

Tôi đánh bạo, tôi gọi cha, mẹ là "thầy, u". Không ngờ, về sau, tất cả anh em tôi, cả con nhà bác Ký Hồ cũng gọi như vậy, gọi quen rồi? "Thầy ơi!", "u ơi"...

Bố đi đâu về, không một lần nào là chúng tôi không có quà.

Mở thùng câu ra là một thế gian dưới nước: Cà cuống, niềng niềng đục, niềng niềng cái bò nhộn nhạo. Hoa sen đỏ, nhị sen xanh tỏa thơm lừng. Những con cá sộp cá chuối, cá chồn quẫy tóe nước, mắt thao láo. Mai mẹ lại có tiền đóng gạo rồi.

Bố im lặng, cời trần ra. Bố ngồi ăn cơm. Khi ngồi, lưng bố hơi gù, bụng mỏng dính, da bụng trùng lại. Suất cơm thường là hai bát chiet yêu úp một. Một miếng sắn, miếng khoai công mười hột cơm. Thấy chúng tôi riu rít chia quà. Người vừa nhai cơm vừa gật gật đầu.

- Mai đi cắt tóc. Thiên hạ đến lứa rồi!

Bố lằm bằm thế.

Bố đi cắt tóc về, không một lần nào là chúng tôi không có quà.

Mở hòm dụng cụ ra là cả một thế gian trên đất: Con sập sành, con muồm, con bọ bầu to xụ, móc thếch, ngó ngoáy. Hấp dẫn nhất là những con dế đập lạo xạo trong các vỏ bao diêm: toàn dế đục, cánh xoắn, chọi nhau phải biết và gáy vang nhà. Bố gọi chung các loại dế biết gáy là "tắc tâu". Chúng tôi gọi riêng từng loại: con "róc", con "théc", loại bé

nhất là "kéc"... theo tiếng kêu của chúng mà gọi. Mong sáng mau để tôi đem chúng chơi với đế của anh Liễn. Nếu nó thắng, anh Liễn lại bảo:

- Đế của thầy mày bắt mà lì!

Mùa đông hết đế. Bố có thức quà khác. Hôm nào về, bố cũng cho một cái gì. Lạ thật, sách ở đâu mà lắm thế. Tiền đâu mà bố mua? Truyện Kiều, Nhị Độ Mai, Lục Vân Tiên, Phạm Tải - Ngọc Hoa, Phạm Công - Cúc Hoa, Phan Trần, Tam Quốc chí, Tứ tài tử, Cổ học tinh hoa, Nhị thập tứ hiếu. Đây là những truyện bố bảo phải đọc. Những người được vẽ ở bìa, ở truyện cứ múa trong cả mọi lúc tôi ngủ mê. Tôi nhớ mặt từng người. Họa sĩ vẽ giỏi thật. Tôi khóc nức nở khi Cúc Hoa hiện trên mộ thăm hai con Nghi Xuân - Tiến Lực. Tôi muốn được như Lục Vân Tiên. Nhưng tôi không biết trên đời này, có Nguyệt Nga thật không? Có lần bố bảo:

- Chúng nó dốt bỏ mẹ mà mua bao nhiêu truyện về xếp đóng bỏ đó. Thầy lấy về cho mày! Hãy đọc đi. Đọc cho cả u mày, cho các anh các em mày nghe.

Bố dạy cách đọc. Cách đọc ngân nga. Đến nỗi u tôi phải giải chiếu ra sân bắt tôi ngân nga, có lúc nỉ non. Tôi phải ngừng lại lau nước mắt, hình như u cũng sụt sịt.

U không biết chữ nào mà sao hiểu đến thế. Tôi cứ đọc, có chỗ không hiểu truyện nói gì, u tôi nói luôn. U giỏi thật!

Quà của bố còn là cái ngòi bút cũ, quyển sách người ta viết dở. Bố bảo phải tập viết. Nếu họ viết mực tím thì mày dùng mực đỏ. Nếu họ viết mực xanh thì mày dùng mực tím, viết đè lên chữ của họ, hoặc là viết dặm giữa hai hàng chữ họ.

Quà của bố, làm tôi giàu quá!

Cái Bảng sang ở nhà bà ngoại. Nó về chơi. Mới đến cổng là nó đã hát. Mỗi lần nó hát một bài hát mới. Lúc thì sa mạc, lúc thì trống quân, lúc thì cò lả, lúc thì hát ví nhưng nhiều nhất là giọng quan họ. Nó khoe mợ Năm dạy hát, dì Thường dạy hát. Miệng nó hát, tay nó ôm lấy cuộn lá dứa. Lá dứa về chiều bao giờ cũng ngọt lừ. Anh em tôi quây quần tước lấy lõi ăn "tiệc" Lúc nó đi, tôi nhớ, cầm cái tay mũm mĩm bé bỏng ấy tôi cắn khế. Cổ tay nó thơm thơm.

Một hôm nó dùng dùng bỏ nhà bà ngoại, về. Nó mặc quần cộc rách. Tay nó không thơm nữa. Suốt ngày lấm láp, tro những xương là xương. Thế mà nó cứ hát cả ngày. Nó tha thân khi thì gốc đu đủ, khi thì gốc vối già, khi thì gốc mít. Nó hát hay lắm:

*Con cò là con cò kỳ
Ăn cơm nhà dì, uống nước nhà cô.*

Nó toàn chơi một mình. Tôi ngủ, nó vẫn hát ni non ở sân, ở góc vườn.

*Mẹ ơi đừng đánh con đau
Con đi bắt ốc, kiếm rau mẹ thì...*

Rồi một hôm nó đi đâu. Đến thông buổi nó lê về. Bàn chân đầy máu. Nó lăn ra góc sân. Một mảnh sành cửa toác ngang gan bàn chân. Giò cua được đâm con. Nó không khóc. Vừa được buộc chân xong, máu vẫn chảy rì rì, nó lại hát...

Có gì đâu? - Miếng bánh đa của nó đã bé, tôi lại bẻ trộm của nó một nửa...

Có gì đâu? - Chén ngô rang, anh Thả lấy của nó vài hột. Có gì đâu? - Bát cơm, anh Thả đơm cho nó nhiều sắn quá...

Mỗi lần thế, nó lăn đànhạch ra đất. Nó khóc rất lâu, không ai dỗ được, cả xóm đều nghe thấy, khóc như xé vải, khóc đứt ruột. Nó luôn luôn bị bệnh ho gà. Càng khóc nó càng bị ho. Có lúc cơn ho làm lặng đi rất lâu. Nó lăn cạnh mâm cơm, mèo chó giạt đi. Bố hiền thế mà bố phải rút cái roi. Bố đánh. Bố giận quá, bố đánh đau lắm. Khi lưng cậu ta, mông cậu ta đầy những vết lằn ngang, lằn dọc cậu ta mới chịu ngồi dậy. Nó rất dạn đòn. Nó nín vì quá mệt rồi. Tôi và cơm cho nó. Nó vừa ăn vừa nấc. Nước mắt rỏ ròng ròng. Bát cơm chan nước mắt. Nước mũi, nước dãi cũng thi nhau rỏ vào cơm. Nó cứ ăn, cứ nấc.

Ăn xong, nó cứ trần truồng đi xiêu vẹo ra cổng. Chơi chán, nó lại lão đảo về. Biết nó hay hờn dỗi mà cả nhà khó tránh quá!

Tôi cứ nghĩ bụng: Em Tịch ơi! Đến bao giờ thì em hết ức, hết hờn?...

Ba anh em tôi đang đánh đáo tường ở góc sân. Tự nhiên anh Thả reo lên:

- U về u về chúng mày ơi!

Chúng tôi ngừng lại tất cả, nhìn ra cổng. Tang hảng! Anh Thả hay có thói như thế.

Đến trưa, ba anh em đói mềm. Anh Thả lại reo:

- U về! U về!

Chúng tôi tiếp tục chơi đáo. Chả ai tin. Cái reo của anh Thả vút đi!

Xế chiều, bác Ký bảo anh Hồ, anh Liễn mang sang ba bát cơm. Vừa ăn xong, anh Thả nhìn ra cổng lại reo lên:

- U về! U về thật đấy, chúng mày ơi!

Lần này chúng tôi vẫn không tin... Nhưng mà u về thật. U đặt quang gánh xuống giữa sân. Mồ hôi ướt hai bãi ở hai vai áo. Khi mở thúng ra, có ba chiếc bánh đa. U bảo: "Cứ mỗi đứa một cái".

Hôm nay, u đi tận chợ Chì. Chợ Chì ở đâu nhưng tôi biết là xa lắm.

Chợ Chì là chợ Chì xa

Chồng mong, con khóc, chém cha chợ Chì

Có hôm u còn đi tận chợ Roi. Chợ Roi xa tí mù tắp. Đứng ở quê ngoại mà nhìn thì chợ Roi ở tận chân dãy núi xanh xanh kia: Người ta gọi là núi Leo, núi Cáu.

- U về, u về, u về!!!

Thằng Tịch reo lên. Khi thằng Tịch reo lên như thế, ai cũng phải tin. Mỗi khi u đi nó lăn ra đất, nó chạy ra cổng, nó gào, nó khóc. Nó khóc đến nửa ngày, nấc lên. Nó khóc mệt thì thôi chứ không ai dỗ được. Nên bao nhiêu lần nó reo lên "u về, u về" thì đấy là thật.

U về! U về thật. Chúng tôi quây quanh u, mở đôi thúng. U chả nói chả rằng. Bao nhiêu quà: ông phồng hiên như bọt, ăn no, bụng phưỡn ra, hở cả rốn. Mặt trắng, bụng trắng chỉ có môi là đỏ. Ba ông, màu sắc sặc sỡ, ngồi ghế, che tàn. Các ông gầy nhom, đội mũ cánh chuồn. Người ta gọi ông là tiền sĩ. Ba quả bưởi lừng mùi thơm. Một bánh thuốc Lào, sợi vàng ươm, bọc quanh bằng lá chuối khô. U bảo đấy là quà của thầy. Hôm nay u mua nhiều thế! Hình như tôi thấy là u đói! U bảo: "Tối nay, chúng mày trông giăng. U nấu bánh đúc lạc, tha hồ ăn".

Tháng ba, ngày tám thường là đói. Nhưng năm nay được mùa. Rằm tháng Tám này chắc nhà nhà đều vui. Đến như nhà tôi mà cũng vui cơ mà!

- U về! U về!

U đi gặt thuê cho nhà bà Xã đã về! Váy u còn xắn đến đầu gối, lấm tẩm bùn. U thất bao tượng màu đã bạc như màu nồn chuối khô. Người u tỏa ra mùi lúa mùi bùn. U tháo thất lưng ra, róc róc: Cà cuống, niềng niềng, muôm, những cọng rạ đầy trứng cà cuống... Anh Thả đốt bếp lên. Một lát sau, ba anh em ngồi ăn: Những con muôm, thơm vàng, béo ngậy. Cà cuống "chết đến đít còn cay", vị cay ngan ngát. Niềng niềng giòn thơm. Trứng cà cuống lép lép, lép lép...

- U về! u về!

U đi ăn giỗ về. Lần thì trong tay u cầm một bọc, bọc bằng lá sen. Lần thì u cầm một bọc, bọc bằng lá khoai, lần thì lá chuối đã nướng đi rất dẻo. Trong các bọc ấy toàn thịt mỡ thái to, xôi gấc còn đầy hột, chè đỗ xanh từng cục, từng miếng chứ không thành đĩa... Khi mở ra, anh em tôi vừa bốc, vừa nhúm hết veo...

- U về! U về!

Nhiều lần u đi chợ về, u cắp nghiêng cái thúng. Chúng tôi biết như thế là chả có gì, chúng tôi vẫn reo lên: "U ơi! U về! U về!" Bao giờ, u đặt thúng xuống, anh Thả cũng ra mở thúng trước tiên: Dăm bơ gạo tằm. Một "men" giấy cho tôi đi học. Cục mực tím óng a óng ánh bọc trong mảnh giấy bản... Nhưng u chả bao giờ quên mua quà: Mười củ khoai luộc. Chiếc bánh đa. Vài đận mía:

- U về! U về!...

Tôi cứ ngẩn ngơ: "Ước gì mình cứ bé mãi để được reo lên: U về! U về! Ước gì u cứ sống mãi để chúng tôi được reo lên: U về! U về!"

Những đồ dùng biết nói

Cái miệng nó mở một miếng khá to cho nên cái lòng nó nông choèn, nhẵn bóng. Phần miệng còn lại, thầy và các anh mài dao vẹt đi. Nhìn vào vỏ cối thì biết cái cối này thầy u mua từ lâu lắm bởi nó nhẵn. Nhẵn do vằn nhiều, nhưng khi cần lắm chúng tôi mới vằn vì nó nặng. "Vằn như vằn cối đá" mà lị! Bình thường thì cối đá ngồi ở dưới góc mít.

Nói đến cối lại phải nói đến chày. Chày cứ cối mà nện rất ác. Lưng chày thắt lại bóng như bôi mỡ. Hai nửa cán chày tước xơ, hai đầu chày tròn xoe và mòn.

Cái cối thế này thì không giã được giò. Chưa thấy nhà tôi giã giò bao giờ! Con cua bóc mai, bóc yếm cho vào giã nghe cũng vui tai lắm! Cối bị giã kêu choạc choạc! Chỉ một lát thôi, lòng cối đầy cua giã nhuyễn.

Có vừng, có lạc mà giã thì còn phải nói. Mùi lạc, mùi vừng bay sang đến hàng xóm. Sau khi giã xong, cho cơm vào tròn cối tiện tay nện cho vài chày, cơm nát ra quánh lại lẫn vừng rồi nắm lại từng nắm cơm chim, ngon biết mấy!

Bao lần tôi giã riêng để hòa muối, rang làm thức ăn. Riêng bắn vào mắt, cay sè. Nếu nó không bắn vào mắt thì mùi nó xông lên cũng đủ làm cho người ta giàn giụa nước mắt nước mũi, nhìn nhòe cả cối.

Chắc cái cối cũng cay lắm.

U đau bụng kinh niên. Nếu u uống thuốc mặn thì dịu ngay. Nhưng thuốc mặn đắt lắm, lại phải mua tận tỉnh. Có hôm kiếm được tiền u cũng mua. Cầm gói thuốc u tỉnh hẳn như đã khỏi bệnh. U uống dè xén từng thìa con.

Tiền đâu mà mua thuốc mặn! Người ta mách rằng: Vỏ sò, vỏ hến, vỏ ốc lâu năm, nó trắng như vôi, rẻ như bèo, họ bán đầy chợ Và, chợ Dạm.

U mua từng rổ về, đổ ở góc nhà. Tối tối u vốc một vốc vùi vào trấu. Trấu nung nấu âm ỉ suốt đêm. Sáng sau, vỏ sò, vỏ hến, vỏ ốc chín nục ra. U cho vào cối giã. U giã nhỏ biến rồi lấy rây, rây. Bột mịn. U uống cũng đỡ đau...

Tất cả những việc ấy về sau tôi làm đỡ u. Vỏ sò, vỏ hến, vỏ ốc, vỏ trai, u gọi chung là "mẫu lệ".

Tôi cho mẫu lệ vào cối giã. Tiếng giã khô khốc. Những mảnh sắc đâm vào chày. Chắc chày cũng đau. Còn lòng cối thì đau lắm.

U gọi nó là cái cối tân. Cái vành, cái áo bằng nan tre luôn luôn bị vá, bị cạp. Hai cái tai nó bằng tre già màu nâu. Mỗi tai có một cái lỗ tròn xoe. Lúc nào tai cũng tỉnh táo để nghe ngóng. Cối có hai hàm răng bằng gỗ dẻ. U gọi là dăm. Răng nó nhiều, ken vào nhau. Vậy nên người ta nói "chật như nệm cối". Nói đến cối lại phải nói đến cần. Cái cần dài bằng tre đực vàng óng. Đầu cần là củ tre, có cái chốt. Cái chốt bằng tre mà rần như đánh, móc vào tai cối. Từ chỗ tay cầm có cái thừng buộc từ xà nhà. Đây đi kéo lại, cối kêu ù ù. Nhà nào có cối xay, cối giã là nhà khá giả. Vì nghèo quá thì không đóng nổi cái cối. Hơn nữa có thóc đâu mà xay, mà giã. Nhà nghèo năm thì mười họa, khi có thóc thường đi xay nhờ, giã vả.

- Thế thì vì sao nhà tôi lại có cối xay? Tôi nhớ một đêm thầy u bàn lâu lắm: Vay tiền để đóng cối. Vay tiền để đóng thóc, xoay xở hàng xay hàng xáo mà nuôi nhau. Nghe thế, tôi vui quá. Chao ơi. Nhà sẽ có cối. Nó kêu ù ù đã đủ vui nhà vui cửa rồi.

Ngoài đường ngày nào cũng có một ông quẩy đồ lè đi qua: "Ai cối không?". Cả vùng này quen ông và quý ông. Ông ở làng Nguyễn trước kia. Người ta gọi ông là ông phó Thịnh. Ông được mời vào đóng cối cho nhà tôi. Chỉ ngày một ngày hai, quay đi, ngoảnh lại ông đã đóng xong cái cối xinh xinh. Cái cối xuất hiện như một giấc mộng, ngồi chễm chệ giữa gian nhà trống.

Chọn được ngày lành tháng tốt, u đóng một gánh thóc vàng ươm về. Đổ vào lòng cối, u xay thử. Từ xung quanh cối, gạo lẫn trấu chảy xuống vành rào rào như mưa. U vốc lên tay một nắm, tãi ra, thổi phù phù. Cả vốc gạo chỉ lỏi vài hột thóc. U gật đầu: Cối mới, chửa thuần mà được thế này là nhất đấy! Hai thóc một gạo. Hai thúng thóc sau khi xay, giã, giần, sàng xong còn gần đầy một thúng gạo. Ngoài ra còn tấm, cám, trấu. Từ hôm u

làm hàng xáo, nhà được ăn cơm tấm luôn. "Ăn no cơm tấm, nằm ấm ổ rơm". Gạo, u đem bán ngay ở chợ Dạm dưới chân chùa Cao. Bán xong, khi về u vui hẳn. Có lẽ rồi.

Cứ thế, ngày lại ngày qua, đêm đêm tôi xay lúa với u. Hai u con cầm cần xay. Tiếng cối ù ù trong đêm nhưng không át nổi tiếng thở dồn dập của u.

Vài năm sau, cái cối đã cũ rích. Vành nó bật ra. Cái áo tước xơ. Răng mòn thín. U thở dài: "Lại phải chạy tiền đóng lại cái cối rồi!".

Bỗng, u ốm năm sáu ngày liền. Trong nhà vắng tiếng ù ù, chỉ có tiếng rên của u. Nhà có hai con gà què. Chuyên ăn quần cối xay. Nhật chẳng được hạt thóc hạt gạo, gà ta ỉa vung ỉa vãi xung quanh cối. Cối lạnh tanh, ngồi há hốc miệng.

Trong giấc mê tôi thấy cối nói:

- Bà chủ ơi! Bà cô chạy tiền chữa cho tôi lành lặn. Tôi lành lặn thì bà cũng khỏi ốm. - Cối nói đúng. Nó vừa được đóng lại lành lặn thì u khỏi ốm.

Đêm đêm tiếng ù ù lại vui cả xóm...

Gọi là cái chần ta vì nó là vải của nước Nam ta tự dệt. Thầy u sắm từ ngày mới cưới. Nó có hai lần vải nhưng lại không có lỗi bông như chần nhà người. Vốn dĩ nó là màu nâu. Bây giờ nó bạc phéch, nó mang trên mình hàng trăm miếng vá: Miếng màu đen, miếng màu cháo lòng, miếng nâu, miếng gụ, miếng xanh, miếng vàng... U gọi nó là cái chần đụp. Cứ càng vá nhiều, nó càng dày ra, nó ấm.

Mùa rét, tôi gọi trẻ con hàng xóm đến nhà trèo lên giường, trùm chần, ngủ. Trong chần, những tiếng cười rúc rích vui đáo để! Đã trùm kín rồi mà tôi vẫn nhìn thấy mái nhà. Ngủ, chán, chúng tôi chơi ú tim, giằng xé cái chần. Chần bọc ra từng mảng. Tôi biết, tôi về u sẽ mắng.

Đêm, tôi nằm bên này giường, cứ thấy u giờ mình sột soạt trên ổ rơm. Chưa bao giờ u giờ mình nhiều đến thế!

Tôi sức nghị: Cái chần rách, gió lùa, u không ngủ được! Những chỗ lành chắc u nhường cho cái Bàng. Cái Bàng ngáy pho pho...

Gọi là cái chần tây vì nó là vải được đem từ bên Tây sang. Gọi cho oai. Nó là cái chần dạ, màu cứt ngựa. Nghe đâu khi nhà đã đông người, thầy sang bới trong đồng tầm tầm của nhà bác Ký mua từ tỉnh về. Trong đó có một cái chần Tây. Thầy mừng quá, bảo bác Ký bán rẻ cho. Cái chần bạc phéch, mùi mốc meo xông lên. Mùi mốc của những thứ này thì khó ngủ lắm! Tôi giải ra giường, ngồi lẩn mẩn đếm. Nó là ba trăm-hai-mươi-bảy miếng vải ghép lại. Tôi thầm khen. Ông thợ may này là ông thợ may khéo, đã khéo lại chịu khó, nhưng nghèo lắm đây. Họ bán cái chần đi có thể là do túng bản. Nhưng

cũng có thể họ khá giả sắm được cái chăn khác tốt hơn.

Cái chăn trùm cho những ba người. Thầy, anh Thả duỗi chân ra thì một là hờ đầu hai là hờ "đuôi". Tôi bé bỏng được nằm giữa, ấm đến ngọt, không chịu nổi.

Nửa đêm tôi nhoài người lên. Thầy lại khẽ kéo tôi xuống. Riêng hơi của thầy đã đủ ấm rồi! Lúc quá rét thầy đã từng trùm chăn, phủ phục như một con voi phục ôm tôi gọn lỏn trong lòng. Mùi mồ hôi quen thuộc của thầy; hơi thở phảng phất mùi khói thuốc lão làm tôi thêm ấm. Đêm, được nằm giữa, tôi cứ nhoài lên khỏi đầu mọi người, làm khổ thầy khổ anh. Đã thế, thầy lại nói thầm với anh Thả: "Cái kiêu nằm thế này, lớn lên nó có chí hơn người đây!". Nghe câu ấy bao lần trong các đêm, tôi lại càng hay nhoài, gác cả chân lên vai, lên ngực mọi người.

Người ta nói: "Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm". Nhưng cái chăn này khéo co mấy nó vẫn hờ đầu, hờ chân, lạnh sườn.

Hai cái chăn đang nói: "Bạn ơi! Nay mai bạn đi đâu thì đi, ra sao thì ra, bạn cũng ở trong lòng tôi những ngày bạn thơ bé".

Những đồ dùng biết nói thật đấy! Tôi đã từng nhìn khắp nhà, những đồ dùng đã sống cùng tôi: Cái võng day rách. Cái chiếu manh thùng giữa. Cái mâm gỗ mộc "cóc gặm" một góc. Cái giỏ cua trông hình con ong, vá đi vá lại. Cái rổ, cái rá cạp lại. Cái chạn bát xiêu vẹo đầy mọt, đụng vào là bụi bay. Cái giường nửa ọp ẹp nan gãy nan còn. Cái điều bát nứt vênh, chẳng dây thép. Đến cái vại nước cũng phải vá xi-măng, v.v...

Tất cả, tất cả chúng đều cất tiếng: "Chúng tôi được sống cùng với tuổi thơ anh. Chúng tôi hoàn toàn không muốn nhờ vả anh cái gì. Chúng tôi chỉ muốn theo dõi từng bước anh đi..."

Hội làng

Vào một buổi chiều giáp Tết, gió se se; thầy Dung thắt bộ quần áo tây tím tím, ca vát tím, mũ nồi tím. Thầy say rượu đến mẩy, quần áo cũng không xộc xệch bao giờ.

Chúng tôi đã vào lớp đủ, phăng phắc. Đôi mắt thầy màu gấc chín. Đôi mắt thầy quét một loạt điểm mặt trò.

Thầy quay mặt vào bảng đen rồi quay ra nhìn chúng tôi:

- Em nào lau bảng chiều nay?

- Thừa thầy, em ạ!

Từ đầu hàng ghé đầu, tôi đứng phắt dậy thừa với thầy như thế. Tôi hiểu ý thầy, chạy lên, cầm cái giẻ xuống xin nước, giặt nhờ chú ắt. Tôi lau lại, bảng đen nhấy.

Không chờ bảng khô, thầy vén ống áo phải, cầm viên phấn, vung tay từng chữ:

"Fête du Tết".

Bảng khô đến đâu, chữ hiện đến đấy như thần thoại : "Fête" màu đỏ "du" màu trắng, "Tết" màu xanh biếc. Nếu ai bảo những chữ đó như rồng bay cũng được, nếu nói như phượng múa cũng đúng.

Thầy ngất ngưỡng đi về phía tỉnh.

Chúng tôi kéo nhau như rồng rắn đưa thầy đến cuối làng. Bóng thầy mờ trong gió sương lam.

Không hiểu vì sao thầy cứ buồn mãi thế, hết năm này qua năm khác. Cứ Tết sắp đến, thầy là người đầu tiên gây cái Tết trong mỗi chúng tôi.

Tết thật rồi ! - Tờ mờ sớm mùng Một, tiếng guốc sơn "các công" ròn trên các sân gạch. Tiếng pháo ran xóm Đông, mùi thơm nhập vào mùi thuốc pháo xóm Tây, phả sang xóm Trại, ngậy ngất. Xóm Trại gần như im tiếng. Chỉ có chú Chàng đốt một bánh mà thôi. Rạch tách đùm...

- Đói ngày giỗ cha - no ba ngày Tết. Ra giêng có treo niêu cũng hả cái dạ!

Thầy u tôi bảo thế. Chúng tôi no thật là no. Cứ thịt mỡ dưa hành, bánh chưng mà đã.

Đường cát trắng tinh. Kẻ đi giày, người đi guốc, người đi dép da trâu, người đi đất. áo cánh gián. áo trắng. áo nâu non. Quần lằng, váy lĩnh, áo the, khăn xếp... rộp. Con giai lớn tuổi mặt hồng vì rượu. Con gái vì giàu cay, môi đỏ như son, đồng đà đồng đánh. - Ai buồn cũng thành vui. Ai vui sẵn thì cười nói hết cỡ. Lời chào cao hơn mâm cỗ. Tiếng chào hỏi chúc mừng ríu ra ríu rít. Có người hằn thù nhau suốt một năm. Cái Tết xóa sạch! Họ nhà tôi đánh nhau chí tử với họ nhà ông Tuệ. Cái Tết về, hai họ quên hết, khi gặp nhau, người người vui ra mặt.

Ông Tấn được con cháu mời ăn. Ông hát vang đường làng:

- Tháng Giêng ăn Tết ở nhà
Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội hè
Tháng Tư đông đồ nấu chè...

Ông hát từ xóm Đông, qua xóm Tây đến xóm Trại, về đến nhà thì bài hát hết tháng Mười Hai... Bài hát kể toàn chuyện ăn chơi quanh năm ngày tháng. Hát xong, ông cười nói một mình:

- Thế mới thú chứ! Nam vô tửu như kỳ vô phong! Phải lắm! Hay lắm!

Một trăm lần say rượu, ông đánh vợ chửi con (chị Phấn) chín - mười - chín lần. Nhưng Tết tuyệt nhiên, ông rất hiền, rất thật, và hơn tất cả mọi người. Bà Tấn đảm đang, nhẫn nhục, tần tảo, cúc cung tận tụy với chồng có lẽ đến chết cũng thế.

Tôi đến nhà ông Du để bảo anh Viễn hát cho nghe. (Anh đi ở trên tỉnh, Tết mới có nhà). Anh hát hay nhất làng. Cả nhà đi chơi chỉ còn ông Du. Ông say rượu, hát riu cả lưỡi. Ông nằm, phơi bụng ra. Ông vỗ bụng bành bịch lấy nhịp; hát một mình:

*- Bao giờ đồng ruộng thành thoi
Ngồi trâu, thổi sáo, vui đời Thuần, Nghiêu.*

- Cháu chào ông ạ!

- Ủ chào cháu. Bô mày có nhà không?

- Thầy cháu sang Vân chúc Tết rồi ạ.

- Ông ơi! Cái thời Nghiêu, Thuần là thế nào hả ông?

Ông thích lắm, ông ngồi hẩn dầy, đôi vai rung rung: cái đầu lắc lư, ông nói một lèo:

- Cái thời vua Nghiêu vua Thuần ở tận bên Tàu cơ. Thời ấy quốc gia thịnh trị, thiên hạ thái bình, của nả đầy nhà đầy cửa, ra đường thấy của rơi không ai nhặt. Đêm đêm nhà nhà không cần đóng cửa, nuôi chó như thừa... Còn cái thời khốn nạn này, cái thời này...

- Ông ôm mặt khóc hu hu.

Tôi biết rằng cái khóc của người đàn ông mà lại cao tuổi thì đau đớn lắm. Tôi cũng rung rung, khẽ lên ra khỏi cổng rong. Tiếng hu hu vẫn vẳng theo tôi...

Một cái Tết thoáng qua như cái nắng chiều hôm.

Tôi đi qua đình. Lạnh ngắt. Giời giở rét ngọt, rét buốt. Nhìn thấy cây nêu ngất ngưởng trụi lá trước sân đình, tôi mẩm bụng: A, còn ba hôm nữa lại Tết, Tết hạ cây nêu. Nhà nào có, lại ăn Tết một ngày, lại gói bánh chưng. Nhà tôi thì không bao giờ ai biết Tết hạ cây nêu là cái gì. Cái tôi mong nhất bây giờ là ngày làng vào đám. Tôi bấm đốt tay: Mười một hôm nữa.

Ông Tấn đã lão đảo cười nói một mình, ông nói đến khăn cổ. Ông dừng lại ở cửa đình, chỉ thiên, chỉ địa rồi ngẩng mặt, ông cười với hai con nghê ngồi tít trên hai cái trụ cửa đình:

- Mũi mày to bè bè. Miệng mày cười ngô nghê. Ấy thế mà chúng mày sượng. Chúng mày cứ nhăn nhẽ cười hàng trăm hàng chục năm nay. Mày cười chúng tao à? - Không phải? - Mày cười làng tao à? - Cũng không phải! Mày cười ông giờ à? - Phải rồi! Mày đúng, tao yêu mày, tao phải trèo lên tao ôm chúng mày mới hả cái bụng cái dạ!

Ông trèo lên thật. Tôi rất là thích ông, ông thân với thầy tôi lắm. Tôi lặng im nghe ông nói nhưng bây giờ tôi phải gào lên:

- Chú Ất ơi!

Chú mỡ nhảy bổ từ túp nhà ra. Chú khỏe lắm, hai tay chú ôm lấy bụng ông Tấn:

- Con lấy ông, ông về không thì ngã chết.

- Ủ phải. Ta nghe anh.

Tôi theo sau ông về tận vườn chè xơ xác của ông.

Ngày đình đám ập đến như một giấc mơ. Cờ thần cờ thánh óng a óng ánh, tua múa quanh cờ, rợp sân đình.

Hai hàng vệ sĩ hết hai hàng tốt xanh tốt đỏ Các anh khoác những chiếc áo lậu cao tiền, áo dài nhưng cộc tay. Tay chống xiêu, đao, mã tấu, gươm dài... Trống cái mới bung, cái chiêng đồng có cái vú ở giữa bằng cái gáo dừa úp lên, chiêng mới đánh trấu vàng chóc. Trống và chiêng treo trên hai giá đỡ cuối hai hàng vệ sĩ. Hai anh lực điền thất lưng nhiều điều cầm lăm lăm hai cái dùi bằng gốc cây dứa dại to xù. Các anh bắt đầu vung tay nện thẳng cánh. Tùng, bu, tùng, bu... ba hồi. Cả làng gần xa nghe tiếng, ai cũng chạy tạt tướt về đình. Sau hai tràng pháo, khói mờ giời, hơi khét nồng sân đỏ thắm. Cự chánh hội mặt đỏ, râu trắng dài như tiên ông, quỳ giữa chiếu hoa. Trang văn tế óng vàng như lụa. Cự nâng trang văn, giọng văn tế sang sảng dội vào cung, lan ra sân đình, mọi người lặng nghe "Duy Việt Nam Bảo Đại thập ngũ niên... Trung thôn, Sơn Trung xã, Sơn Nam tổng, Từ Sơn phủ, Vũ Giàng huyện, Bắc Ninh tỉnh...". Trẻ con mà tôi cũng biết bài văn tế năm nào cũng vậy, chỉ có điền vào Bảo Đại thập ngũ, sau là thập lục, năm sau nữa là thập thất cứ thế, trừ khi vua băng hà hoặc bị truất quyền thì toàn dân thiên hạ khi đọc văn tế là niên hiệu vua mới từ đệ nhất niên giờ đi...

Tế lễ xong, những nong thịt lợn lộc thánh đã ken chặt sân đình. Bọn trẻ con chúng tôi

bao giờ bố mẹ cũng giao cho cái quyền đi lấy phần. Rổ đội đầu, rá cắp nách, mắt đưa nào cũng cắm vào nong thịt, rồi lia vào hai bàn tay chú mỡ. Chia phần đến mức có bằng phải là chú mỡ ắt. ấy thế mà chả năm nào tránh chuyện cãi nhau, miếng to, miếng nhỏ, miếng ngon miếng tồi... mà tào chí tở văng đéo văng lắt trước mặt thánh, trước mặt đàn anh.

Những cái sự to tiếng ấy phát ra từ mồm bố những đứa trẻ. Trăm đầu rồi lại đổ lên đầu tằm. Chú mỡ gánh chịu, chỉ cần hở miệng ra là chú bị ăn tát. Chú cứ im như hén. Chú biết cái thân phận chú ai đánh cũng được. Đầu bạc mà phải chấp tay "cho con xin lỗi!". Ngoài sân đang láo nháo, chia phần thì trên sân đình thượng các bậc đàn anh quăng chai, quăng bát loảng xoảng: "Cha sư mày. Miếng ăn giữa làng bằng một sàng xó bếp. Được ăn thế này là phải ăn cho tử tế, nào ngồi xồm, nào bốc, nào nhúm, nào tu... cái tổ sư mày!".

Tiếng chửi lại, danh hơn:

- Thì mày ra cái thá chó gì mà tào phải ăn, phải nói tử tế với mày. Ban ngày mày giả vờ như thần. Ban đêm mày lại lẩn mẩn như ma...

- Cút! Xéo ngay!

- Tào đếch cút, tào đéo cút. Tào đóng tào góp tào mua chức bán quan, bán đến cả váy vớ tào mới có cái chức cái quyền ăn trên ngồi trốc thế này chứ tào ăn không à?

Xoảng, xoảng, xoạch, choang... rượu đổ lênh láng, chai vỡ, bát mẻ... thịt mỡ, thịt thăn, thịt xấn, thịt thủ, tim gan, lưỡi lợn tung tóe!

Ngoài sân:

- Nhà tào sáu suất cơ mà! Sao lại ít thế này hả mỡ?

- Sao phần nhà tào lại nhiều thịt bụng! Mả cha mày. Mai tào thừa với các bậc đàn anh đuổi mẹ mày đi! Thay thẳng mỡ khác...

Tôi cay cay ở sống mũi khi nhìn chú mỡ. Một mình chú chia hàng mấy trăm phần la liệt. Đến mời ông thánh ra đây chia phần cũng chả tránh được điều nợ tiếng kia.

Nhà tôi được bốn phần gần đầy cái rá. Phần của những người đàn ông, con trai. Còn u tôi, cái Bàng là đàn bà con gái thì không được chia phần.

Hôm nay anh Thả sang bà ngoại. Nếu không thì bao giờ anh cũng đi với tôi. Hai anh em mang phần về, anh nhìn trước nhìn sau không có ai, anh gạ:

- Vào bụi tre ông Tuyên!

Thế là tôi biết ý. Hai anh em ăn vụng. Tôi ăn miếng nhỏ, đút lọt thỏm vào mồm. Anh ăn miếng rõ to, bị nghẹn đỏ mặt tía tai. Mối anh nhờn ra. Hai anh em lấy vạt áo lau lau mãi rồi mới về. Tôi cười chảy nước mắt. Anh quát:

- Cười cái gì, có im đi không? Lộ hết bí giờ!

Đến đầu sân, anh rỉ tai:

- Mày mang vào nhà. Tao sờ môi còn nhờn lắm. Anh Thư biết chỉ có mà chui xuống đất.

Tôi treo thịt lên. Chó treo mèo đậy mà lì.

Tôi chạy ra đình. Đàn em lấy phần xong, ai về nhà ấy. Đình trong, các bậc đàn anh vẫn chửi nhau loạn xạ. Đến Thành hoàng cũng phải sợ rúc vào trong cung thâm nghiêm, âm u và im thin thít.

Hai con nghê cứ ngồi vắt vẻo đỉnh trụ cao ngất, nhăn nhăn cười...

Thùm thùm thùm... Beng beng beng... Bong bong bong... Đừng ai giật mình: Đây không phải trống võ đê. Mà là trống hội, trống vui nổi đình đám: Trống vật.

Các đô vật đã chinh tề, chinh tề đối với đô vật là cỡi trần đóng khổ xanh, đỏ, tím vàng.

Đôi đầu tiên ra bãi. Hai người đi song song lên đèn. Hai bàn tay ngửa xếp lên nhau cứ thế mà đi đến gần người đánh trống cái, rồi quay ngoắt lại giữa sân cả hai, vỗ đùi đét, đứng trung bình tấn rồi xông vào nhau. Đụng vào nhau lại lùi, lại xông vào nhau...

Bác Bát lại phải gặp bác Bàn
Chú Chàng lại phải gặp bác Phôi
Chú Nhuận lại phải gặp bác Sướng
Bác Dương lại phải gặp bác Tráng

- ...

Đôi đầu tiên này là bác Bát, bác Bàn

To nhón là một nhẽ, nhưng phải có mẹo.

Hai bên khóa tay nhau xoắn như thùng bện là lúc căng nhất. Tiếng trống cái rộ lên như

có thể bực. Tiếng thanh la đình tai gắt bồng. Cái trống khẩu bé thể mà cũng nổ miệng gí sát tai đô vật - cái sân cát mịn đã tưới mà vẫn bụi lằm.

Tơ rung tung beng, tơ rung tung cóc, thùng thùng... Cả làng đứng vòng trong vòng ngoài. Chiều hoa giải kín nền giao lương. Các chú kéo nhị, gảy đàn mặt hồng lên, đầu lắc lư, chân xếp tròn. Ông Phó lý hôm nay cầm châu. Ông có tiếng hào hoa phong nhã.

Ông kếp Thịnh hát giào đầu. Ông hát xong, mọi người xôn xao:

- A tái hồi Kim Trọng, hay hay!

Đàn ông chó kếp Phan - Trần
Đàn bà chó kếp Thúy Vân, Thúy Kiều

Cái làng này bướng lằm. Thích gì chơi ấy. Năm kia, mời phường chèo về vác Phan Trần ra diễn...

Đàn bầu ai gảy thì nghe
Làm thân con gái chó nghe đàn bầu

Có lần anh Viễn vác cái đàn bầu ở tỉnh về chơi, giữa Rằm tháng tám, anh ngồi giữa sân đình gảy... Tích tịch tình tang... cao vút mây xanh, tiếng đàn li ti... Trầm hẳn đáy giếng ngọt lịm. Cả xóm, sau đến cả làng thâu đêm suốt sáng nghe tiếng đàn bầu anh Viễn. Người nghe, nhiều nhất vẫn là con gái. Các cô, các chị nghe tinh lằm. Nếu ai nghe không tinh thì tai mình hóa tai trâu... Giăng sắp lặn đỏ ối phía Đoài, anh Viễn được thưởng bao nhiêu tiền.

Năm nay diễn Kiều. Thế mới ghê chứ! - Giai, gái cái làng này chả có xảy ra cái chuyện gì lôi thôi. Yêu ra yêu. Ghét ra ghét. Đa tình lằm nhưng mà rất thâm kín, duyên dáng.

Buổi chiều tôi nhìn trộm hai cô nữ. Hai cô cũng thường thôi về nét mặt nhưng lưng đều lưng ong. ấy thế mà khi ra chiếu chèo: Kiều, Thúy Vân như hai người khác đẹp gấp mười lần ban chiều. Hai cô có liếc ngang, liếc dọc gì đâu, hiền như Kiều, như Vân... ấy thế mà khi hát, hai cô luôn luôn được ông Phó lý cắc vào tang trống. Tiếng cắc to lằm! Mỗi lần cắc là một đồng tiền thưởng lẫn keng, quay tròn trên mâm thau đồng lóng lánh, nghe sượng cái tai, nhìn mát cái mắt - khi về, tôi với thằng Diễn cứ cãi nhau:

Tôi:

- Tao thì tao đếch cho tái hồi. Cái anh chàng Kim Trọng như giai lơ. Bạch diện thư sinh. Suốt một đời ăn trắng mặc trơn ra sung vào sượng. Thúy Kiều lặn đạn dậm đường xa vắng thì đã có Thúy Vân. ới giờ ới: "Rắp tâm treo ấn từ quan - Mấy sông cũng lội mấy

ngàn cũng qua" để tìm Kiều. Nhưng bao lần chỉ là "rấp tâm". Anh ta nói phét đấy, đừng có tin! Khi đọc truyện tao lại mê anh Từ Hải. Phải, Từ Hải mới xứng với Kiều. Bên lửa rực hồng. Bên nước biếc xanh!

Diễn :

- Tao lại thích Kim Trọng. Anh ấy văn nhân. Hồn hậu. Yêu Kiều thật...

Tôi cắt ngang:

- Anh ấy là cái đồ tán gái. Cái gằm gời này có hàng ức người như thế, cứ gì Kim với chả Trọng. Hôm nọ bình truyện ở nhà tao, anh Hồ, anh Bôn cũng nghĩ y như tao - Là thật, nhiều người cứ mê anh chàng Kim Trọng! Anh ta có cái khỉ gì nhi!

Diễn ta có cái thói, khi cãi nhau gần đuối lý thì văng ra:

- Tao đêch cãi nữa. Tao đâm cái củ "xê" vào!

Chắc đêm nay nó bực tôi. ấy thế nhưng mà nó tốt lắm. Mai nó lại cười hề hề đến chơi với tôi cho mà xem.

Đêm mười sáu, diễn tích "Lã Bố hí Điêu Thuyền".

Cả làng được một mẻ cười vỡ bụng. Các chú, các cô phường chèo khéo thật. Đêm trước cho làng dờ khóc dờ cười. Đêm nay cho làng cả bữa cười.

Vẫn cô nữ đêm qua sắm vai Kiều. Đêm nay, cô sắm vai Điêu Thuyền. Đêm trước hiền hậu đáng thương bao nhiêu thì đêm nay dĩ thỏa bấy nhiêu: mắt ngang mày dọc, cô liếc đến đứt mắt, mắt sắc như nước, như lưỡi dao cau. Đêm nay ông Lý cầm chầu - cô liếc Lã Bố năm phần, còn năm phần cô liếc cả sang ông Lý - ông Lý nổi tiếng là cầm chặt dùi. Điêu Thuyền liếc ông như thế. Lã Bố bụng phệ, cười hay đến thế mà mãi ông mới gõ "cắc" vào tang trống, tiếng "cắc" khô khốc; đồng tiền "keng" một cái cũng khô khốc. Vì ít tiền, mâm đồng rộng thênh thang, đồng tiền cứ tha hồ quay tít mãi trước mặt ông Lý. Cả phường ai cũng buồn ra mặt. Buồn nhất là ông Kép Thịnh. Đêm chèo đã tan, tiếng cười còn lan trên các lối về.

Họ kháo nhau inh cả lên, khen hai cô nữ đẹp. Gái Nga Hoàng mà lì! Khen cả cái anh đóng vai Kim Trọng anh đóng vai Lã Bố. Giai làng Ngang chè Dọc mà lì.

Ông kép Thịnh, ông kép Phương mà đã đi thiên hạ chọn quân thì khét tiếng.

Còn đêm nữa, gánh hát của ông mỗi người mỗi ngã, cày thuê cấy mướn mà sống cho

qua ngày đoạn tháng. Tháng Chạp mỗi năm ông lại gọi tụ tập: ôn vớ cũ dựng mới.

Chiều vật, tối chèo cú thể ba ngày, ba đêm.

Người được ăn thịt ăn thà, được xem hội xem hè. Trâu bò bị nhốt - được ăn Tết bằng rơm - Sớm ngày thứ tư, chúng được tháo toang, rời khỏi chuồng chạy như điên trên đồng, gặm lầy gặm để những bờ cỏ non biếc. Trẻ con nhớ hội hè đến ngơ ngác. Chúng nó ngồi vắt vẻo lưng trâu hát rằng:

*Chim ri mệt mỏi, ở nhà
áo sậu trong tổ chạy ra chia phần
Bìm bịp thì đánh trống quân
Chim chích mặc quần đánh mõ theo sau...*

Trước mắt chúng tôi, các loài chim cũng nhảy múa giống như người. Cái hoa biết cười, cái lá biết vẫy...

Gánh hát ông Thịnh đã ra đến sông Đào. Bóng mờ mờ. Chắc chắn là nhiều con mắt nhìn theo...

*- Bốn cột khen ai khéo khéo giồng
Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông
Bốn mảnh quần hồng bay pháp phối...*

Ấy ngày xưa, cái thuở phong đăng hòa cốc, những bãi đu thế này cũng có cờ lá chuối lùa rợp trăm màu. Con gái lên đánh đu đội khăn mỏ quạ đỏ, yếm đào, áo tứ thân vàng, thắt lưng xanh, váy lĩnh rộng tuênh rộng toàng, bên trong là quần hồng. Con giai khăn riu đỏ, áo lụa cánh vàng, thắt lưng nhiều điều quần hồng...

Khi chúng nó đánh đu nhìn mới sướng làm sao.

Bì giờ cứ nghèo dần, giản tiện dần. Con trai con gái cứ quần áo Tết mà mặc lên đánh đu.

Ha ha ! Thế cũng xong.

Ông Tấn say, ông hiểu biết nhiều điều đến thế. Mấy câu thơ ông moi ở đâu ra mà hay vậy. Ông vừa hát, ông vừa giảng giải.

Tôi vừa nghe ông Tấn, mắt vừa hoa lên nhìn hai người đánh đu. Anh Xoa, chị Tám - anh đẹp giai, chị đẹp gái nhất nhì cái làng này. Anh chị bay cao quá, các cột đu rung lên. Cái nóc đu kẽo kẹt. Dân làng đứng chật cái sào ruộng màu, đất tơi như cám.

Rồi tiếp đến anh Bao, chị Bạch - chị Bạch đúng như cái tên. Chị trắng lắm. Khi hai người đã rướn cao ngang nóc đu, dưới hò reo. Ai ăn giàu phải ngừng nhai. Trẻ con ăn mía cắn dở cứ để im trên môi tằm mía, nước chảy ròng ròng xuống tay. Các ông già đôi mắt đã mờ cúi nhàn cứ ngẩng lên cúi xuống nhìn theo hai người đu. Mặc cho tóc bạc phơ, tuột cả búi hành, rồi tung.

(Tôi sức nhớ làng lên kia núi vào một mùa đu, có chị con gái rất xinh, khi đu đến ngang giò, giải rút quần đứt phụt. Chị buông tay đu giữ quần. Chị bị hất ra khỏi đu, quay mười vòng cắm đầu xuống đất. Giữa mùa xuân Tết, đám ma chị dài suốt bờ đê. Cả làng cả vùng thương chị. Nhưng năm sau vẫn mở hội đu. Chính anh con giai đu với chị năm trước, năm sau đánh đu với người con gái khác. Khi đu ngang nóc, có thể là anh mãi ngắm chị, một tay bức khỏi cần đu, tay kia yếu tuột nốt. Anh bị hất tung ra khỏi đu, quay tít. Nhưng lạ quá! Vừa sắp đến đất, anh đứng phắt, tay chống háng, mắt tròn xoe, miệng mỉm cười. Nhiều cô gái mê anh từ đấy. Bi giờ thì anh đã có vợ. Vợ anh là cô gái mê anh nhất hôm ấy, đeo đẳng anh mãi...).

Tôi mãi nghĩ, chỉ thấy cái đu loáng thoáng vèo vèo qua mắt. Mọi người đã reo lên. Anh Bao, chị Bạch hai người đi sóng đôi nhập vào đám người xem.

Anh Bao vỗ vai tôi, anh vừa thở vừa nói:

- Anh có lá thư tình viết sẵn. Mai em chép cho anh, vì chữ anh xấu cô ta chê. Giấy hoa tiên vẩy nước hoa. Nếu cần chữa em cứ chữa cho hay vào!

Tôi gật đầu lia lịa.

Hội đu mấy ngày cũng không ai chán.

Tan hội đu, cái sào ruộng gió mùa lạnh ngắt, xóa mờ mọi dấu vết.

Ông Tấn đi qua, ngất ngưỡng ngắm bãi đu, ông lại hát rằng:

*Chơi xuân có biết xuân chẳng tá?
Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không*

Không biết ông moi đâu ra những câu hay đến vậy!

Thầy Thiệp ở làng Sơn Nam (thuộc tổng Sơn Nam) thay thầy Dung, cái ô mốc, cái áo lương sòn, dép Gia Định bạc phếch. Cái khăn xếp thì mới. Răng thầy đen, khi thầy cười ai cũng phải thích. (Đàn ông rộng miệng thì sang). Bàn ghế kê ngay ngắn chật nhà giao lương - Chữ "Fête du Tết" của thầy Du lau mãi vẫn còn hằn...

Chữ thầy Thiệp đẹp, rõ ràng ngang bằng xỏ ngay. Thầy Thiệp bằng tuổi thầy tôi.

Thầy gõ "cách" vào bảng. Cả lớp đồng thanh:

*Tháng giêng là tháng ăn chơi
Tháng hai giòng đồ, giòng khoai, giòng cà
Tháng ba thì đồ đã già...*

Tiếng trầm, tiếng bổng rộn cả làng, vọng vào núi tiên, dội ra cánh đồng.

Lúa xuân xanh biếc đến chân gò. Gió vờn lúa thành sóng đuổi nhau, cò trắng từng đàn. Chim bồ câu của chú Chàng sinh sôi nảy nở bay rợp gò nghìn, vạn con. Các bác, các anh đô vật và tất cả con giai hai bắp tay nổi lên cuộn cuộn đầu biến thành Thạch Sanh, gương cung, gương nở lên gò, những cái gù kim tuyến nghìn màu từ cán cung bay róc lên. Những cô những chị đánh đu ngày Tết và tất cả các chị, các cô trong làng biến thành tiên hay cao hơn lúc bay đu, mây trắng nổi các cô tiên ần, hiện, hiện, ần...

Tôi đang ngồi học, hai tay khoanh trên bàn ngoan ngoãn nhưng ngẩn như con tò te tưởng tượng miên man như thế!

Con vện

Con chó ấy nó vện. Nó ít thân tôi vì tôi hơi lớn và hay im lặng.

Nó thân thằng Tịch. Tịch ta suốt ngày cứ cời truồng để đỡ tốn quần. Chả còn gì chơi, cậu ta chỉ đùa với chó.

Vện dựng hai chân sau thì hai chân trước quàng được cổ Tịch. Hai đứa vật nhau thờ hồng học, bắt phân thắng bại.

Bữa nào Vện cũng được ăn cơm cháy, cộng lại với thức ăn đầu thừa đuôi thẹo cũng chưa được lưng bát. Nó chỉ xốc hai miếng là hết, lại ngẩn ngơ liếm mép. Bữa bữa, Vện ngồi nhìn mọi người và cơm, cái đầu cử động theo từng đôi đĩa khi mọi người gấp thức ăn.

Mâm cơm dù không đầy diêm, chả ai trông, nó cũng không bao giờ ăn vụng. Nhưng hần ta lại lúi húi ăn vụng cám lợn. Có lần nó đang sục vào nồi cám, thấy tôi vào nó giật mình quay ra, giả vờ ngoe nguẩy đuôi ra điều không có chuyện gì. Tôi bèn múc cho nó hai muôi gạo. Nó nhìn tôi mãi rồi mới dám ăn. Tôi nghĩ: "Hôm nào được mùa, tao cho Vện ăn một bữa no xem hết mấy bát cơm". Không! Chả bao giờ có!

ang nhà bên, sau bữa ăn, tôi thấy hai đồng cơm thừa mà chó nhà họ cứ dửng dưng bỏ

đó, tôi nhớ Vện.

Trở về, thấy Vện nằm bẹp. Cái bụng thóp mỏng dính giờ hàng loạt xương sườn, hấn chỉ đưa mắt chào tôi và đuôi hơi ngoe nguẩy, còn mình và đầu thì không nhúc nhích.

Lạ thật, cái tường ngăn vườn cao ngang giọt gianh, mà sao bố tôi về đến cổng vườn nó đã biết và mừng. Có lẽ nó ngửi thấy hơi người thân. Có lẽ nó nghe thấy bố tôi ho từ xa. Có lẽ nó thấy cái cần câu quăng của bố tôi nhô khỏi tường?...

Lạ lắm, thấy người nhà đi xa về bao giờ chó cũng mừng cuống quít. Nào có ai cho cái gì đâu? Tôi chưa thấy ai đi đâu lại nghĩ đến chuyện đem quà cho chó bao giờ.

Đêm, dù rét mấy nó cũng ra công nằm. Chẳng bao giờ nó "chào" nhằm đã đành. Nhưng cũng chẳng bao giờ nó sửa sai. Nhà có con mèo. Người ta nói "cãi nhau như chó với mèo". Trong cuộc "cãi" nhau thường thường là chó thắng. Nhưng tôi chưa thấy Vện gây sự với mèo lần nào.

Một sớm tinh sương, tôi nghe Tịch khóc ở cổng vườn. Thì ra Vện nằm cứng đờ, đuôi không biết ngoe nguẩy nữa, cái mắt trắng dã bất động. Tôi lay gọi "Vện ơi, Vện ơi!". Nó lạnh tanh rồi!

Thì ra "ma không thương người ốm, kẻ trộm không thương người nghèo". Mấy chú kẻ trộm đã cho nó ăn bả. Nếu Vện no nê như chó nhà người ta thì nó không thèm ăn bả, và nếu có ăn, bả ít ngấm, cứu được. Nhưng Vện đói nên bụng trương lên toàn bả.

Mẹ lặng lẽ cho Vện vào rổ, rồi đem đi đâu? Mẹ cấp chó sang làng Vân để nhờ cậu Năm làm thịt hộ.

Nửa đêm mẹ về, gọi chúng tôi dậy. Mắt nhắm mắt mở tôi thấy nửa con chó luộc.

Tịch buồn thiu buồn thiu.

Ớm, lúc quét nhà, thấy xương xẩu vung vãi, tôi lại nhớ Vện: Giá Vện còn nhí !...

Con mèo đen

Nó đen tuyền. Khi về nhà tôi thì nó đã "luống tuổi". Nó lủi thủi. Ít khi thấy nó đùa. Đêm mùa rét, khi tỉnh giấc đã thấy nó rúc đầu vào nách tôi. Nó ự... ự... Mẹ tôi gọi nó là "Mẫn". Gọi thế nghe thương thương. Nhiều đêm mưa gió, nó gào ở vườn xa. Bố bảo: "Nó sắp cho một lứa nữa đây". Nó gào tìm đực mà sao lại thảm thiết? Tôi thức đến khi nó thôi gào.

Bữa cơm, đánh hơi thấy, thường lệ nó "meo... meo..." ở góc vườn. Thế nghĩa là nó đã đói meo. Nhưng, có lần nó đi đâu ba ngày liền. Cả nhà mong. Cả nhà lo. Cả nhà nhớ...

ôm, đỉnh chạn có nửa con cá sộp to bằng bắp chân... còn đầm những nước. Tôi "meo... meo", chả thấy nó đâu. Một lát, nhà chú Chàng lao xao:

"Con cá sộp to nhất thả ở vại, đây rõ, đề gạch mà sao mất ?".

Tôi im lặng và ôm mèo, lo cho nó quá.

Đêm ấy, thấy "meo... meo..." ở góc sân, tôi bật dậy. Nó lôi con cá sộp to kênh về đặt đó ngồi thờ. Trời lạnh, khắp mình mẩy nó lấm bê lấm bết. Tôi vuốt ve và dịu dàng bảo nó: "Này, đi đâu lâu thế. Sợ mày đi lang thang thành mèo vườn, thành cáo thì chết. Bắt cá ở đâu thì bắt, đừng bắt trộm nhà người, họ đánh chết đấy. Có ai khiến mày đi trộm đâu". Nó lại ư... ư... như nghe lời rồi rúc vào chân tôi, run như cây sậy.

Tháng sau, có bao nhiêu tiếng "eo... eo..." trong buồng. Nó đẻ một đàn cả mướp lẫn đen lẫn khoang. Cả nhà mừng. Ai cũng vào thăm. Hấn đề, nhưng có gì cho hấn ăn lại sức đâu! Được một ngày, tôi vào buồng bỗng thấy những con mèo con đi đâu sạch. Thì ra, mèo mẹ, đã cảm con đi giấu. Tưởng giấu đâu, lại giấu ngay ở thùng trấu trong bếp. Nơi mà bữa nào cũng có người lấy rơm rạ đun.

Mèo con đã mở mắt, lớn dần. Khi chúng choai choai như thường lệ sau mỗi lứa mèo, mẹ tôi cho tất cả vào thúng đem ra chợ bán. Mèo mẹ về, sục tìm con, gào đến lạc cả giọng mấy đêm, mấy ngày, ai cho ăn cũng không ăn. Ngày một, ngày hai, hấn nguôi dần, kêu gào ít dần, rồi thôi.

Khi tôi ở xa thì nó chết bao giờ? Chỉ biết lúc về chẳng thấy mèo đen đâu.

Cái cò, cái vạc, cái nông

"Vạc... vạc" Nghe vạc kêu, vừa giần gạo, mẹ vừa nói:

- Khổ, vạc đi ăn khuya thế. Ăn sớm thì cò còn thức, nó mổ chết.
- Sao vạc cứ phải ăn đêm hở u?
- Thì vạc đã bán hết cả ruộng cho cò còn gì?

Sớm tờ mờ, tôi dậy thổi cơm, tiếng vạc rủ nhau bay về, bay nhanh lắm, tôi không nhìn thấy. Thế ra vạc đã lặn lội suốt đêm qua.

Từ đây nghe liếng vạc, tôi lại buồn. Thương vạc quá.

"Cò... cò... ". Cò bị bầy. Dây bầy thắt đúng cổ. Anh tôi reo lên, tóm nó về.

Tôi thương nó. Vì tôi vẫn thuộc mấy bài hát:

*Con cò mày đi ăn đêm.
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao*

Thế thì cò cũng khổ lắm chứ?

Cò lại còn biết dặn người ta:

*Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con*

Thế thì cò cũng tốt lắm chứ!

Nào là:

*Con cò lặn lội bờ sông.
Gánh gạo đưa chồng nước mắt nỉ non.*

Thế thì cò cũng có thủy chung lắm chứ?

Nào là:

Con cò bay lả bay la...

Cò trắng đầy đồng. Cò đẹp cho đồng lắm chứ!

Nào là:

*Con cò là con cò kỳ
Ăn cơm nhà dì uống nước nhà cô...*

Nó khổ thế!

Bài hát về cò nhiều lắm và nghe nẫu ruột lắm.

Anh tôi chưa giết cò vội, nhốt nó vào cái lồng bu. Tôi định thả nó ra.

Bỗng nhiên cái Bàng, em gái tôi, ngồi tí tê hát:

*Cái cò, cái vạc, cái nông
Sao mày giẫm lúa nhà ông hời cò?
Không không, tôi đứng trên bờ
Mẹ con nhà nó đổ ngờ cho tôi.*

Tôi nghĩ mãi. Tự nhiên thấy con cò xấu hẳn đi. Trông nó dữ tợn. Lông ở đầu nó dựng lên. Cổ dài ngoẵng, cái mỏ dài, nhọn hoắt; đôi mắt đỏ lên, sòng sọc. Lù đù thế mà nó mồm. Rõ ràng vừa rồi từng đàn sà xuống ruộng, giữa ban ngày, bị mắc bẫy, có "đứng trên bờ" đâu. à ra cò xấu thật: cò mồi, cò rò, thầy cò, cò cựa, lữ cò bợ, làm kiểu cò con, lò dò như cò mỡ tép... Muốn gì thì gì chứ cái chuyện vạc bán ruộng cho cò thì tôi nhớ nhất. Mẹ tôi bảo nó có cái "văn tự" ở nách ấy. Đi đâu nó cũng cắp ở nách kè kè. Vạch mãi không thấy, anh tôi vật lông, khi vật trụi hết lông thì thấy một miếng vuông vuông bằng nửa con tam cúc màu vàng lại gọn gọn như những hàng chữ. Tôi reo lên

- Văn tự đây rồi!

Anh Thả bảo:

- Đúng! Đúng! Bóc mẹ nó đi!

Anh tôi bóc đi, rồi mổ cò cho vào xáo măng.

Từ đấy, tôi cứ thích theo anh đi đánh bẫy cò, thích nhất là được bóc "văn tự"!

Con bồ nông, cái nông cũng là nó. Nó sống lưa thưa. Kia, nó lúi húi mò mồi trên ruộng. Có lúc tôi nhầm là thằng bé bắt cua. Bắt được con mồi, nó cầm lên đút vào "yếm" để đem về cho con. Ít khi thấy nó ăn ngay tại chỗ. Nó lớn quá mà hiền, nó ít "nói", bị cò đổ vạ cho là "giẫm lúa". Nó không "cãi" cứ lúi thủi một mình. Mùa lụt, nó đứng trên những bờ cỏ, buồn rầu ngẩn ngơ.

Kìa, người ta hụp xuống nước, đội bè cỏ, đi dần đến chỗ nó. Nó vẫn mơ mộng ngấm đồng nước trắng, ngấm trời vân vũ rồi ủ rũ, "mất mùa" không kiếm được gì mang về cho con. Bất thần, nó bị người ở dưới bè cỏ vung tay chụp. Nó giang hồ, tha phương cầu thực. Tôi không biết "nhà cửa" nó ở đâu. Chỉ biết: Khi nó đã bay thì bay ngang trời, cao lắm, xa lắc. Tôi cứ hát mãi:

*Bao giờ cho hết tháng ba
Bồ nông no ấm ở nhà nghỉ ngơi*

Nó hiền thế mà sao luôn luôn bị tai vạ?

Trong các vườn tre ở làng này thì vườn của ông Tuyên là rộng nhất và cũng um tùm nhất. Những cây tre cái giống dài và to vươn chọc giời. Khi già, nó chín vàng. Những cây tre đực thì giống ngắn và lùn. Khi nó còn trẻ đã rắn rỏi, lăm lè. Những cây vôi khi chưa có lá đã mập mạp, thẳng băng.

"Đất tốt cò đậu". Cò mười phương đã chọn cái vườn này để ở. Giữa một vùng xanh biếc ấy rợp những đốm trắng lớp, lao xao.

Mùa xuân, rồi mùa hè, cò rủ nhau tụ hội. Chả mấy đôi mà tổ dày chi chít...

Vườn cò xảy ra bao nhiêu chuyện:

Một sớm, sáu chú điều hâu cựa mình to sức lớn với dáng hình kỳ quái sà xuống các tổ cò định ăn trứng và quắp cò con; lập tức cả vườn cò xáo động. Một đám cò xông thẳng vào mấy con điều hâu, mổ túi bụi. Điều hâu lập tức dùng tất cả sức mạnh, giương cánh lao vút lên tận mây xanh. Một vài con kêu ré lên...

Cò thường ở vườn tre. Cò khôn lắm. Chúng biết rằng tre đầy gai góc. Đôi thủ nào cũng chẳng đại gì mà leo lên tận "vắt vẻo ngọn tre" để phá nhà chúng.

Còn vạc thì lại tụ tập ở cây đa chùa, cây đa đình. Đêm, vạc đi ăn, cò ngủ say sưa. Ngày, cò đi ăn, vạc ngủ la đà. Một hôm, không hiểu nguyên do gì, một đàn cò đột nhiên tràn sang đánh vạc giữa ban ngày ban mặt. Trận ẩu đả này cả làng tôi đều biết. Tiếng kêu của vạc, của cò ran góc làng. Tán loạn, không phân thắng bại.

Lần này, một trận lại xảy ra ngay ở vườn cò. Chúng tôi đoán có mấy nguyên do sau đây (các cụ già cũng bàn tán như thế):

Có thể là vạc lười, không chịu làm tổ. Hoặc có làm tổ nhưng làm sơ sài tạm bợ. Vì thế nên có một số "cô" bay qua vườn cò, thấy cò vắng nhà, các "cô" đang mót để thấy sẵn tổ ấm, vào... đẻ... nhờ...

Riêng cái chuyện này thì vạc có hai cái liều:

- Một là, các "cô" đang đẻ, cò về thì sao?

- Hai là, nếu đẻ trứng ra còn phải ấp. Thế thì vạc có dám sang ấp không? Nếu nhờ cò ấp cũng được đấy. Nhưng sau này vạc con nở ra. Thấy khác giống (mà lại là vạc) thì cò con nó cũng đổ xô vào nó đánh chết chứ chưa nói đến cò mẹ, cò bố.

Cái liều thứ nhất đã xảy ra:

Mấy "cô" vạc đang đẻ thì một đàn cò đi "làm" về. Cuộc đánh nhau kéo dài. Ngay trong chuyện này vạc cũng liều: Chỉ có mấy "cô" lại đang đau đẻ thế mà dám chống một đàn cò! Dĩ nhiên là giỏi mấy các "cô" cũng thua. Đàn cò đuổi theo đến tận gần nhà vạc.

Anh tôi tìm được một tổ có cò con. Những con cò đã "ra ràng", nghĩa là có thể "đến tuổi" xáo măng. Anh đánh bạo, trèo lên lưng chừng cây thả sức rung, rung mãi, rung lấy rung để, không một con cò con nào rơi xuống. Mới biết, cò chịu khó làm tổ kiên cố thật! Anh em tôi đành bó tay, ra về với một sự trừng phạt thật là ghê gớm: Cút cò vãi trắng như vôi đầy đầu, đầy mặt, đầy áo chúng tôi. Riêng tôi, lúc ngẩng lên còn bị một hòn cút cò rơi vào trúng mồm. Mùi tanh và hăng hắc xông đến tận óc!

Thế đấy! Khi có giặc đến nhà, họ nhà cò hợp quần nhau lại cùng đánh; tìm mọi mưu hay kế giỏi để tự giữ mình. Nói như vậy, không phải trong họ nhà cò không có chuyện gì!

- Mấy con cò lười biếng, không chịu lặn lội kiếm ăn, đã cướp mồi của con khác. Thế là hai bên mổ nhau, đập nhau thừa sống thiếu chết. Có con bị lòi cả mắt. Con bị lòi mắt có khi lại là con đi kiếm mồi về!

- Một con cò đang nằm trong tổ, một con khác về xông vào đánh liền. Tôi cứ tưởng chúng cướp ổ nhau. Nhưng chưa chắc đã phải. Dân làng đồn rằng chúng đẻ nhầm ổ nhau. Hàng trăm tổ giống nhau, tránh sao được sự nhầm lẫn. Sự nhầm lẫn này chắc đã xảy ra nhiều lần, nhưng không va chạm mấy. Vì sao? Khi chủ nhà đi vắng quá lâu, "cô" cò đẻ nhầm đã đẻ xong và bay đi...

Năm nào cũng vậy. Cứ đến cuối hè là bao nhiêu tai họa. Đấy! Đất giời đều lặng như tờ. Ai cũng tức thở...

Bão! Bão đã đến! Bão to lắm! Cò nháo nhác, bay lên lại nhào xuống. Tre vạn mình gãy răng rắc. Những cây măng như cái roi vụt tứ phía rồi đứt phăng như bị cưa...

Bão đã cút về phương nào!

Anh em tôi lao ra vườn cò. Ui chao! Thật là "bão chết cò". Cò già, cò trẻ, cò mẹ, cò con chết trắng vườn. Cũng có những con sống sót, rúc vào bụi nhưng cũng "lủ cò bọ". Chúng tôi và trẻ cùng xóm tranh nhau vò lấy vò để. Chỉ một chốc, cái lồng đại đã đầy ắp những cò. Có người còn xách dây hai tay cả con sống lẫn con chết. Con chết thì đã đành, nhưng con sống, nhất là cò con thì tôi thương.

au khi quảng lồng cò về nhà, anh em tôi chạy vội ra vườn nhặt măng. "Thừa gió bẻ măng", anh em tôi bẻ luôn cả những cây măng bụi bầm chưa gãy.

Bữa cơm chiều, nhà tôi đang ăn cơm cò xáo măng, bỗng nghe có tiếng bà Tuyên chửi ở vườn. Bà rất tinh: cây măng nào gãy, cây măng nào bị bẻ trộm bà đều biết. Nghe tiếng chửi, hai anh em tôi liếc nhìn nhau. Chưa ăn đã thấy no, tôi đứng dậy vuốt bụng. U và xong miếng cơm, gõ gõ đưa vào miệng bát:

- Sao ăn ít thế con?

- Bữa trưa con đã no chán rồi ạ.

Anh tôi lặng lẽ cúi đầu cò nuốt xong bát cơm, may không bị nghẹn.

Đêm hè nhưng lạnh vì ảnh hưởng bão. Bão mấy ngày kèm theo mưa. Mưa thổi đất thổi cát. Vườn cò có tiếng cò kêu lạ. ít khi cò lại kêu đêm? Trừ khi chúng tỉnh giấc và có động. Những tiếng kêu khi ấy gọn và im ngay. Đàng này, tiếng kêu của nó kéo dài và thảm thiết: C... ồ... ồ, c... ọ... ọ...!...

U ngủ được một giấc rồi giờ mình thử dài:

- Nó nhớ con, nó kêu đấy. Rõ khổ!

Có lẽ cả nhà chỉ có tôi thức nghe rõ tiếng u nói một mình.

ôm sau, cò lại bay trắng vườn. Thì ra cò tránh được bão, còn sống nhiều lắm. Chúng tha rơm tha rác về làm tổ mới. Những tổ mới mọc ra giữa vườn xơ xác. Tôi không thấy con nào tha mồi về cho con như trước khi bão.

Hôm sau, cò vẫn kêu. Thường chúng kêu từ lúc nhọ mặt người cho đến hừng đông. Đến ngày thứ ba thì nhiều con đã khàn đặc cổ. Tiếng kêu không phải "cò... ọ..." như trước, mà bây giờ nó kêu "c... ọ... ọ, c... ọ... ọ..." ... Chúng tôi ăn cơm đèn dầu trong tiếng cò kêu.

Măng muối mọi lần ngon thế. Lần này nó vừa nồng vừa cay, nó vừa chua vừa chát đến nghẹn cổ.

Lợn giời kêu

Đêm tối om. Giữa giời có tiếng "éc". Vẫn tiếng ấy kéo dài sang tận xóm Đông.

- Lợn giời kêu. Lại có người chết đấy!

Mẹ buồn rầu bảo thế.

Trong làng có tiếng khóc. Chị Xuyên xinh quá, chị Xuyên chết rồi. Chị hay đội khăn mỏ quạ. Má cứ ứng lên. Chị hay mặc áo nâu, đôi vải mới một đoạn ở ống tay. Tay cứ thon lại. Cái điều sáo của chú Chàng vu... vu... ở đèo Bắ, mọi đêm như tiếng ru vui thế. Đêm nay như tiếng rên suốt đến sáng. Chị Xuyên đã ra nằm ở núi Chùa. Xóm Đông rắc nước vôi trắng ngổ. Dân làng bảo chị Xuyên chết vì bệnh tả.

Ánh giăng màu úa úa, rồi đỏ lừ. Lợn giò lại éc...éc... bay qua. Bao nhiêu người chết. Chú Toàn tôi đã chết. Rồi chị Cún là con chú, chết theo. Chị Cún bằng tôi thân tôi lắm. Bao giờ tôi sang chơi, dù là tối, chị cũng soi đèn chai ra rờ dơ riêng luộc cho tôi ăn. Chị vào cái xối ở đầu nhà bẻ mía. Chị nhanh lắm. Chị hay lam hay làm. Cô Toàn tôi bảo: nó xinh, nó ngoan nhất cái nhà này. Rồi chú Chà chết, thím Chà chết để lại em Lĩnh mới hằng hằng đi.

Tôi buồn quá ngồi ở góc sân vôi của nhà nghe sáo điều của chú Chàng đang khó hu... hu... ở đèo Bắ, nhìn ánh giăng vải máu rờ rờ ở chân giò.

Lợn giò lại kêu. Tôi chả nhìn thấy nó bao giờ và không biết đến bao giờ thì nó thôi kêu...

Con nuôi

Bác Ký nói với thầy tôi:

- Trông máu mặt chú, tôi biết. Thím thì đàn. Mới có bốn mụn con nhưng chả nuôi nổi đâu. Tìm nơi nào thân cận, khá giả, cho bớt người ta hai đứa.

Những ngày đi cắt tóc ở thôn Lãm Dương, thầy tôi đã tìm được người tốt, ấy là ông Phò. Ông làm thợ may. Ông hiếm con. Thầy tôi dẫn người con cả sang cho ông. Đến đúng mùng một Tết, anh Thư về chơi thà. Trông anh khác quá, chúng tôi quần quít quanh anh. Anh béo hăn, xênh xang trong bộ quần áo mới. Cái quần trúc bâu trắng, cái áo cánh vải tân thời có kẻ dọc. Anh đi guốc. Anh khoe với thầy tôi:

- Con đã biết máy rồi thầy ạ. Còn cắt thì đang học.

- Thầy tôi gật đầu: "ừ, tốt đấy! Con cố lên, sau có nghề mà kiếm ăn".

Tết xong, bác Ký đi chữa máy khâu ở tỉnh về, nói:

- Tôi đã tìm được nơi tốt, ấy là ông bà Phán Lĩnh. Tùy chú. Chú cho thằng Thà hay thằng Khán cũng được.

Rồi một sớm, anh Thả mặc bộ quần áo vá ít nhất, mới giặt hôm qua, thơm phức, chân đất lùn cùn đi theo thầy tôi.

Được lên tỉnh, ai mà chả thích! Tôi, thầy tôi về một mình. Mặt Người rười rượi. Mới vắng anh một ngày mà tôi nhớ quá. Chắc anh Thả xa nhà, lạ nước lạ cái còn buồn hơn.

Mỗi lần đi lĩnh chân, thầy đều rẽ qua thăm anh Thả. Lần nào về, thầy cũng nói: "Thằng Thả níu đến rách vạt áo, đòi về, khóc lăm. Chả biết nó có chịu ở không?". Nghe thế, tôi và cái Bảng cũng sụt sịt khóc.

Rồi một trưa, bỗng thấy anh Thả chui từ cổng vườn về. Trông anh lạ quá. Chúng tôi ôm anh mừng mừng, tủi tủi, lo lo. Mừng vì được thấy anh. Tủi vì thương anh. Lo vì thầy sẽ mắng. Anh vẫn mặc nguyên bộ quần áo vá, vẫn đội cái mũ chào mào dạ Tây. Hai cái mào anh xoay ngang sang hai bên trán, giống như hai cái tai mèo. Cái mũ rộng làm anh đã gây lại choắt thêm, nước da tái nhợt. Mẹ đang đun bếp chạy ra, ngờ ngác:

- Sao con về thế?

- Con thềm vào. Con trốn đây!

Anh quay sang nói với chúng tôi:

- Tao đếch ở tỉnh!

Tối, thầy về, anh Thả trốn vào góc ổ rơm. Tôi theo dõi mặt thầy. Cái Bảng nhanh nhẩu đoảng:

- Thầy ơi, anh Thả về.

Dưới ánh đèn dầu, nét mặt thầy bình thường. Anh Thả khẽ ngóc đầu nhìn trộm thầy. Thấy thầy im lặng, anh Thả khẽ ngồi dậy.

Sớm lắm, thầy tắt bật đi đâu? Chắc là lại lên ông bà Phán Lĩnh.

Rồi một ngày. Một ngày đẹp lắm. Nắng ấm. Gió như ai quạt vào các lá tre. Thầy dẫn tôi đi. Tôi mặc bộ áo quần lạnh nhất. Cái quần chỉ vá mỗi miếng dít. Lần đầu tiên tôi được đi xa, nhất là được lên tỉnh. Qua làng Chiều, qua làng Vân Hợp thì tôi quen, nhưng từ Vân Hợp trở đi tôi lạ. Tôi cứ hỏi thầy ríu rít. Thầy bảo: "Núi Ba Huyện. Làng Đại Tráng và bắt đầu đến tỉnh". Tỉnh có khác! Đường rải nhựa. Bao nhiêu dây thép rất cao cứ reo vu vu. Đầy hàng ăn uống.

- Mời ông đem cháu vào xơi quà!

- Mời bác vào ăn quà!

- Mời chú vào ăn qu... à...!

Ui chao! Thiên hạ tốt đến thế! Nhưng lạ quá. Cả hai bố con đều đói, mà thầy cứ lắc đầu từ chối.

Lần đầu tiên thầy mua cho tôi rất nhiều kẹo. Kẹo vùng đây hai túi áo. Tôi nhắm bụng: "Ăn ít thôi, còn phải để phần đem về cho anh Thả, cái Bảng".

Đã đến cái cổng to tướng, có hai cánh sắt. Đã đến cái nhà, có cửa kính. Một ông béo lấm, mặt quần áo Tây, đi giày đỏ. Một bà béo lấm. Khăn vắn trần. áo lụa dài. Chắc là ông bà Phán Lĩnh đây rồi, vì tôi thấy thầy: "Chào ông Phán, chào bà Phán". Bà Phán kéo ngay tôi vào lòng:

- Thằng này thứ ba phải không? Tên cháu là gì?...

Đôi tay mũm mĩm của bà xoa mãi lên đầu tôi. Mùi hoa gì thơm lừng nhưng lại hăng hắc. Tôi khẽ khịt mũi.

- Thôi, con ở lại với ông bà.

Thầy vừa nói xong, nước mắt tôi chảy ròng ròng.

Thầy về, tôi chạy ra cổng nhìn mãi, nhìn mãi. Bụi, ngựa, ô-tô đầy đường đã che lấp bóng thầy.

Nghe bà Phán gọi, tôi giật mình vào nhà, đã thấy ba đứa trẻ nhỏ như tôi đứng trước mặt bà Phán. Bà nói:

- Đây là anh Chùng, bằng tuổi mày. Đây là chị Hiếu kém mày hai tuổi. Nhưng mày phải gọi Chùng là anh, Hiếu là chị. Còn đây là cái Liên, hơn mày hai tuổi, đứa ở, cũng là nhà quê như mày. Nó phải mặc rách, nhưng mày là con nuôi được mặc lành. Cái Liên vào mở tủ, tìm ngay bộ quần áo cũ nhất của Chùng rồi đem cho Khán thay ngay.

Tôi giật quần áo phơi riêng ra. Bộ quần áo anh Chùng tôi mặc vừa vặn nhưng cái mùi nó mông mốc như mùi quần áo tằm tằm, không chịu được. Bà cho tôi đi đôi guốc đã bong sơn của anh Chùng.

Mùi xào xào thơm lừng như hàng ăn. Tôi xuống bếp, một bà già, mắt kèm nhèm không nói không rằng đang còm lưng lúi thủi thổi cơm. Bữa cơm chiều thật ngon! Những đĩa

thịt thái mỏng dính. Nồi đồng điều xinh xắn. Cơm gạo tám trắng đèn lóa mắt. Mọi người cứ đơm lưng bát một.

Tôi được ăn ba lưng, rồi bần thần đứng dậy, bụng như chưa được ăn, phải ngoảnh mặt đi, không dám nhìn mâm cơm.

Bà nấu cơm và chị Liên phải ăn ở dưới bếp.

Một ngày đã qua. Anh Chùng bắt tôi ngủ chung giường với chị Liên. Đêm, nhớ nhà quá. Tôi khóc thầm. Chị Liên cũng sụt sịt.

Gà gáy ran nhưng còn tối. Anh Chùng thức giấc:

- Ngủ gì mà ngủ ghê thế! Gọi như gọi dò. Dậy đi. Hai đứa đi nhặt lá bàng không chúng nó nhặt hết.

Tôi bắt đầu thấy sợ anh Chùng. Anh mới có mười tuổi mà ghê gớm thế! Ông bà Phán chả mấy khi dọa nạt quát mắng chúng tôi. Hai chị em mang hai cái rổ sề đi. ánh đèn "bin" của đồn lính khố xanh quét loang loáng nhòe cả mắt.

Lá bàng khô, lá bàng vàng rơi lả tả. Có chiếc lao thẳng vào đầu chúng tôi.

- Chị Liên ơi, nhà họ giàu thế mà phải đun lá bàng?

- Lá bàng để làm nộm cho củi đấy!

Lá bàng đã được phơi đầy sân. Nắng khô cong. Mồ hôi chúng tôi rùng rùng vuốt mặt không kịp. Góc sân, một bác cũng đứng dậy vuốt mặt. Bác đang bỏ củi. Quần áo bác vá chằng vá đụp. Tôi sán lại:

- Nhà bác ở đâu?

- ở làng Chu Mầu gần làng cháu.

- Gọi bác thì gọi bác tên gì ạ?

- Dao. Bác quen thầy cháu, biết cả nhà cháu.

Từ lúc ấy tôi vui quá và cứ tưởng bác Dao như bác ruột mình.

Chiều nào bác cũng vác búa, rìu về làng. Sớm tinh mơ đã thay bác. Làng bác xa quá.

Đêm ấy, mắt tôi cứ cay xè, mở thao láo cho đến sáng. Sớm dậy, tôi đi tắm, giặt bộ quần áo mượn. Tôi mặc bộ quần áo quen thuộc của tôi. Tôi chạy đến gặp bà Phán, đánh bạo xin về. Ngày một, ngày hai không được. Ngày ba, tự nhiên bác Dao bỏ búa, rìu, bỏ bỏ củi:

- Cháu ơi! Bà Phán cho về. Dừng mà nhà đói lắm đấy!

Bác dắt tôi về. Tiền đâu mà bác mua cho tôi bao nhiêu kẹo? Ra khỏi tỉnh, đường khó đi, bác cống gợn tôi trên lưng. Bước thấp bước cao, chân giò cứ rập rình lên xuống theo mỗi bước bác đi. Bác đến nhà tôi bao giờ mà thạo đường thế!

Bác vừa đặt tôi xuống cái sân vôi "cóc gặm" thì đã thấy anh Thả ngồi vắt vẻo trên tường:

- A, thằng Khán về. Nhớn như cái sào chọc cút thế mà để bác phải cống! - Anh vui ra mặt.

Tay anh cầm một chùm rau má rất to. Lạ thế, tự nhiên tôi lại thèm một bữa cơm rau má. Rau má được băm ra.

Một hạt cơm cống bao rau má. Nồi cơm xanh. Cả nhà ăn ngon lành. Tiếc thật! U mời mãi, bác Dao không chịu ở lại ăn cơm. Chắc bác đói lắm!

Tối, thầy đi cắt tóc về. Thế là cả nhà chỉ thiếu anh Thư. Thầy bảo anh Thư chóng lớn lắm, phỏng phao lắm.

Anh Thư cũng đang đi làm con nuôi.

Anh Thả và tôi cũng đã từng làm con nuôi!

Có một bà chùa

Bà ở ngôi chùa nho nhỏ. Chùa là nhà bà: Chùa làng Vân con được dựng gọn ghẽ trên quả đồi tự bao đời. Sang ngoại chơi, tôi hay rẽ qua chùa. Sân chùa, bao cây gạo. Hoa gạo đỏ góc giò. Hoa rụng xuống đầu, xuống vai tôi... Ngôi chùa tuy nhỏ nhưng cũng nhiều Phật. Tiếng chuông chiều của bà vọng mãi, nó âm u và buồn thiu...

Bà có tên là Mỹ, ở tận thôn Gia Thụy (Gia Lâm) lên đây. Bà ở chùa từ lúc còn trẻ. Vì nguyên có gì bà đi tu ít người biết. Trông đáng dấp bà và khuôn mặt ai cũng đoán được thời trẻ bà xinh đẹp. Bây giờ bà đã ngoài năm mươi. Không ai nữa gọi tên tục của bà. Cả vùng gọi rất thân mật gần gọi là "bà Chùa". Bà có hàm răng đen và chắc, hình như lúc nào bà cũng nhai giầu. Vườn cau của chùa cây này già thì cây khác đã mọc lên xanh

mướt, chớp mắt đã thấy cây lớn cây bé thi nhau chửa, ra hoa rồi kết quả, giàn giầu không, cây lá mọc đầy, còn leo lên tường. Ai quen và nghiện giầu vào thăm bà, thể nào bà cũng cho ăn, rồi cho phần đem về. Quanh năm ngày tháng bà chít cái khăn, mặc áo cánh, cái váy. Tất cả đều là màu nâu non. Hôm bà gội đầu, tôi thấy đầu bà trọc và tóc đã bạc trắng. Bà không nuôi chó. Cổng trước cổng sau bằng gỗ nhưng mối đã xông lỗ chỗ. Cái then chưa lắc đã tuột. Bà thường bảo:

- Chùa có gì mà mất trộm. Kẻ cắp cũng ít lấy của chùa.

Bà được làng dành cho hai mảnh ruộng ngay trước cổng. Mùa cấy, bà cấy. Mùa gặt bà gặt... Vạt lúa ở sát bờ cây, mùa nào cũng bị ồm nắng, có khi bị lép. Ấy thế mà bà cũng khối gạo khối khoai.

Mấy lần u con tôi sang thăm bà, vừa vào đến cửa bà đã chào:

- U con mày sang đây à!

Ấy nhưng mấy lần, u con tôi đứng mãi ở giữa sân không thấy bà đâu? Bà cứ lặng lẽ thế. U cất tiếng:

- A-Di-Đà-Phật, bà Chùa có nhà không ạ?

Lần thì bà ở nhà ngang đi ra. Lần thì bà từ vườn đi lên. Lưng bà đã hơi còng.

Gặp u con tôi lần nào bà cũng vui hẳn. U xay thóc sàng gạo cho bà, có hôm còn quét tước trong chùa ngoài sân giúp bà.

Thường thì u con tôi sang thăm bà vào buổi chiều. U hay chọn tuần trăng, mùa hè. Bóng cau ngã xuống đầy sân gạch. Bà giải cho tôi cái chiếu. Chùa có khác! Mùi hương, mùi hoa như ngấm cả vào chiếu. Tôi ngủ một giấc, tỉnh dậy vẫn thấy u giần gạo. Bà nấu xôi chè ở trong bếp. Một lát bà ra ngồi cạnh u, hai người nói hết chuyện này chuyện nọ. Chắc khuya lắm. Bà bung mâm xôi chè ra. Bà và u con tôi ăn no nê. Bà nướng lá chuối, gói một gói to, gửi vào tay u:

- Mang về cho chúng nó ở nhà.

U con tôi mới đi đến làng Chiều, gà đã gáy ran.

Tôi cứ tưởng bà đứng mãi ở cổng chùa, dưới ánh trăng nhìn bóng u con tôi đi. Bà Chùa! Bà đã già thế. Bà còn sống lâu nữa không?

Chú Ất

- Cốc.... cốc.... cốc...! - Một hồi mõ.

- Ông chiều làng nước, mời quan viên ra đình giỗ Hậu!

Rao xong chú lại đánh một hồi mõ cốc... cốc... cốc...

Chú đã rao khắp xóm Đông, xóm Tây, bây giờ chú đang đứng giữa dốc xóm Trại. Bao giờ rao, chú cũng đứng một chỗ đã chọn: trước cổng vườn ông Xích.

Nước da chú như màu đồng ám khói. Chú mặc áo nâu vá, cái quần ngắn đến ngang bụng chân. Chú cầm cái mõ bằng gốc tre, cái dùi gỗ, đều đã nhẵn bóng. Rao xong, chú lùi thúi quay về, chó đuôi sủa inh ỏi.

Có nhiều lần chú rao đêm, vừa nghe cốc... cốc... là nhà nhà im lặng, hồi hộp, vì rao đêm là có chuyện chẳng lành. Giọng chú to lắm, kéo dài. Chưa thấy chú nói chuyện với ai bao giờ.

Nhà chú ở sân đất dưới cửa đình. Sân nhà chú là nơi để mở hội vật hằng năm, có hai cây muỗm cao ngang giò, bình vôi, bát, vỡ lũng củng quanh gốc. Nhà trên quay mặt về đông. Nhà bếp quay mặt về bắc. Tất cả đều lợp rơm, vách đất trống tuềnh, trống toàng, dột nát tứ tung. Vợ chú già hơn chú. Tóc chú đốm trắng lưa thưa. Con gái chú là chị Mùi. Chị Mùi thì đẹp, chỉ tội đôi mắt toét nhèm. Môi chị đỏ như son. Da thì trắng lấm. Cứ bị trẻ con chê: "Mẹ mày ăn nửa củ hành. Để mày toét mắt ba vành son son". Chị chỉ khóc. Ngay cả khi trẻ con đánh chị cũng chỉ khóc, gọi thầy ơi, u ơi. Nhưng thầy u chị đứng ngay như cán tàn lắc lắc đầu mà nhìn con khóc. Chị có dám trêu chọc ai bao giờ đâu mà có lần trẻ con đánh vãi máu đầu. Chú bận nhất là khi làng có đám. Các "liền anh" tha hồ chửi rửa:

- Mẹ cha mày, chiều giải lịch.

- Mả bố mày, chặt thịt sao lại cứ để bán ra ngoài nong để chốc nữa mày nhặt, hớ!

- Mẹ mẹ mày, sao chậm thế? Nước chè tàu đâu?

Mắt tôi nhìn thấy ông xã Tánh tát chú một phát vào mặt. Chú lão đảo; miệng im như hén, cúi gằm mặt tiếp tục chặt thịt. Ba đầu ngón tay in ở bên má hốc hác rần reo.

"Chú già thế mà vẫn bị đánh, bị chửi. Bỏ mẹ cái nghề này mà đi ăn mày còn hơn". Tôi nghĩ thế.

Một hôm tôi công em bé đi đường, thấy chú cầm mõ, lần đầu tiên tôi đánh bạo hỏi chú

một câu:

- Chú Ất đi rao gì thế hở chú?

Chú vội vàng giả lời ngay. Giọng chú trầm quen thuộc.

- Chú đi rao nộp thuế thân cháu ạ.

- Ê! Nói chuyện với thằng Ất.

Tôi giật mình khi thằng Diễm bảo thế.

Lạ thật, chú ngần ấy tuổi mà cả làng gọi là "thằng". Người ta gọi thằng tên tục chú. Tôi cứ tưởng Ất tức là phải cầm mõ đi rao. Cả làng tôi không có ai đặt tên giống chú. Người ta kiêng đặt tên "Ất".

Bà kếp Hi

- Con gà nó ở nhà tao nó là con gà con quế. Nó về nhà mày nó thành con đồng danh đỏ mỏ. Nó mổ người lớn người bé nhà mày!

Không biết bà đứng ở đâu bà chửi. Nhưng chắc chắn bà đứng giữa ngã ba ngã bảy, chứ bà chả chịu đứng khuất đâu. Bà đứng cho ai cũng thấy bà. Bà chửi cho ai cũng nghe tiếng. Cả làng, ai cũng quen thuộc tiếng chửi của bà, còn thích nghe hay không thì tôi không rõ. Riêng tôi, tôi cứ thích nghe bà chửi và bà nói chuyện. Người ta đồn là bà có ba-mươi-sáu bài chửi, không hiểu bà bịa ra hay bà nhặt nhạnh ở đâu?

- Mẹ mày có mấy luống củ. Mẹ mày mất bao công lênh. Ma không thương người ốm. Kẻ trộm không thương người nghèo. Mày bới trộm của tao, đứa nào ăn vào sung cổ nõ hầu nó ra, ăn năm chết năm, ăn ba chết ba...

Đấy lại tiếng bà kếp Hi! - Ai cũng cười tùm tùm bảo thế. Lần này thì bà đứng chửi giữa cánh đồng màu, ngay trước nhà tôi. Tôi lặng lẽ ra cổng ngắm bà. Bao giờ bà cũng mặc chiếc váy đụp và bao giờ bà cũng xắn váy quai cồng. Bà đang đứng kia, giữa trưa trời nắng, bà vẫn chiếc khăn mỏ quạ rõ cao. Bà chỉ lên giới, bà vạch xuống đất. Giữa lúc ấy, ông chánh tổng Đà cưới ngựa leng keng đi hầu quan trên tỉnh về. Bà càng chửi:

- Sao mày không ăn trộm của nhà Lý, nhà Tống, của nhà giàu nhà có. Mày cứ ăn quần của nhà khó nhà nghèo...

Bà về. Cánh đồng vắng tanh vắng ngắt.

Bà mới trạc tuổi bốn mươi, xấp xỉ tuổi u tôi. Bà cũng chẳng làm cái chức cái tước gì, mà sao cả làng gọi là "bà".

Cả làng không ai biết tên cúng cơm của bà. Người ta chỉ biết bà là vợ ông kép tên là Hi. Ông kép ở gánh hát của Tổng. Ông mất áng chừng độ mười năm. Ông bà sinh được mụn con. Anh Nộ hơn tôi vài tuổi. Đôi mắt to, đầu to, răng bàn cuốc, anh cứ thui thui bắt cua, mò cá. Ai cũng bảo bà khéo nuôi con. Anh Nộ béo như hạt mít. Bà cũng béo, cái lưng thắt lại như lưng con tò vò. Răng bà đều và cứ đen như hạt na. Nước da ngăm ngăm như màu bánh mật. Hôm bà đội thóc đến nhà tôi để xay nhờ, thầy tôi bảo:

- Này bà ơi, sao không tái giá?

- Ui dà, chồng với chả chèngh. Tôi cứ ở vậy nuôi thằng Nộ cho yên cái thân!

Bà xay ù ù, một lúc hết thúng thóc. Một thúng thóc xay ra, bà đội về làm hai lần. Tôi, anh Liễn, thằng Dị đến cạnh bà:

- Bà ơi! Bà kể chuyện đi!

- Ui dà! Hôm nào chờ cái lão huyện Cung về đây, tao sẽ kể cho các cháu nghe. Chuyện với trò - chuyện lão huyện về quê có hai hòn dái đi lê khắp làng...

Chúng tôi cười ngặt nghẽo, trố mắt nhìn nhau. Bà nói thật chứ chả phải chơi. Những ông chánh, phó tổng; chánh phó lý ở cái làng cái tổng này ai cũng kiêng mặt bà.

Bà đội gạo xay ra về. Thầy tôi tùm tùm cười:

- Cái bà này đáo để, dám đặt tên con là Nộ. Nộ là Giận! Bố nó là Hi. Hi là Mừng. Có khi bà ấy đúng. Mừng cái nổi gì! Nộ! Phẫn Nộ!

Qua chuyện của bố nói, tôi mới biết: Ông kép đi hát thuê hát mướn; nay đây, mai đó. Bà cũng theo đi. Khi ông mất, một thước đất cắm dùi không có. Sau nửa năm thì bà sinh được mụn con. Bà tự đặt tên con, tự dựng nhà dựng cửa. Nhà là cái lều. Bà tự nuôi gà nuôi què, tự tậu một góc ruộng màu. Chao ôi! Nó đẻ ra muôn thứ thuế: thuế thân cho anh Nộ, thuế thổ thuế trạch cho cái lều, thuế điền cho góc ruộng bằng bàn tay. Thu được đồng thuế của bà không phải dễ, các nhà chức trách ít nhất cũng phải vặn vẹo dăm lần bảy lượt. Lần nào nộp xong thuế bà cũng chửi bóng chửi gió. Các nhà chức trách cứ cam như hên, chả làm gì được bà. Mẹ góa, con cô. Một đạo vẳng tiếng chửi của bà. Ai cũng biết là ba nguyên cớ:

Một là bà không còn gì để mà mất trộm. Hai là, bà chửi đồng cho thỏa thích thì bà đã chửi đồng thích rồi. Ba là, bà ốm. Lần này bà ốm thật! Nghe tin, ai cũng động lòng.

Người cho bơ gạo, kẻ cho con cá, người cho lá rau. Thấy anh Nộ đi bới củ non về nuôi mẹ, ai gặp cũng hỏi: "U mày khỏi chưa?". "U cháu ngồi dậy được chưa?"...

Đang nằm liệt giường liệt chiếu, ai đến thăm, bà cũng cố ngóc đầu dậy:

- Chết làm sao được! Cái thân này chết làm sao được!

Bà đã khỏi. Khỏi hẳn! Tiếng bà gọi con lại vang lên:

- Nộ ơi!

- N... ộ...!

Cô Phan

Về đàn bà con gái thì tôi thân nhất là cô Phan. Cô hơn tôi hai tuổi, cô là con cụ đồ Nhuận, có họ với nhà tôi. Tôi phải gọi là cô.

Mặt cô giống hình trái xoan. Da trắng hồng. Hai hàm răng đều đặn, cô nhuộm bao giờ mà đen nhánh. Khi cô cười cái môi thêm đỏ. Nhà cụ đồ thuộc bậc khá, nên cô sướng, ít phải làm.

Chờ cả nhà đi vắng, tôi đi qua hàng rào, cô gọi.

Hai cô cháu chơi ú tim. Chơi ú tim toát cả mồ hôi. Cô kéo tôi vào gậm cái giường thờ rộng thênh thang. Hai người đuổi chân "nu na nu nống". Cô thuộc bao nhiêu trò chơi. Trò chơi nào cô cũng giỏi: đánh "năm ăn ba", đánh ô đánh chắt. Cô đánh chắt thì thật hấp dẫn: quả cà chín ép, tròn xoe, vàng óng, cô tung lên, tay múa để bắt đĩa cho bằng được theo ý...

Nhà cô có vườn "ôi Sài Gòong" quả to như cái bát.

Cô trèo lên hái hai quả thì cô cháu ăn no, ngọt lừ. Cô rửa ra trại, mót sẵn rồi nướng ngay. Lửa ấm, mặt cô đỏ lên.

Trưa, bà đồ bảo cô đi nhờ cỏ núi để đun. Tôi cũng mang quang gánh theo. Hai cô cháu lên ngang chừng núi Bàn Cờ. Cao lắm. Chúng tôi nhỏ phòng cả tay. Thế mà cô vẫn hát véo von. Cô hát nhiều bài tôi không thuộc hết. Chỉ thuộc lồm bồm:

... *Dạm Giữa có ao tròn tắm mát,
Có đường lấm cát, dễ đi
... Vào rừng hái quả cau xanh*

*Bỏ ra làm tám mời anh xơi giàu
... Mời anh xơi miếng giàu này
Dù mặn dù nhạt, dù cay, dù nồng
Dù chả nên đạo vợ chồng
Ăn dăm ba miếng, kéo lòng nhớ thương...*

...

Cô vừa nhổ cỏ, vừa hát mà gánh cỏ của cô đầy trước. Cô lèn rất khéo vào đôi quang tránh. Cô quay sang nhổ cỏ giúp tôi. Hai gánh cỏ đầy. Cô nhấc lên, vừa đi xuống vài bước, bên gánh sau đụng vào tảng đá đôi quang trượt khỏi đòn gánh. Cả hai quang cỏ lăn long lóc, cô ngã nhào lăn theo. Tôi lao xuống, vồ được cô. Chỉ một tí nữa cô lăn vào mô đá "con trâu" thì nát người. Cả hai quang cỏ lăn vung lăn vãi, đụng vào đá, dừng lại. Cô tái cả mặt mũi. Đến chân núi, hai gánh cỏ dồn làm một. Tôi nhường cô gánh về kéo bà mắng "con gái con đũa, nhổ cái cỏ không xong. Lại mãi chơi!".

Rồi vào một ngày sau Tết, đám cưới cô linh đình. Cô lấy chú Doanh con ông thủ Gồng bên thôn Chiều. Cô đã đẹp, cô mặc bộ đồ cưới vào càng đẹp. Cô đeo khuyên vàng, có cả xà tích bạc lóng lánh đựng đưa trước váy lĩnh. Mà sao hai mắt cô sưng mọng, đỏ lên? Cô khóc rồi! Cô bị ép hay khóc vì xa mẹ?

Đám cưới giàu lắm. Khi bên nhà giai rước dâu về, bọn chúng tôi giăng dây. Khi được tiền, chúng tôi mới chịu bỏ dây, cho đi. Tôi được khá nhiều tiền. Tiền xu đồng "nhất phân chi bách" mới tinh đỏ au. Khi qua mặt, cô Phan giúi cho tôi những năm xu. To lắm chứ! Tôi để ý ngắm chú rể. Chú xênh xang trong bộ quần áo dài. Chú mặc đẹp thế nhưng mà tội nghiệp, hai mắt chú bị bọt ạch ăn cứ chảy nước ra. Một bên lỗ mũi có dòng nước xanh lè.

Được vài hôm gì đó, tôi đã thấy cô về nhà. Tôi đi qua rào, nghe bà mắng inh lên:

- Đạo làm dâu làm con. Nhà giàu. Chồng mày tốt. Có sao?

Chú Cầu là anh ruột cô, mắng thêm: "U nói đúng đấy. Quân tử nhất ngôn. Nhà này là quân tử". Chú Cầu học chữ nho cao lắm. Chú nói rành rọt, tiếng sang sảng. Cô Phan im thít như thít nấu đông. Chiều tối, tôi nghe cô khóc thét ở cổng hòn đá tròn. Tôi chạy ra, thấy chú Chàng, chú Nhuận, chú Cầu kéo cô đi. Cô ngồi lê xuống không đi. Chú Cầu dùng cái roi của ông đồ dạy học quất vào đít vào lưng cô. Cô không đi! Tôi bất ngờ thấy hai chú khiêng cô lên. Cô giãy giụa trên tay hai chú. Tôi quay mặt cười thầm nhưng lại ứa hai hàng nước mắt.

Tiếng thét xa dần, xa dần về phía làng Chiều.

Được dăm hôm sau, cũng lúc chiều tối tôi nghe tiếng cô khóc thét ở gốc cây đa Chùa. Tôi và bao nhiêu trẻ con chạy ra xem. Tôi giật mình, không nín được cười nhưng cũng rùng rùng nước mắt. Cô đã bị nhốt trong cái rọ lợn cỡ to, hai chân còn thò ra. Chú Nhuận khỏe nhất đang vác cô gọn trên vai... Tôi theo đến cánh đồng Mả mới tắt qua trại về nhà.

Tiếng thét vọng mãi trở lại. Ai điếc cũng có thể nghe thấy.

Gái ơi! G... á...i!

Đầy giờ mây đen sì. Từng đàn người bóng cũng đen ngòm, xiêu vẹo bồng bế nhau qua đường cái quan. Có bóng bồng con ngã vật xuống. Có người đã chết cứng, hở xương vè, bụng bẹp gí. Có em bé còn thoi thóp, tay vẫn đề ngực mẹ.

Bà Can "sứt tai" không còn gì bán, gian hàng của bà gió tốc tả tơi. Tôi bước vào, giật mình: sáu người ngã chồng lên nhau chết tự bao giờ. Còn người đàn ông đang nằm thở hắt ra. Chắc là cô vợ, còn trẻ đang bế con ngồi cạnh. Em bé gái chùng lên ba, há miệng gào nhưng không ra lời. Miệng em xanh lè màu rau củ. Bỗng người mẹ từ từ ngã xuống, rồi con khỏi tay.

Ba chân bốn cẳng, tôi chạy về gọi dì Dụ. Dì hiếm hoi, sinh được hai đứa con, chết cả. Ngày nào dì cũng ra đường tìm xem có đứa nào nuôi được thì xin về. Lần nào về, dì cũng lắc đầu;

- Đứa nào cũng sắp chết, nuôi làm sao, cứu làm sao mà mang về.

- Con bé này xem ra còn khỏe, chắc là dì ưng.

Nghe tôi nói, dì chạy ra. Cái khăn mỏ quạ bay tung khỏi đầu. Tôi chạy theo.

Bố nó đã tắt thở hẳn. Mẹ nó đang ngáp, không nói được. Xem qua, dì nói to:

- Cho tôi nhớ!

Mẹ nó gật đầu, mắt bùng lên và đào hai hàng lệ rồi xuôi tay, tắt thở.

Tôi giải chiếu manh, đặt nó ngồi giữa sân. Dì giục tôi nấu cháo sớm nhanh. Con bé cời truồng, mặc cái áo nâu đục dài đến đầu gối. Nước da nó trắng xanh. Đôi mắt tròn đen láy. Cái bụng to vượt mặt. Cái rốn lòi ra. Đầu bị tróc như cơm cháy, tóc rụng đầu cả. Dì bảo: "Nó được no nê thì nó đẹp lắm đây".

Dì cởi áo nó ra. Chao ôi! Những nốt ghẻ đầy mình. Nốt đã vỡ. Nốt đang mưng mủ. Nốt

mới mọc. Tanh ngòm. Cái áo. Cái áo đầy rận. Những con rận trắng, bụng cũng lép kẹp, bò ngồn ngang, nép vào những đường khâu. Con bé còn máu đầu, nên chúng đói. Dì bảo tôi đem đốt áo. Tôi rút nắm rơm, châm lửa. Rơm cháy bùng, chiếc áo vừa vút vào, lửa cháy lem lém, khét lẹt. Mùi áo cháy hay mùi rận cháy? Nghe tiếng lép lép, lép lép... Tiếng nổ của thóc lép thay tiếng nổ của rận? Dì mặc cho con bé bộ quần áo hoa của cái Thiết. Cái Thiết khi chết cũng vừa bằng con bé này. Người nó tuy ghẻ, nhưng khi mặc bộ quần áo trông nó khác ghê!

Nồi cháo đã dừ. Tôi cho muối, nếm thử, bung ra một bát ô tô. Vừa nhìn bát cháo, nó giẫy chân đành đạch, hai tay giơ ra. Nó đòi ôm cả bát cháo. Dì bảo "Nóng quá, nóng quá, giấu đi nguội mới cho ăn!". Tôi bung bát cháo vào bếp, thổi phù phù. Nó nhồm đít nhưng không đứng được. Nó gào không ra tiếng. Bát cháo còn âm ẩm. Tôi bung ra. Mất nó long lanh, nhồm đít giờ hai tay. Tôi bón cho nó từng thìa, nó nuốt ực. Không kịp bón. Không! Nó ôm choàng bát cháo húp lấy húp để, giàn giụa ra áo. Cháo chảy xuống chiếu, nó cúi rạp xuống, nó liếm. Tôi khóc. Nó húp hết bát ô tô cháo. Nó khóc. Nó liếm bát. Tôi khóc. Dì bảo: "Cho nó ăn từ từ. Nhiều người đã chết bội thực". Dì bảo: "Cháu trông nó. Dì đi một tí".

Dì đã về, mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Dì ôm một bó lá. Lá nào cũng xẻ ra làm ba: lá xẻ - ba! Mới trông như lá sắn. Dì cho vào nồi, ninh lên. Nước đặc cầm tằm như nước chè tươi đặc. Tôi nếm thử, đắng từ đầu lưỡi vào họng.

Dì hòa nước giềng, gọi đầu cho nó, dì gọi khắp người nó, kỳ lấy kỳ để. Nó cứ há hốc miệng gào không ra tiếng. Dì lau khô tất cả. Những nốt ghẻ se lại, vỡ ra, se lại. Dì tắm cho nó lần thứ hai, những nốt ghẻ đã ngậm miệng.

Nó chỉ tay xuống vườn. Tôi bế nó. Nó đòi ngồi xuống. Phân nó xanh lè. Sau đây là phân vàng lẫn cả giun. Sau đây là phân lỏng... Dì bảo: "Nó bị giun rồi. Nó lại đi tướt rồi". Dì chạy đi gọi bác Trác. Bác Trác cho thuốc nam.

Bệnh đã đỡ, ghẻ đã khỏi, tiếng hết khản, nhưng nó lại chuyển sang bệnh khóc, bệnh gào, gào to lắm, vọng cả sang làng xóm, cả đêm và cả ngày. Chú không dỗ được. Dì không dỗ được. Tôi thì chịu quá!

Dì đi làm đồng. Chú đi chơi. Tôi bế ẵm nó. Hết đứng lại ngồi. Con ếch tha con nhái. Nó gào mết lử. Nó cứ chỉ tay huyền thuyên. Nó chỉ ra đường quan. Tôi sức nghĩ. Nó nhớ bố mẹ nó. Bố mẹ nó đã ai chôn chưa?

Tôi ẵm nó, vỗ vỗ vào lưng, nằm trên chiếc võng đay.

*Cái ngủ mày ngủ cho lâu
Mẹ mày đi cấy đồng sâu chữa về...*

Nó ngủ thật. Câu ru đã đánh lừa nó. Tôi khóc.

Dì đi làm về, vừa đến cửa đã nói toáng: "Thế nào? Em có ngoan không?". Nó choàng dậy, lại khóc. Dì bế, nó vẫn khóc. Dì bảo "nó lạ hơi đấy!".

Tôi sờ quần, áo ướt ướt. Dì bảo: "Chết rồi. Nó đi kiết". Dì lấy lá mơ tía trộn lòng đỏ trứng gà cho nó ăn. Nó không ăn.

Dì lại đến bác Trác. Bác Trác bốc thuốc. Bác Trác đến xem bệnh. Bác không nói ra, nhưng bác lắc đầu. Trước nó ăn nhiều bao nhiêu; bây giờ nó ăn ít bấy nhiêu. Cháo bột, thịt nạc, nước mắm Vạn Vân chứ có phải chơi đâu!...

Vài hôm sau. Gái chết. Dì khóc như khi khóc cái Tha, cái Thiết hai con của dì đã chết.

Gái teo lại. Ông Dực sang, đóng cho cái ván. Cái ván chỉ bé bằng cái hòm quần áo. Gái nằm gọn lỏn. Đám ma không trông không kèn. Bác Dực bê hòm trên vai đem ra chôn ở cái xoi trước nhà. Chỗ ấy, hai đứa con của dì đang nằm. Dì bảo: "Để ba chị em nó nằm cạnh nhau".

Bác Trác nói: "Cô, chú hãy nín đi. Còn khổ! Năm nay là ất Dậu. Năm "con gà". Gà có làm ta đói đâu. ầy thế mà khổ. Nín đi. Khóc mãi làm gì!".

Khuya, chú và dì thắp hương. Bây giờ chú mới chợt nghĩ ra: Tên cúng cơm của nó là gì? Quê nó ở đâu? Rồi chú bảo: "Thôi thì cứ gọi nó là Gái. Cứ thế mà khăn mà khứa!".

Dì khóc sung vù cả mắt. Cứ sáng sáng, chiều chiều đi qua xoi, dì lại gào:

- Gái ơi! G...á...i...!

Chị Ngoãn

Từ khi cái Yêu được cúng cấp, cứ chiều tà chị bế nó ra ngồi trên hòn đá bàn, dưới gốc cây đa chùa, giữa ngã ba đầu làng. Bao người xì xào bàn tán về chị. Chị không nghe tiếng thì thôi chứ nếu chị nghe tiếng chị sẽ "chửi cho mục mỗ mục mả nhà chúng nó".

Bây giờ chị đang ngồi cho cái Yêu bú. Cái Yêu nhờ hai bầu sữa của chị mà béo tròn. Mặt nó giống mặt mẹ. Nó đang bú lấy bú để. Một tay nó sờ sang vú khác. Ai đi qua chào chị:

- Mẹ con nhà nó ngồi đến bao giờ?

Chị cười. Đôi môi đỏ tươi mọng. Hàm răng trắng bóng. Chị em lứa tuổi chị đã ruộm răn cả mà chị nhất định không ruộm: "Giờ sinh nó thế thì cứ để nó thế". "Hoài tiên mua thuốc ruộm răng. Có tiền mua mía đánh khăng vào mồm". Chị được nhiều người yêu nhưng cũng chẳng thiếu gì người ghét. Chị đang ngồi đây. Chị bỏ xõa tóc. Mỗi cơn gió, tóc lại bay toát. Có người đi qua thì chào niềm nở. Có người cứ lảng lảng đi. Có người đi khỏi, ngoái lại lườm nguýt phía sau lưng chị.

Đang yên đang lành chả sao, chị Tính, chị Thân cậy mình có chồng con yên ấm, tự nhiên đi qua mặt chị lại ngựa mồm ngựa miệng, hát đồng:

*- Này chị em ơi!
Không chồng mà chữa mới ngoan
Có chồng mà chữa thế gian đã nhiều.*

Chị bế cái Yêu đứng phất dậy, chị nổi cơn tam bành:

- Cha tiên sư hai con đi. Mày tưởng cái họ nhà mày tốt đẹp lắm đây. Cái Tính nhìn mẹ mày thì biết. Chúng mày tưởng có chồng rồi là vương tròn cả đây à? Chao ơi! "Có chồng càng dễ chơi ngang. Rồi ra con thiếp con chàng... con... ai".

Hai chị chạy vội về xóm. Chị lại ngồi bế con đến khi phía chân gò chỉ còn một quãng đỏ. Chị bế bổng con lên vừa hôn vừa nựng:

- Kệ chúng nó, nhì! U con mình ở với nhau.

Chị bế con về nhà bà chánh Phương, mẹ nuôi của chị.

Câu chuyện về chị vắn tắt thế này:

Ông bà chánh Phương nhà giàu sụ, sinh được mụn con gái, đặt tên là Ngoan. Một buổi sớm, bà Phương đi ăn giỗ đến đầu đường cái cộc thấy trong bụi sim sột soạt. Bà giật mình thấy trên đồng rạ có đứa bé con đỏ hỏn. Đứa bé gái được bọc trong cái khăn vuông còn mới. Bà mừng quýnh lên, không đi ăn giỗ nữa, bế đứa bé về nhà. Bà đặt tên cho nó là Ngoãn để chị em nó sống với nhau. Ngoãn phổng phao khá khinh bao nhiêu thì Ngoan lại gây tộp đi, mặc dù được ăn mặc như đấng. Một buổi sáng Ngoan bị ốm. Người nóng như lửa. Được ba ngày thì Ngoan chết.

Năm qua tháng lại chị Ngoãn đã trở thành một cô con gái xinh nhứt nhì cái làng Vân này. Chị lại hay lam hay làm. Khi ai bảo chị là con nuôi, chị xịu hẳn mặt lại. Người ta đồn chị chanh chua lắm, khi cãi nhau với ai thì mồm năm miệng mười. Nếu cần, chị xông vào cào cấu, chả chịu thua ai.

Thầy, u tôi và anh Thả biết chị đã lâu. Tôi mới biết chị gần một năm nay khi cùng đi giữ trâu. Chị mười sáu, hơn tôi sáu tuổi.

Một hôm tôi nghe lỏm được chuyện thầy bàn với u:

- Hôm nào tôi sang bà Phương xin cái Ngoãn cho thằng Thả.

U tôi sùng sốt:

- Bô mày to gan thật. Cái nhà ấy, ai chả lạ. Đụng đến cái lông chân nhà nó cũng bạc nén.

- Thì cứ hỏi xem sao!

Thầy đi lại đến mấy lần để bàn với bà Phương. Bây giờ mới biết u nói đúng. Bà ấy thách bạc ngàn bạc vạn thật. Nhà này thì sức đâu mà lo cưới.

- Hay là bàn với bà ấy cho thằng Thả ở rể như trước đây tôi với u mày...

Việc chữa đâu vào đâu thì tin đồn âm lên: "Chị Ngoãn chữa hoang". Chữa với ai không biết. Chị bảo "Có đánh chết tôi cũng không nói là tôi ăn nằm với ai. Tôi có thân tôi lo...".

Một hôm tôi gặp lại chị. Chả biết chị nói đùa hay nói thật:

- Chị còn đẻ! Đứa sau chị đặt tên là Thương, sau nữa là Nhớ, là Buồn, là Vui...

Tôi cũng không hiểu thầy nói đùa hay nói thật:

- U mày ạ. Tôi lại sang bảo bà Phương gả cái Ngoãn cho thằng Thả. Biết đâu nó lại là dâu hiền vợ thảo. Người ta lấy đi về làm vợ chứ ít khi lấy vợ về làm đi.

Có một chiều chị ẵm cái Yêu ra ngồi ở gốc đa chùa sớm lắm. Chị ngồi như tượng. Tóc rối bung. Tối mịt chị mới về.

Ớm hôm sau có tin đồn âm lên: Em Ngoãn, cô Ngoãn, chị Ngoãn, con Ngoãn... đã tự tử rồi.

Chị ấy chết ở sông Vân. Hình như vào khoảng gần sáng...

Những năm mộ bên đường

Tên tục bà là Vinh, còn họ thì bà không nói với ai bao giờ.

Quê bà ở xa tít Thái Bình, vùng biển. Khi phía chân gò Đổng Nam có một đám mây xám xịt nhòe hoắt đâm thẳng xuống, bà thở dài: "Lại rồng hút nước. Lại cây nước. Quê tôi đây. Rồng nhả nước vào đâu. Cây nước đổ ở đâu thì làng xóm cứ là tan tành ra bột".

Tôi cũng không hiểu, những người đã cật công từ Thái Bình đi kiếm ăn lại đến vùng quê tôi. Cái vùng chó ăn đá, gà ăn sỏi đã bao nhiêu đời nay.

Bà tìm đến bạn nghèo để ở nhờ: bà Nụ. Xem chừng hai người hợp nhau lắm.

Đấy, nắng vừa lên, bà đã gánh toong teng hai cái thúng đầy hai cái mẹt. Trong ấy đầy ắp những lá chè tươi xanh biếc, óng ánh.

Bà gần năm mươi tuổi. Ai cũng gọi là bà:

- Bà đi chợ sớm thế!

- Chào bà Chè ạ;

Từ khi dân làng tôi gọi là bà Chè, xem chừng bà thích lắm. Bà bảo "gọi là Vinh làm gì cho nó nhọc. Sau này tôi chết nếu được ai cúng cơm thì cứ Chè mà gọi".

Bà gánh chè ra chợ Và, tức là phiên chợ Và dù là phiên "xếp" hay phiên chính. Bà gánh chè sang chợ Dạm tức là phiên chợ Dạm. Bà gầy. Dáng đi liêu xiêu. Hai bàn chân của bà tõe ra như hai bàn chân vịt. Lúc nào cũng thấy bà nhai giầu. Mõi bà đỏ sẫm lại, mấy ngón tay cầm bã giầu cũng đỏ.

Mặt gò đồi thì tan chợ. Bà thủng thẳng quay đôi thúng ra về. Trông bà đi, chân nam đá chân chiêu, đôi thúng cứ lắc lư như đánh đu ở hai đầu đòn gánh, ai cũng biết bà đã quá chén ở chợ. Bà ngồi xếp xuống gốc si ở nghề ông Voi. Bọn trẻ ra xúm quanh bà:

- Bà ạ!

- Bà có mệt không?

Bà nói riu cả lưỡi "không mệt đâu các cháu ạ". Đôi tay bà quờ quạng mở mẹt ra. Trong thúng thường là bánh đa, bánh đúc, mía và một chùm cau, giầu không, vỏ. Bà bẻ bánh đa cho mỗi đứa trẻ một miếng. Còn giầu cau bà lằm bằm: "Để phần bà Nụ". Không biết sao bà sụt sịt khóc.

Có đứa trẻ tham ăn, cứ thấy bà say, vùi bà mãi. Nhưng nhiều đứa tốt, biết thương bà,

chúng mắng và chặn tay những đứa tham ăn.

Chuyện thường xảy ra như thế. Khi ở nhà buồn, bà lại mua rượu của bà Lộng để uống một mình.

Một trưa giờ nắng chang chang. Gió tây hầm hập, đến chó già cũng phải lè lưỡi, người ta thấy bà lão đảo, đầu chẳng khăn chẳng nón. Bà ngã rồi. Đôi quang gánh lỏng chổng. Bà con gần nhất là xóm Trại, chạy ủa ra. Trẻ con cứ để đầu trần hót hơ hót hải vây quanh bà. Mặt bà đỏ gay. Người mềm nhũn. Bà không thở nữa rồi. Trẻ con có đứa khóc òa. Người lớn sụt sịt. Bà Nụ khóc to hơn tiếng khóc của trẻ con.

Ngôi mộ được mọc lên đúng chỗ bà ngã. Trên đường đi chợ Và. Ngôi mộ tròn xoe như mâm xôi đầy.

Từ đấy, mỗi người đi qua, dù người ở làng nào đều dừng lại đắp lên mộ bà hòn đất. Ngày rằm, mồng một nhiều bà, nhiều chị còn dừng lại thắp nén hương trên đỉnh mộ. Chẳng mấy ngày tháng, nấm mộ của bà trông to như cái gò tròn. Dân làng gọi quen nôm na là "mả bà Chè":

- Hôm nay ra cái chuôm mả bà Chè bắt cá.

- Hôm nay ra gặt lúa ở sào ruộng mả bà Chè...

- Hôm nay chăn bò ở đồng mả bà Chè.

Ông ngồi kia. Ông đội cái nón đã bật hết vành, chỉ còn cái chỏm. Râu cằm dài, một chòm, trắng như cước. Lòng mày cũng trắng. Tóc cũng trắng. Nước da ông màu bánh mật. Nhưng chỉ màu bánh mật ở gương mặt. Còn tay, chân ông giống như màu đồng đen hun lên. Suốt mùa hè ông chỉ mặc quần cộc. Không biết vì sao hai ống chân ông đóng vẩy như vẩy cá. Người ta đồn, quê ông ở đất chiêm trũng Hà Nam. Ngày mới đến đây, ông to lớn, lực lưỡng. Bây giờ, nhìn vào cái khung xương xẩu ai cũng đoán được sức vóc ông về trước. Nếu ông được ăn no mặc lành thì sao nhỉ?

Ông xin vào chăn dê cho nhà ông chánh Hà.

Một đàn, một lũ dê vừa già vừa trẻ, vừa đực vừa cái kêu "be be" khắp cánh đồng. Nào nó có chịu ăn ở cánh đồng! Nó leo tản mát trên núi Ba Huyện. Có nhiều hôm, ông lừa đàn dê về nhà, còn thiếu một con, ông chống gậy đi tìm. Khuya, tiếng gào của ông "be... be"... cả vùng nghe thấy. Rồi ông cũng tìm thấy. Một con dê lạc đàn nó sẽ kêu inh ỏi.

Một sáng mùa đông tôi đi qua, ông vẫn ngồi đấy, nhưng lần này ông ho, ông ho từng cơn như tắc thở.

Dăm hôm sau đi qua, tôi thấy một nấm mồ. Nấm mồ của ông hình chữ nhật. Một tháng sau, tôi đi qua, nấm mồ của ông đã cao và dài gấp đôi. Gần một năm sau, nấm mồ của ông dài gần như một con dê ngắn.

Mồ ông ở chân núi Ba Huyện, bên đường đi chợ Tỉnh. Người qua lại nườm nượp. Ai cũng đắp thêm mồ cho ông. Tên ông chắc chắn không phải là Đống. Dân mười phương cứ gọi thế thành quen. Mồ ông Đống.

Quê bà gần lắm. Làng Quan Đồng trước mặt kia. Đất tốt. Làng xanh um. Tôi không hiểu vì sao bà bỏ làng, bỏ nhà cửa lên ở nhờ cái đất này! Khi bà đến đây, bà chừng bốn mươi tuổi. Từ khi bà lên đây chẳng thấy ai thân thuộc đến thăm hỏi bà. Mà hình như bà cũng không muốn cho ai biết.

Khi bà được đẻ ra thì bà đã bị sút môi. Miếng môi sút to lắm, bằng đốt ngón tay. Miếng sút làm cho hai cái răng bị hở. Mỗi khi nói, bà nói phều phào không thành tiếng rõ ràng.

- Bà đi đâu đấy?

- Tôi hi hắt cua?

Nếu bà không bị sút bà sẽ nói ngọt ngào lắm, nghe giọng thì biết.

Bà đến ở nhờ nhà thím Cương.

Bà vừa lùn thấp lại béo. Có một số đứa trẻ thật tai ác, chuyên đi chế giễu những người tàn tật:

- Ê, bà Sút.

- Ê cái cối xay cùn.

Giá bà cứ im đi, nó chế xong, chán, chắc nó thôi. Đằng này bà cứ cãi nhau với chúng nó. Cãi nhau với trẻ con thì chỉ có mà thiệt!

Bà chuyên mặc đồ mộc, vá chằng vá đụp. Cái khăn bạc phếch. Bộ răng cái mả. Cái áo mộc. Cái váy bao giờ cũng cùn cồn ngắn đến đầu gối.

Bà làm nghề bắt cua.

Mỗi khi bà ra đồng trông bà như một nữ tướng. Cái khăn mộc quấn cao tít. Nón thì bà không cần đội. Bà buộc thùng vào giỏ cua và thắt ngang lưng. Tay bà cầm cái lẹm. Cái

lẹm là một đoạn tre đực rắn như thép, vạt nhọn như con dao bầu chọc tiết lợn.

Chứa đầy giỏ cua thì bà chứa về. Mà cái giỏ có bé gì đâu! Bà biết hang nào có cua. Khi có hang cua đùn ra từng mà, bà thẳng tay xấn lẹm từ trên xuống. Con cua chạy ra. Cua có mà là cua gạch, cua trứng ngon lắm. Có lần bà thò tay vào hang cua bị con cua kềm nó cắn. Cái càng rõ to, nó cắn ngang ngón tay út của bà. Bà đau lắm đành ngồi ở bờ đê, chờ nó nhả ngón tay bà ra. Nhưng không, càng đung, nó càng quặp chặt, máu loang ra cả bàn tay. Nhưng cấp lâu, con cua chết tiết chắc cũng mới, nó buông dần. Bắt cua không cẩn thận, có khi nó cắn đứt đôi ngón tay, nhất là ngón tay trẻ con, chứ có phải chuyện chơi đâu. Làng này đã có một đứa con gái bị như thế rồi. Lại một lần bà vừa thò tay vào hang cua bị con rắn đớp một phát. Tay chảy máu. Bà nhá cổ rịt vào. Hú vía, nó lại là con rắn nước nên chỉ đau qua loa. Nếu bắt đầy giỏ cua, còn sớm, bà thả giỏ xuống ao, xóc mạnh. Những con bụ bẫm, sạch bong. Bà đóng lại từng xóc, lớn ra lớn, bé ra bé. Mỗi xóc mười lăm con. Bà đem ra chợ bán một lát đã hết.

Cái nghề bắt cua phải chịu khó đi giữa trưa nắng. Càng nắng to cua rúc vào hang, mười hang thì chín hang có cua.

Bà cứ thui thủi đi, về không ai để ý. Bà sợ trẻ con. Trẻ con có mấy đứa bám theo bà đùa dai như đĩa xôi. Có lần bà phải chạy trốn cho nhanh.

Một buổi trưa, bà đi tít về phía bờ sông giáp làng Chiều. Nước sông đang dâng lên to. Giữa đồng không mông quạnh chỉ có mình bà. Bà lúi húi ở bờ sông, thân cò lặn lội.

Quá trưa sang chiều, mấy đứa trẻ chăn trâu kêu ầm lên ở bờ sông:

- Bà Sứt chết đuối rồi! Làng ơi!

Lại thêm một ngôi mộ nữa ở bên đường: Mộ bà Sứt.

Ở thôn Lãm Dương, quê chồng dì tôi, cái bãi tha ma hàng trăm mộ ngay sát đường cái quan. Hàng trăm người chết đói được chôn ở đây. Họ không quê quán, không tên tuổi. Nhưng đây là những người tôi quen biết. Mỗi khi nhìn những ngôi mộ này, tôi buồn hơn.

Nhà ai đã yếm đất ở ngang chùng núi. Mộ họ xây trắng toát, ở xa cũng thấy. Ngày Tết ngày giỗ, con cháu họ ở tận Đập Cầu về quần áo là lượt rợp núi. Khói hương bay ngát một vùng.

Mấy ngôi mộ bên đường lạnh tanh!

Mùa nước, mả mả bị ngập lụt. Các ông các bà này lại bị chết một lần nữa.

Con hồng thủy

Thùng thùng thùng... thùng thùng thùng...

Năm nào mà chả thế! Cứ đến tháng bảy, tháng tám tiếng trống ấy lại nổi lên từ làng xa xóm gần. Năm nào cũng lụt! Nước ngập trắng đồng. Lúa má mất sạch. Dân làng quen cái phận thế rồi!

Lần này lạ lắm! Tiếng trống làng Nguyễn, làng Ném, làng Quan Đồng, Nội Duệ, làng Và, Hoa Hội, Nga Hoàng, Yên Giả... nổi lên một chập rồi tắt lịm, chìm ngấm.

Cả làng tôi đổ ra nghe ông Voi nhìn. Nước năm nay lạ quá: Nước đỏ như máu! Nước xô như núi.

- Dân làng ơi! Ai có thuyền đi cứu!

Mấy con thuyền hạ xuống. mấy người chèo thuyền giỏi: bác Bát, bác Bao, bác Dương, ông xã Soa... đều lắc đầu:

- Nước này, có giời mà cứu được! Nước này thì không ai cứu được ai đâu! Nó lật thuyền!

Tiếng kêu, tiếng khóc riu vào nhau lan trên nước! Tất cả các làng ở thấp đều đã ngập lụt rồi. Đến nỗi không còn một ngọn tre, ngọn đa. Tôi chưa biết bể! Nhưng các cụ bảo nước năm nay là bể!

Làng Và có cái núi nhỏ. Núi đen đặc những người là người. Núi làng tôi to hơn. Nó là dãy núi Con Rồng. Người bốn phương cứ hướng núi mà nhào tới. Cả làng giơ tay đón đỡ. Những con thuyền lật nghiêng. Có cái chìm ngấm. Những bè tre, bè chuối ghép tạm đều vỡ tung ra. Có người cuời trâu. Trâu biết bơi nhưng bơi xa quá, người và trâu đều chìm. Ông Xếp cả nhà tôi, ông Ký... ra ngóng đón họ hàng ở Đông Bình, Hoa Hội, Nội Duệ... Tất cả đều lắc đầu thờ dãi. Mọi người còn đang trông ngóng núi Thiên Thai, núi Sơn Nam, núi Và, núi Chè, núi Dọc... Núi! Núi!... Núi cứu người!

Suốt mấy ngày, suốt mấy đêm làng tôi và chân núi có tiếng khóc. Tôi cũng không ngủ được! Đêm thứ hai, nửa đêm có tiếng kêu: "Cứu tôi với! Cứu tôi với!". Mọi người chưa ra kịp, tiếng kêu đã tắt. Anh Bách, anh Bách chèo thuyền bị... đắm. Xác anh trôi về đâu, sau đó, không ai biết.

Nước đã đứng lại, lác đác đã có những chiếc thuyền. Họ chèo về nhà, nhận ra nhà mình.

Họ cắm sào, neo thuyền, cởi quần áo, hụp xuống, quờ quạng tìm ra gạo, tìm ra thóc. Trên thuyền có gạo, có thóc. Mọi người đều được ăn no nê.

Cả nhà tôi cũng ăn cái gạo này:

Nó chua, nó cay và nó chát... khi ăn xong như có ai cào trong bụng...

Cơn hồng thủy ấy, tôi nhớ là sau tết Xá-tội vong-nhân độ vài ba ngày. Năm Ất Dậu!

Đói mãi thế này thì chết hết. Phải cướp thóc gạo ở ấp Tây Đen về mà cứu nhau thôi! Ông bếp Diên lực lưỡng đứng đầu. Tất cả trai tráng trong làng đứng lên, theo ông. Toàn giáo, mác, mã tấu. Trăng lên cao thì đã thấy dân làng rậm rịch, lặng lẽ, ai gánh thóc về nhà ấy. Kìn kìn. Trâu cướp được mổ ngay ở đình, khao quân. Chú Chấn tôi bảo: "Thằng Tây đen trốn lên tỉnh báo quan. Con vợ ba béo như đồng thịt nói nhịu rất tục, nó riu cả lưỡi. Đưa con gái mặc váy ngủ đẹp lắm. Nó nằm thẳng cẳng ở vườn. Nó sợ quá, chết ngất. Bê nó vào nhà nó mới tỉnh. Cướp rất êm. Tuyệt nhiên không ai phá phách gì! Chỉ cốt sao được thóc thôi".

Nó đi báo quan, báo lính về rầm rập, nhưng chẳng làm gì được.

Đánh trận khao quân

Giời sáng giăng sông. Khuya lắm. Anh Hồ đi chơi với tôi, cùng về. Hai anh em giải chiếu nằm giữa cửa. Rì rầm. U mắng cho. Hai anh em ra đầu sân bàn nhau ngày mai đánh trận.

Một bên dứt khoát phải là ta. Ta phải mạnh. Một bên là giặc. Nhưng giặc nào thì không cần biết.

- Em là tướng bên ta. Anh Hồ là tướng giặc nhá.

- Thế tao phải thua mày à?

- Vui thôi mà!

- Được!

- Em tuyển binh trước nhá! Thằng Dị làm phó tướng bên em. Anh Liễn, phó tướng bên anh. Còn quân chia hai.

Cuộc họp bàn lâu lắm:

Đồn giặc đóng ở nhà thăng Dị. Đồn ta ở thế cao, trên núi. Thanh tre làm kiếm, ống trúc làm súng thừng, đạn là quả dót mèo và giấy nhỏ viên tròn. Súng còn là cuống lá chuối vạt ra. Chánh tướng và phó tướng được che tàn trước hàng quân. Nhưng lấy đâu ra bốn cái tàn?

Anh Hồ ngồi phát dậy:

- Nhà mày có hai đường vải đang ruộm lá bàng vàng đẹp. Nhà tao có hai đường vải đang ruộm vỏ già nâu non đẹp, quần lên bốn cái thúng, lấy bốn cái gậy chống lên thành bốn cái tàn.

Anh Hồ thật giỏi. Để anh làm tướng bên giặc thì không được. Tôi bèn mời anh làm tướng bên ta. Tôi làm tướng giặc.

Không đầy buổi sáng mọi việc đã xong. Các thầy, các u, các chị không ai biết. Buổi chiều chỉ còn chúng tôi ở nhà. Trận đã bày. Tiếng nổi, thau, bát đĩa khua nhịp nhàng. Chân núi, anh Hồ, anh Liễn đang ngồi chễm chệ, uy nghi dưới tàn. Bên tôi im ắng. Tôi và Dị cũng được che tàn.

Quân anh Hồ tràn xuống. Quân tôi ra chống trả. Tiếng "súng" lộp độp, tiếng "gươm" chạm nhau chan chát. Quân tôi chạy toán loạn, nấp vào cối xay, gầm giường, vại nước. Tôi, thằng Dị bị trói.

Anh Hồ ra lệnh múa hát. Lá chuối được tước làm râu. Mũ chào mào, quần rách được cuốn làm mũ, làm khăn. Anh Hồ, anh Liễn vẫn ngồi che tàn xem hát múa câu được câu chẳng.

Anh Hồ bảo: "Thôi chán rồi! Khao quân". Tôi giật mình nghĩ: lấy gì mà khao với thưởng?

Chúng tôi thỏa thuận với nhau: chỉ được khao ba con gà rầu rầu thôi. Lũ gà đã đến theo tiếng gọi "tích", "tích". Một nắm thóc tung ra. Chúng tôi đánh bầy bằng thúng. Loáng, ba con gà đã chín. Quân ngồi vây kín cái sàng lá chuối đựng ba con gà. Ai mạnh tay người ấy xé, chấm muối. Anh Hồ ra lệnh: "Từ bây giờ không phân ta, địch; tất cả giở lại người thường. ăn đi!".

Chiều tối, đếm gà; tôi mới biết nhà mình mất hai con. Nhà anh Hồ mất một con. Tôi và anh Hồ phải thú tội, nếu không thì các u lại chửi kẻ trộm đến đêm.

áng ra, anh Hồ bảo: "Tao thích đánh trận". Tôi bảo: "Em cũng thế".

Ngày đổ cò

Tôi đang ở nhà dì Dụ. Một hôm thầy tôi sang. Lần này khác hẳn mọi lần. Thầy may từ bao giờ, cái quần soóc, áo sơ-mi màu cánh gián cộc tay, áo cho vào trong quần, có cả thất lưng da. Thầy đeo cái kiếm dài quét đất, tuốt trần sáng lóa. Thầy bảo chú: "Tôi đi đầu, vác cò trần từ làng Dạm sang, cò đang cấm ở cổng nhà ông Phó Bản. Chú sửa soạn đi ngay, hai xã phối hợp biểu tình. Tình cướp chính quyền rồi". Súng vẫn nổ âm âm. Thầy tôi như một võ tướng. Dĩ nhiên từ trước đến giờ chả võ tướng nào mặc thế. Thầy làm Chánh Tư Pháp. Oai ghê. To lắm. Tôi bảo thầy: "Cho con về nhà đi". Thầy tôi bảo: "Còn đôi lắm, con ạ. Nay mai khám khá, thầy đón con về".

Những người cầm đầu toàn là người nghèo như thầy.

Cò đỏ bờ đê, đỏ cả cây đa đình, đỏ cả ngọn tre. Một ngọn cò cao vút ở núi Bàn cò Tiên, đầu đầu cũng thấy. Gió căng ra thẳng nếp.

Tôi vượt núi về thăm làng.

Cả làng hát, suốt đêm suốt ngày: "Đoàn quân Việt Nam đi chung lòng cứu quốc"; "Này thanh niên ơi! Quốc gia đến ngày giải phóng". "Giờ đây anh em chúng ta cùng ra xếp hàng chào cò cứu nước". Cô Cai Cương mặc áo bà ba, thất lưng nhưng đỏ ngang người, cầm cò đứng đầu đàn bà con gái, vừa giậm chân ở sân đình, vừa hát. Tay cô vung lên lấy nhịp. Người già trẻ lại. Người trẻ hóa trẻ con, cứ nhảy lên.

ân nhà tôi đầy gạo. Dân làng đến chật sân. Thầy tôi gọi tên từng nhà, mẹ tôi đóng gạo cho từng nhà. Gạo lẫn ngô xay: Gạo cứu tế. à, ra thầy tôi lại làm thêm cả chức trưởng ban kinh tế - tài chính. Vì thầy nhiều chữ mà lì.

Lá cò lạ lắm, màu đỏ, có sao vàng, khác tất cả cò từ trước đến nay. Mặt ai cũng hồng lên vì màu cò tỏa vào. Lòng mọi người đang tối, hình như bây giờ cũng đỏ cả lên.

Khi người ta cực thì hai ba cái cực dồn về. Khi người ta sướng cũng vậy. Hai ba cái sướng một lúc. Đã được đi học lại được ăn no. Đã được ăn no lại được mặc đẹp. Chứa bao giờ tôi được mặc đẹp thế này: Thầy bảo anh Thư may cho cái áo cộc nâu có cổ bẻ, màu cánh gián. Thầy bảo đây là áo sơ-mi. Thầy tìm mua đâu được tấm vải bạt dày bịch, may cho tôi cái quần cộc, có hai túi. Thầy bảo đây là quần sóc. Một đôi dép cao-su trắng, nhãn hiệu con hổ. Tôi đưa lên mũi ngửi thơm phức, sau đây tôi gói ghém cất đi cả.

Có anh cán bộ Việt Minh ở tỉnh về. Tên anh là Minh - Lê Quốc Minh, anh mới mười tám mà thật là tài cán. Anh nói, miệng dẻo, lý sự thu hút, ai cũng thích nghe. Anh mặc

quần âu, sơ-mi dài tay. Người anh dong dong cao. Anh vào nhà tôi bàn bao nhiêu chuyện với thầy tôi. Có khi đêm khuya vẫn rì rầm. Tôi chỉ nghe rõ tiếng thầy tôi: "Phải, phải lắm! ừ, chí lý, chí lý!".

Một sớm, anh đưa tôi một bài tóm tắt lịch sử mở nước, dựng nước Việt Nam. Lạ thể! Sử Việt Nam thì dài, mà sao anh tóm gọn trong hai tờ giấy "manh" viết hai mặt.

Anh bảo: "Em học thuộc lòng bài này đi, rồi anh sẽ giải thích sau".

Tôi đọc qua, thú vị thật! Văn của anh hay đấy! "Nước ta có bốn nghìn năm lịch sử. Vực lớn như Phù Đổng... Dãy sông Bạch Đằng... Chi Lăng, Đống Đa đầm máu giặc... Anh hùng áo vải Quang Trung chiến bào ám khói... Ngọn cờ búa liềm như ngọn lửa... Cách mạng Tháng Tám mùa Thu, v.v. và v.v..".

Có một ngày mà tôi thuộc. Ba hôm sau anh đến. Anh bảo tôi đứng dưới hàng na, đọc thử. Tôi đọc hùng hồn, có lúc quát lên, có lúc dịu xuống, ứa nước mắt. Anh gật đầu lia lịa.

Tôi vẫn không hiểu ý định của anh?

Anh đứng lên, cầm bài sử, đọc. Anh quay phải, quay trái, giơ tay lên, đập tay xuống...

- Em thuộc lòng rất tốt rồi. Hay lắm. Nhưng vẫn là cái giọng đọc bài trước mặt thầy giáo. Phải đọc như nói chuyện, đọc như anh đọc. Cái can hệ ghê gớm nữa là tay, là mặt cũng phải động... Thôi, em tập đi. Anh về...

Chùa Hàm Long trên lưng chừng núi, mọc đầy cờ đỏ. Cờ thành rừng. Người từ các xã trong toàn tổng Sơn Nam kéo về chùa như nước lũ. Hôm nay mít tinh toàn tổng chào mừng cả nước cướp được chính quyền. Giáo, mác dựng tua tủa. Đặc biệt là gậy rất nhiều. Những chiếc gậy tre đực chắc nịch. Thầy đoán đúng! "Cứ luyện võ đi rồi có ngày dựng võ". Chính những chiếc gậy kia đã xông vào thành Bắc Ninh. Mấy thằng Nhật chống lại đã bị những đòn "bồ thương" vỡ đầu. Có anh đã dùng đốc gậy, đứng "đỉnh tăn", đâm trúng bụng thằng Nhật. Bây giờ còn có kiếm, mã tấu... thế này thì giặc nào chịu nổi! Buổi mít tinh lần lượt bao nhiêu người đứng trên cao diễn thuyết. Đến gần cuối buổi, anh Minh giới thiệu tôi lên "nói chuyện". Anh bế phốc tôi lên "bục cao". Anh rì tai: "Bình tĩnh, đồng dục vào!" .

Hình như cả tổng ngạc nhiên, trố mắt nhìn tôi. Tôi sắp bị cháy ra than! Rừng người, rừng gậy, gươm giáo lao đảo. Tiếng vỗ tay, cười nói ồn ào. Tôi đứng lặng người một lúc rồi đưa mắt nhìn anh Minh đang đứng dưới. Anh nháy mắt ra hiệu "nói đi", "bấy lâu im lặng rồi bây giờ mở miệng đi". "Bấy lâu im lặng bây giờ được quyền mở miệng rồi cơ mà!"...

- Kính thưa các cụ, các ông, các bà. Kính thưa các đồng chí cán bộ. Kính thưa toàn thể đồng bào, đồng chí...

Không ngờ, tôi vừa "mở miệng", tất cả đều lặng như tờ...

Bài sử ran ran đập vào vách núi Dạm. Nó vọng trở lại. Nó được nhắc hai lần. Tiếng đồn râm ran toàn tổng:

- Đứa trẻ hơn mười tuổi mà tiếng to thế!

- Tiếng nó to thật!!!

Vào trường trung học

Muốn vào Trường trung học Hàn Thuyên là phải giàu có và có tài. Nhà tôi không giàu nhưng rõ ràng là tôi có tài: tôi đã thừa điểm trúng tuyển!...

Thầy tôi, chú Xếp và u tôi bàn chuyện đến khi trăng xế sau vườn. Tôi nằm trong nhà, không ngủ, hồi hộp.

Chú Xếp:

- Tôi còn bộ cưa, đục, tràng; bán đi lấy tiền cho nó học.

U tôi:

- Tôi cứ nghe bác Ký nói là đúng: học đến thế thôi. Nó giỏi nhất cái tổng này rồi. Thôi bây giờ cho nó đi học nghề. Mạnh vì gạo, bạo vì tiền. Chữ mấy nghĩa mà làm gì. Mài chữ ra mà ăn à! Tiền đâu, mà trọ học xa những bốn năm!

Thầy tôi:

- Cả nhà phải dồn cho một đứa học được. Hằng tháng u mảy với thằng Thả gánh gạo lên cho nó. Tôi mang cả cần câu cả bộ đồ cắt tóc theo nó, nuôi nó. Cả họ cho một đứa học. Thật giỏi, thật cao...

Trường sơ tán về Cầu Rô - Bắc Lý. Quê xa mù mịt.

Làm cách nào u đã gánh được gạo lên? Một gói tép khô, một lọ muối với mấy chục đồng. U dặn: "Ăn dè con nhá". Nhà trọ nghèo, tốt bụng: ông Miên, chị Gái, thằng Bẹt, thằng Mầu... Ông cụ ăn rồi chỉ đọc sách nho. Cụ bảo tôi là hàn sĩ bần sĩ... Tôi cứ thui

thủ đi, về nấu cơm, bỏ ra giường học bài...

Giặc Pháp chiếm lại thị xã Bắc Ninh. Trường đi xa hơn: Chỉ Long, Ngô Xá. Tôi trọ ở một nhà nghèo quá: ông Chiu, có cô Đựng. U vẫn gánh gạo lên được. U nói: "Đêm phải vượt qua chỗ địch đóng. Nó biết, nó bắn. Khối người bị chết giữa đường" - Nhìn u, tôi rung rung. Hạt gạo nhòe ra. May, nó chưa nhuộm máu.

Tây đóng đồn lù lù ở núi Voi, núi Mỏ Thổ. Thầy trò chạy dài đến tận Hoàng Vân. Đứng ở đây không còn nhìn thấy núi quê như trước nữa. Toàn rừng!

Bác Long, đầu trọc tếch, da mầu chì, vết ghẻ đầy người. Bác nói bao nhiêu chuyện ở nhà tù Côn Lôn. Bác vừa ra tù. Thằng Long, con bác mới mười tuổi cũng ghẻ lây. Bác sống bằng nghề đan rổ rá. Bác gái làm vườn. Tôi ở nhà bác.

Thầy xuất hiện đột ngột (từ rừng vào). Thầy hốc hác. Trước kia vât vả một, bây giờ vât vả mưòi cộng với sự đau lòng không biết bao giờ nguôi: Qua các cuộc càn quét, u đã bị giết. Qua các cuộc chống càn, anh Thả hy sinh.

Bây giờ hằng tháng thầy chạy tiền để nuôi tôi ăn học. Thầy đưa tiền ít dần, ít dần. Đêm ấy tôi vừa khóc vừa nói với thầy:

- Con xin nghỉ học đi kiếm ăn, nuôi em cùng thầy.

Lâu lắm tôi mới được ngủ với thầy. Phảng phất mùi mồ hôi thương nhớ, mùi khói thuốc缭绕 quen thuộc. Thầy nói:

- Thầy bảo cứ học là cứ học! Nghiến răng mà học. Thầy còn lo được. Học mãi! Học để lớn lên mà dùng chữ.

Có cuộc tòng quân. Bạn bè đi vãn cả trường: Bạn Đài đi rồi. Bạn Chính đi rồi. Tôi trần trọc đến quá nửa đêm. Gió ào ào. Mưa rừng, rét thấu da. - Rồi một đêm khác, có tiếng gọi ngoài cổng vườn (thông ra rừng). Bước chân vào, thầy vừa rét run, vừa nói:

- Con đun cho thầy nồi nước sôi, pha muối vào: Đến đoạn Chọi, Đại Lâm, toàn xác chết, không hiểu xác Tây hay ta, thối rữa, thầy giẫm bầy nhầy, thối khẳn lên. Phải rửa nhanh.

Sáng hôm sau tôi xin nghỉ một buổi học để tiếp thầy.

- Thầy cho con tòng quân! Con nghỉ mãi rồi.

- Con đủ tuổi đâu mà đi!

- Con mười lăm tuổi rồi, trông lại lớn. Con xin được. Khôi đứa bé hơn con... con còn bé bỏng gì nữa đâu?

Mọi lần thầy chối từ ngay. Lần này thầy gật gù, nhưng buồn lắm, không nói gì...

Tây càn

Giữa mùng hai Tết. Đúng tầm nhà nhà bày cỗ, những chiếc máy bay bà già bay sát ngọn tre. Những chiếc dù bung ra. Một lát, làng Và đã bốc cháy, súng nổ điên loạn. Làng tôi, chúng chưa đến, nhưng chúng tha gì. Nhà tôi chỉ kịp đồ tất cả thức ăn vào cái sanh. Bánh chưng cho vào thúng. Cơm nếp cơm tẻ trút hết vào nồi. Đạn veo veo qua đầu. Tất cả làng chạy lên núi, nấp khe suối. Làng đã bắt đầu cháy. Ai còn ai mất? Nhà tôi cùng chạy với nhà bà Khiếu. Bà Khiếu đã tản cư ở tỉnh về đây, nay lại chạy. Nhà bà Khiếu có chị Trâm, em Đức, em Thơm. Ba người con gái như ba cái hoa đẹp. Nhà tôi rất thân nhà bà Khiếu. Hai nhà bày cỗ ra khe suối, quá trưa, ai cũng sợ, cũng đói mèm. Nhà đã nghèo, bao thức ăn bỏ lại. Miếng ăn đến miệng còn bị giật đi!

Giữa lúc ấy thầy tôi bị bắt. Thầy bị bắt lúc nào? ở đâu? Có người đã nhìn thấy chúng trói thầy, dẫn đi. May ra còn sống, thầy sẽ về. Dịch vẫn đóng ở xóm Đông. Trời đen như mực thể mà anh Thả dám mò về nhà. Anh vợ được mấy bộ quần áo rách, mấy bơ gạo rồi thăm dò tin thầy. Bặt vô âm tín. Đêm đêm u khóc rên rỉ. Giữa mùa hè mà sao tôi lạnh.

Tây rút rồi, rút về tỉnh rồi. Mọi nhà gồng gánh, bồng bế nhau về. Đêm đen xì. Chó cũng chạy đâu cả. Tiếng đóng hòm, đóng ván nghe khô khốc, lạnh gáy. Những ai chết nhỉ?

U tôi ngồi ở chỗ nào cũng khóc: "Bố nó ở đâu?...".

Một chiều. Cả nhà ngồi buồn rười rượi giữa sân: Thầy xuất hiện như trong cơn mê. Thầy cười trần. Hai sườn đầy xương vè, chiếc quần cộc rách tươm. Tay thầy xách nửa con chó thui vàng, béo nhẫy. Cả nhà reo lên. U lấy vạt áo lau nước mắt. Thầy kể như sau:

- Nó kéo đi hành quân để gồng gánh hầu nó. Nó muốn giết lúc nào thì giết. Khi đến chợ Chờ, tôi bàn với ông Chè xóm Đông là: Ăn mấy năm thuốc Lào. Đúng thế, vừa ăn xong hai người lăn ra đường nôn thốc nôn tháo. Một thằng cai Tây đá tôi một phát, tôi lăn từ bờ đê xuống ruộng. Nó bắn theo hai phát. Trượt. Tôi nằm im. Nó bắn ông Chè một phát rồi đạp xuống bờ đê.

Chúng tiếp tục kéo quân đi càn. Tôi cố bò đến lay ông Chè. Ông Chè đã chết, máu từ ngực đầm đìa. Dọc bờ đê bao nhiêu người chết như thế. Chúng càn đi, chúng quét lại. Trên gò từng đàn khu trục quân, đảo. Dưới ruộng từng đoàn xe lội nước. Xe lội nước

bắn tung nước đồng chiêm. Chúng bắn bừa vào người đang làm đồng. Trong các bãi cỏ lác đã có người chết. Nguy rồi! Xe chúng đã càn đến cánh đồng Mỗ, ở đây u và cái Bảng đang cấy. Như một cơn lốc kéo dài suốt sớm đến quá trưa. Xe chúng quay mũi rồi. Chúng rút. Chiều, dân làng đổ ào ra đồng tìm những người chữa về. Khổ rồi! Cả u, cả cái Bảng không về. Thầy dẫn anh Thả, cõng cái Chiếm đi tìm. Giời sấm tối, ráng màu mỡ gà phủ ngập đồng. Đến cánh đồng Mỗ thấy tiếng gào của cái Bảng. Thôi, u chết rồi. Cái Bảng ôm xác u, máu ra cả áo nó.

Cái Chiếm nhoài xuống ôm xác u, khóc không ra hơi. Chiếm mới lên ba. Anh Thả nghiêng rặng lại không khóc. Thầy giận tím bầm mặt, mắt mở to, ráo hoảnh. U mất vào mùa Đông - tháng mười ta.

Anh Thả là du kích. Sau, anh vào chủ lực tỉnh. Cứ đêm, anh vác súng lên về thăm nhà. Anh đội mũ nồi, mặc áo vệ quốc đoàn có cầu vai.

Vào một buổi Tây càn, anh xung vào đội quân chống càn. Anh Hữu cùng đi với anh nói rằng anh bất chấp, đánh rất hăng, bao nhiêu trận rồi, thắng. Khi đuổi địch về đến đồn Chi Long - Bắc Ninh, anh bị một viên đạn phục kích của địch bắn trúng bụng. Ruột lòi ra. Người ta cáng anh. Anh đòi uống nước. Anh đòi ăn cơm, ăn bao nhiêu cơm nấp. Ruột xổ ra hàng đồng. Không thể cứu được rồi! Anh tắt thở. Anh ra đi vào mùa Đông, tháng mười một ta.

Bao cái đau cũ, bây giờ lại bao nhiêu cái đau mới giáng lên đời thầy. Gà sông nuôi con. Tôi ít thấy thầy cười. Nhiều lúc thầy cứ ngấm từ đầu xuống chân tôi. Thầy nhìn tôi chăm chăm.

Tìm mộ anh Thả

Thầy kể rằng: Khi đánh vào đồn Chi Long, anh Thả hy sinh. Thảm thoát đã được hơn ba năm. Anh Hữu cùng đơn vị nói anh được mai táng cùng với hai anh nữa trên đỉnh gò giữa đồng làng Ngô Xá. Hơn ba năm thầy thắc thỏm: Phải mang anh về nằm ở đồng nhà!

Cả vùng Tây còn đóng, đến được chỗ anh không dễ dàng gì. Một mình thầy xách cái bị ra đi. Đường vòng vèo tránh địch xa gấp hai lần. Một người chả làm được gì đâu, phải nhờ chú Ba Thự giúp một tay. Chú Ba Thự tản cư tận Thắng. Hai anh em bàn nhau. Chú Thự nói:

- Em có xe đạp thồ, bê cái tiểu lên dất bộ là xong tất anh ạ! Xa thì xa, ngại gì.

Hai người đi luồn đi lách, đến chỗ anh Thả thì đã trưa. Ba nắm mộ nằm gần nhau, thấp lè tè, cỏ lút đầu người. Hai anh em bây giờ mới ngẩn người: Mộ nào là mộ anh Thả? Bia

đều đồ và mục hết cả đọc không ra chữ nào. Hai anh em đoán mãi, đoán mãi, rồi đào một nắm mộ. Hai người hồi hộp, khi đào đến cái chần trần thủ mủn. Da thịt đã tiêu hết, bộ xương còn nguyên.

Thầy lắc đầu:

- Nhầm rồi. Nhầm to rồi. Khô! Xương sọ này nhỏ lắm. Hàm răng thẳng Thả có một chiếc bọc vàng cơ mà!

Hai người hì hục lấp. Thầy có mấy khi rơi nước mắt, nhưng lần này nước mắt rùng rùng. Thầy thương anh Thả là một nhẽ. Một nhẽ nữa thầy đau xót cho người bị đào nhầm. Anh là ai? ở đâu? Gia đình đã có người đến nhận chưa. Anh nằm đây đến bao giờ?

"Thôi, chúng tôi đắp lại mồ mới cho anh cẩn thận, mồ sẽ yên, mả sẽ đẹp, anh rộng lòng tha thứ cho chúng tôi". Thầy vừa lầm nhảm nói vừa thấp hương lên ngôi mộ mới. Tiện tay, thầy đắp một vàng đất đặt lên đỉnh mộ bên cạnh và cũng thấp hương.

Hai người đào sang chiếc mộ thứ hai. Chú Thự bảo: "Lần này là phải đúng". Chú cũng phỏng đoán vậy thôi. Anh được bọc trong chiếc chần chiên Nam Định. Chần và da thịt cũng mủn hết. Bộ xương rời ra từng đốt. Hàm răng anh đúng là vẫn còn chiếc răng vàng. ở trên bộ xương ngực có cái bút máy "Oe-rơ-vo", đúng chiếc bút thầy cho hôm anh về chơi thăm nhà.

Cái nồi đất đỏ au, nước được múc dưới ao làng trong vắt. Thầy và chú Thự "tắm rửa" cho anh bằng nước lá thơm. Hài cốt anh đã được xếp gọn trong cái tiểu sành chín tím Hương Canh.

au một chặng đường khá xa, thầy và chú Thự đã dắt xe đạp dẫn anh về quê.

Mồ yên, mả đẹp, sớm chiều ở quê, thầy đều nhìn thấy. Khấp khởi, người cha như tìm lại được đứa con.

Đứng trước mộ anh, thầy nói:

- Bao giờ giời đất yên hàn, thầy xây cho con ngôi mộ thật đẹp!

Lên đường

Hôm bọn thằng Đài, thằng Toàn, thằng Thịnh, thằng Bắc... lên đường sao mà vui! Chúng nó hát vang. Được các thầy bắt tay, chúc tụng; được con gái tặng hoa, hát mừng và bao nhiêu sổ có chữ lưu niệm.

Ý định ra đi của tôi chẳng ai biết. Buổi học cuối cùng của tôi buồn lắm. Thầy Thuyết có đôi mắt lác, hôm nay giảng Văn lạc cả giọng. Thầy Hồ giảng Vạn Vật rời rạc, cứ như nói vào khoảng không người. Mọi lần, giờ Sử Ký của thầy Cư vui thế, cả lớp thỉnh thoảng lại cười rộ lên. Hôm nay thì chỉ có tiếng thầy. Tôi thắm chia tay các thầy, chia tay bạn bè. Đường về vắng bao nhiêu dấu chân quen thuộc.

Thầy tôi đang nấu cơm. Hôm nay có canh cá mè, hành luộc, cơm không độn ngô. Thầy bảo còn ít tiền, từ giờ đến lúc con đi phải ăn ngon hơn mọi bữa.

Thầy mua cho cái áo sợi dày, cộc tay, màu gụ để đỡ rét.

Đêm đã khuya, tôi soạn ít sách mang theo để tiếp tục học. Mấy giọt nước mắt rỏ xuống những quyển sách để lại. Những dòng chữ như níu tôi.

Gần sáng, thầy rủ rỉ (thì ra thầy thức cả đêm):

- Làm trai là phải đi, không sợ gì! Phải có chí. Đến đâu cũng học. Gặp người giỏi hơn mà học. Thù nhà, nợ nước phải biết trả! Viết thư ngay cho thầy!

Sớm, mưa dăng trắng rừng Hoàng Vân như sương mù. Chiếc bị cói tản cư ngày nọ, u vá cho bốn miếng vải đen bốn góc vẫn còn, cái mũ "cát" bạt vành; bộ quần áo nâu, chiếc áo sợi cộc tay mới mặc ra ngoài cùng. Chiếc gậy cây rừng. Chân vẫn đi đôi dép trắng "con hổ" từ đời nào đời nào, tôi lấy dây vải buộc chằng chịt trên quai.

Sắp lên đường thầy ngắm mãi; đôi mắt Người đỏ lên, gật gật:

- Con đi! Con đi đi!

Vượt khỏi cánh rừng, đến đồi thông Sơn Ca, tôi đứng lại nhìn. Tôi bất ngờ thấy bóng thầy ở cửa rừng, mờ trong mưa im như một pho tượng. Phía quê, khói ùn ùn. Đại bác nổ ập ập.

Tôi tiếp tục đi để kịp ngày tuyển quân.

Hôm ấy, là ngày hai-mươi-bảy tháng Giêng, năm một nghìn chín-trăm-năm-mươi...

Gia Lâm, tháng 2 năm 1984